



NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN VĂN TÙNG (đồng Chủ biên)
LÊ THỊ NGỌC ANH – TRẦN LÊ DUY – VÕ THỊ PHÚC HỒNG
TRẦN MINH HƯỜNG – HUỖNH VŨ LAM
NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – HỒ TRẦN NGỌC OANH

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGŨ VẦN

10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN VĂN TÙNG (đồng Chủ biên)
LÊ THỊ NGỌC ANH – TRẦN LÊ DUY – VÔ THỊ PHÚC HỒNG
TRẦN MINH HƯỜNG – HUỖNH VŨ LAM
NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – HỒ TRẦN NGỌC OANH

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP **NGŨ VĂN**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời nói đầu

Bạn thân mến!

Lớp 10 là lớp đầu cấp của một bậc học mới: bậc Trung học phổ thông. Từ đây, bạn sẽ bước vào một giai đoạn quan trọng của chương trình giáo dục phổ thông, giai đoạn có những định hướng rõ hơn về xu thế nghề nghiệp trong học tập. Bạn có thiên hướng rõ về kĩ thuật, công nghệ, về các môn khoa học tự nhiên hay là các môn khoa học xã hội và nhân văn? Đó là câu hỏi bạn cần tự trả lời, nhằm cân nhắc, lựa chọn các chuyên đề học tập phù hợp với khả năng của mình.

Cùng với sách giáo khoa, sách **Chuyên đề học tập Ngữ văn 10**, bộ sách *Chân trời sáng tạo* sẽ đồng hành cùng những bạn có định hướng nghề nghiệp thiên về các ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Nội dung sách gồm có ba chuyên đề:

1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian
2. Sân khấu hoá tác phẩm văn học
3. Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Các chuyên đề được soạn theo phương châm thiết thực, gần gũi, kĩ năng với thực hành; kết hợp cùng cố, hệ thống hoá kiến thức cơ bản với các hoạt động vận dụng, nhằm tạo ra các sản phẩm cụ thể. Theo đó, hoàn thành chuyên đề 1, chuyên đề 3, bạn sẽ bước đầu biết nghiên cứu và viết được một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian hay giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết. Hoàn thành chuyên đề 2 bạn có thể tự tin tham gia vào hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học cùng bạn bè. Không những thế, bạn còn có thêm cơ hội để hiểu sâu sắc hơn rằng: mỗi tác phẩm, nhân vật văn học thường mang thông điệp riêng, có đời sống riêng, đồng thời mang cả hơi thở, nhịp sống của con người và thời đại đã sản sinh ra nó.

Và điều bất ngờ, thú vị hơn nữa là sau khi hoàn thành các chuyên đề, bạn sẽ nhận ra rằng: việc sân khấu hoá, nghiên cứu một vấn đề, giới thiệu tác phẩm văn học,... hoá ra, không quá khó như nhiều người vẫn nghĩ.

Chúc các bạn có những trải nghiệm thú vị với **Chuyên đề học tập Ngữ văn 10**.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
MỤC LỤC	4
Chuyên đề 1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	6
Phần thứ nhất: TẬP NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	7
I. KHÁI QUÁT VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	12
II. TÌM HIỂU CÁCH THỨC NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	13
III. BÀI TẬP THỰC HÀNH	28
Phần thứ hai: VIẾT BÁO CÁO VÀ THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	30
I. VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	30
II. THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	39
Chuyên đề 2. SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC	42
Phần thứ nhất: TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC	43
I. TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐẾN KỊCH BẢN SÂN KHẤU	43
II. TRẢI NGHIỆM VỞ DIỄN	51
III. ĐẶC ĐIỂM CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC VÀ KỊCH BẢN SÂN KHẤU	53
IV. YÊU CẦU CỦA VIỆC SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỞNG	54
Phần thứ hai: TỔ CHỨC XÂY DỰNG KỊCH BẢN VÀ TẬP DIỄN XUẤT	56
I. SO SÁNH VĂN BẢN TRUYỆN <i>CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG</i> VÀ KỊCH BẢN CHUYỂN THỂ	56
II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG KỊCH BẢN SÂN KHẤU VÀ TẬP DIỄN XUẤT	65
III. THỰC HÀNH XÂY DỰNG KỊCH BẢN SÂN KHẤU VÀ TẬP DIỄN XUẤT	67

Phần thứ ba: QUY TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SẢN KHẤU HOÀ	71
I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	72
II. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	73
III. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM	74
Chuyên đề 3. ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	75
Phần thứ nhất: CÁCH ĐỌC MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	75
I. ĐỌC SÁCH: HÌNH THÀNH THÓI QUEN VÀ KĨ NĂNG	75
II. CÁCH ĐỌC MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	77
III. THỰC HÀNH ĐỌC	88
Phần thứ hai: VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	90
I. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	90
II. CẤU TRÚC BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	90
III. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN BÀI VIẾT	94
Phần thứ ba: TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	97
I. NHỮNG YÊU CẦU CHUNG	97
II. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	97
III. TỔ CHỨC SỰ KIỆN CẦU LẠC BỘ ĐỌC, GIỚI THIỆU TÁC PHẨM VĂN HỌC	100
BẢNG THUẬT NGỮ	103

Chuyên đề

1

**TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO
VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN**

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- Biết thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian.

Văn học dân gian là kho tàng nghệ thuật đa dạng và phong phú trong văn học, văn hoá của mỗi dân tộc. Ở đó có bao điều sâu sắc, thú vị cần được tìm hiểu như: hiện tượng các thể loại có sự giao thoa, chồng lấn nhau; một chi tiết trong tác phẩm có giá trị gọi mở nhiều ý nghĩa; những hình tượng nhân vật tạo nhiều hiệu ứng trong người đọc; những công thức lặp đi lặp lại ở nhiều tác phẩm; những chi tiết diễn xuống trong lễ hội dân gian có liên quan đến tác phẩm;... Đó đều là những vấn đề nghiên cứu trong tiếp nhận văn học dân gian. Chuyên đề này giúp bạn tập nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu những vấn đề như thế trong văn học dân gian.



Quan họ Bắc Ninh (Di sản văn hoá phi vật thể đại diện cho nhân loại)

Phần thứ nhất

TẬP NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Đọc văn bản

VỀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỤC NGŨ VIỆT NAM¹

1. Nội dung của tục ngữ

Quá trình lao động là quá trình phát triển khoa học và văn nghệ. Trong lao động, lí trí của con người phát triển, cảm quan thẩm mĩ được tôi luyện; những sáng tác dân gian truyền miệng sản sinh trên cơ sở của lao động sản xuất. Lao động nhằm biến thiên nhiên phục vụ cho mình, nên con người phải có những hiểu biết tối thiểu về quy luật của thiên nhiên. Thời xưa, tuy chưa có khoa học, nhưng bằng kinh nghiệm, tổ tiên chúng ta cũng nắm được trong một chừng mực nhất định quy luật của thiên nhiên. Những kinh nghiệm ấy thông qua tập thể, được đúc bằng những câu xuôi tai hoặc vần vè và được phổ biến trong dân gian. Đó là những câu tục ngữ về thời tiết, về cây cấy, về trồng trọt, về chăn nuôi,... Trong quan hệ xã hội, giữa người với người, xuất hiện những câu tục ngữ rút từ sinh hoạt, có tính chất nhận xét, giải thích, khuyên răn, theo một luận lí và một thế giới quan nhất định.

Chú ý cách xem xét tục ngữ từ phương diện nội dung.

Trong những việc đối nhân xử thế, người trí thức thời xưa thường viện những lời lẽ thánh hiền để bênh vực ý kiến của mình; trong trường hợp ấy, người nông dân chỉ cần kể ra một câu tục ngữ xen vào câu chuyện là người nghe đồng ý, vì tục ngữ là ý kiến tập thể chung. Tục ngữ được cấu tạo trên cơ sở thực tế, do lí trí nhiều hơn là do cảm xúc, tư tưởng đúc lại. Biểu hiện trong tục ngữ là tư tưởng đanh thép, sắc bén, rút ở cuộc đời. Ở tục ngữ, tính chất phản phong là tính chất mạnh hơn cả. Tục ngữ còn là những câu theo thói quen mà nói, nó là những câu thông tục. Tóm lại, về nội dung, tục ngữ là những sự nhận định sau kinh nghiệm của con người ta về lao động, về sản xuất, về cuộc sống trong gia đình, cuộc sống trong xã hội. Nội dung ấy vừa phong phú, vừa vững chắc, vì nó đã được đúc kết qua nhiều thế hệ của con người.

Chú ý cách triển khai các nội dung cụ thể của phương diện nội dung.

Như về khí tượng (sau dùng theo nghĩa bóng, rộng hơn ra) có những câu:

Quá mù ra mưa.

Sương sa, hoa nở.

Đông sao thì nắng, vắng sao thì mưa...

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Về việc đời có những câu:

Vớ quýt dây, móng tay nhọn.

Cái sậy nảy cái ung.

Công rắn cắn gà nhà...

Về lao động và sản xuất, có những câu:

Một lượt tát, một bát cơm.

Lúa đẻ là mẹ lúa chiêm.

Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa...

Những nhận xét, những kinh nghiệm trên đây cũng không thể một ngày mà có; phải sau một thời gian nào đó mới ổn định thành một thứ phương châm. Có những câu tục ngữ chỉ có ý nghĩa ở một địa phương, nhưng lại có những câu được lưu truyền rộng rãi, nên nó được sự sửa chữa của nhiều người, trở thành những câu giáo huấn, chỉ đạo cho người đời. Đó là đặc điểm của tục ngữ: nội dung của nó khác với ca dao và dân ca, hầu hết đều là những bài do cảm xúc mà có.

2. Hình thức của tục ngữ

Tục ngữ là những câu đã được nhiều người sửa chữa, truyền đi nhiều địa phương và chọn lọc qua nhiều thế hệ. Mới đầu, nó có thể chỉ là những câu xuôi tai, hợp lý, sau mới trở nên những câu gọn gàng, cân đối hay vần vẻ. Trong số những câu tục ngữ, vẫn còn những câu xuôi tai, ví dụ:

Làm phúc phải tội.

Đổi thì dầu gối phải bỏ.

Gà què ăn quần cối xay...

Hay câu:

Có ở trong chân, mới biết chân có rắn.

Lại có những câu vừa vần vẻ, vừa cân đối, như câu:

Khéo ăn thì no, khéo co thì ốm.

Tục ngữ không nhất thiết vần vẻ. Có một số câu không vần và cũng không cân đối như:

Ba bè, bảy bối.

Cả vốn, lớn lãi.

Có tiếng không có miếng...

Lại có những câu tuy không vần vẻ, nhưng hai vế ở mỗi câu rất đối nhau, như:

No nên bụt, đói ra ma.

Chú ý cách xem xét tục ngữ từ phương diện hình thức.

Chú ý cách triển khai các nội dung cụ thể của phương diện hình thức.

Nhưng ở tục ngữ, những câu không hẳn về là số ít; hầu hết tục ngữ đều có vần, và vần rất phong phú. Ở những câu tục ngữ ngắn, vần thường là vần lưng, nghĩa là vần ở giữa câu. Như những câu bốn chữ:

*Bút sa, gà chết.
Cố tật, giết mình...*

Những câu năm chữ:
*Cơm treo, mèo nhịn đói.
Việc bé, xẻ ra to...*

Những câu sáu chữ:
*Ăn lấy chắc, mặc lấy bền.
Một câu nhin, chín câu lành...*

Đó là những câu vần lưng và vần sát, nghĩa là vần kề liền nhau, như: *sa – gà; tật – giết; treo – mèo; chắc – mặc;...* Còn có những câu vần lưng, nhưng là vần cách: cách một chữ, như: *May tay, hơn hay thuốc; Khỏi lỗ thì vỗ vể; Đi chợ ăn quà, về nhà đánh con...*

Cách hai chữ như:
*Thúng bầy heo may, chuồn chuồn bay thì bão;
Gà cựa dài thịt rắn, gà cựa ngắn thịt mềm...*

Cách ba chữ như:
*Càng thăm thì lại mau phai
Thoang thoảng hoa nhài càng được thơm lâu...*

Và câu:
*Có cây mới có dây leo
Có cột, có kèo, mới có đòn tay...*

Những câu lục bát trên đây, người ta thường gọi là “lục bát biến thể”.

Đến lối gieo vần cách năm chữ thì tiến đến thể lục bát thông thường. Ví dụ câu sau đây:

*Cá tươi thì xem lấy mang
Người khôn xem lấy đôi hàng tóc mai.*

Có nhiều câu ca dao thể lục bát cũng gieo vần như trên. Căn cứ vào cách gieo vần của tục ngữ, ca dao, từ vần sát đến vần cách một, cách hai, cách ba, cách năm chữ, chúng ta thấy xuất hiện thể lục bát. Vậy có thể nói: thể lục bát đã xuất hiện trước nhất ở văn học dân gian, cụ thể là ở tục ngữ và ca dao, vì ở văn học thành văn hay văn học bác học của ta, vần vẫn dựa quá nhiều vào các thể loại Trung Quốc theo đường lối thi cử do các triều vua quy định và đã không có những lối gieo vần từ sát đến cách như chúng tôi đã trình bày ở trên.

Khi phân đoạn thành những câu riêng rẽ, người ta thấy vắn ở tục ngữ rất phong phú, có khi vắn ở chữ đầu câu dưới, vắn ở chữ thứ hai câu dưới, ở chữ thứ ba câu dưới,... Nhưng thật ra cũng chỉ là những vắn sát, vắn cách như chúng tôi đã kể trên.

Vắn ở đầu câu, như:

*Khôn cho người ta rái¹,
Đại cho người ta thương;
Dở dở ương ương,
Chỉ tổ cho người ta ghét.*

Vắn ở chữ thứ hai câu, như:

*Con dăng dăng,
Vina trông vina chạy;
Con dăng tấy,
Vina cây vina ăn.*

Lối gieo vắn ở tục ngữ đã làm khuôn mẫu cho nhiều thể thơ. Như trong truyện *Phật bà Quan Âm*, có những câu vắn gieo ở chữ thứ tư câu dưới (lục bát biến thể, như đã nói ở trên):

*Này chuyện con vua Thuý Thần,
Thái tử đi tuần, đội lối li ngư.*

Cả những lối đối chữ, đối nghĩa, tục ngữ cung cấp cho các nhà thơ những hình thức phong phú có thể làm cho nội dung câu thơ nổi hơn hết.

Như vậy, thể thơ lục bát và song thất lục bát của ta đã bắt nguồn từ lối gieo vắn của tục ngữ, ca dao.

Nhịp bình thường của câu thơ là nhịp đôi, câu sáu có ba nhịp, câu tám có bốn nhịp. Đôi khi câu sáu gồm hai nhịp ba và câu tám gồm hai nhịp ba, một nhịp hai.

Trong mỗi câu, cú chữ cuối của nhịp trước là *bằng* thì chữ cuối của nhịp sau là *trắc* và ngược lại. Các chữ cuối nhịp phải lần lượt *bằng, trắc* xen nhau. Riêng chữ thứ sáu và chữ thứ tám trong câu tám tuy đều là *bằng*, nhưng không được cùng một thanh. Nếu chữ này là “phù bình thanh” thì chữ kia phải là “trầm bình thanh”, hoặc trái lại.

*
* *

Xét về cả hai mặt nội dung và hình thức, tục ngữ là một loại văn học dân gian đã phát triển trước ca dao. Vì những lí do sau đây: tục ngữ là những câu ngắn, có câu chỉ là một lời nói xuôi tai, không vần và, nhiều câu

Chú ý cách đưa ra các nhận định về sự ra đời sớm của tục ngữ so với ca dao.

¹ *Rái* (hoặc *dái*): kiêng né, tôn trọng.

có thể xuất hiện vào thời tiếng nói của ta chưa phát triển mấy. Còn ca dao, ngay ở những bài học được coi là cổ, như bài: “Tay cầm con dao, làm sao cho sắc...”, nhạc điệu cũng đã rất phong phú và lời cũng rất chắc, biểu hiện những hình ảnh diễn biến, tiến lên từng cung bậc một, theo cử chỉ, hành động của người hái củi, đủ tả hết tình ý của anh ta trong lúc “một mình thui thủi” ở rừng sâu. Về mặt khác, ca dao thiên về tình cảm, biểu lộ tính tình của con người về muôn mặt, nên chỉ có thể phát triển vào thời mà đời sống xã hội đã phức tạp.

Tóm lại, khi nói: “tục ngữ, ca dao có thể xuất hiện cùng với thần thoại và truyền thuyết” là nói những tục ngữ, ca dao còn thô sơ, cũng như người ta nói: “tiếng hát xuất hiện trong lao động sau khi loài người có tiếng nói” thì tiếng hát ấy cũng không phải như tiếng hát của chúng ta ngày nay.

(Theo Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ Ca dao Dân ca Việt Nam* – in lần thứ 11 có sửa chữa và bổ sung, Nxb KHXH, tr.48 – 53)

Trả lời câu hỏi:

- Xác định vấn đề được giả trình bày trong văn bản trên. Theo bạn, vấn đề đó liên quan đến phạm vi đối tượng nào dưới đây?
 - Một tác phẩm văn học dân gian.
 - Một thể loại văn học dân gian.
 - Một hình tượng hay một chi tiết nghệ thuật trong văn học dân gian.
 - Một đặc trưng của văn học dân gian.
- Tục ngữ Việt Nam được tác giả tìm hiểu từ những phương diện nào? Mỗi phương diện ấy lại được xem xét từ các yếu tố nào? Hãy tóm tắt nội dung bài viết bằng một sơ đồ.
- Xác định các thao tác mà tác giả đã sử dụng để triển khai.
 - Phân tích
 - Tổng hợp
 - So sánh
 - Thống kê
- Thử hình dung về cách làm việc của tác giả để đưa ra những nhận định hay kết luận trong văn bản: tác giả đã tìm hiểu, thu thập thông tin bằng những cách nào (tập hợp, thu thập, phân loại các câu tục ngữ, tham khảo bài viết của người khác,...)?
- Từ bài viết trên, bạn rút ra được điều gì về cách nghiên cứu văn học dân gian?

I. KHÁI QUÁT VỀ VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Văn học dân gian

Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ có từ thời xa xưa của quần chúng nhân dân, được sáng tác và phổ biến, truyền bá chủ yếu theo phương thức truyền khẩu, bằng cả văn xuôi lẫn văn vần hoặc bằng những loại hình văn hoá khác có yếu tố văn học. Hầu như mọi dân tộc đều có văn học dân gian. Văn học dân gian gồm nhiều thể loại, nhóm thể loại, tùy theo mỗi góc nhìn mà có cách phân loại riêng. Tuy nhiên, người ta thường nói đến các nhóm thể loại, thể loại sau đây: 1) nhóm thể loại tự sự dân gian với các thể loại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ, vè,...; 2) nhóm thể loại trữ tình dân gian (hay thơ ca dân gian) với ca dao, dân ca,...; 3) nhóm thể loại sân khấu dân gian với chèo cổ, tuồng đỏ, múa rối,... Ngoài ra còn có các thể loại khác thiên về lí trí như tục ngữ, câu đố,...

Mỗi thể loại, nhóm thể loại nêu trên đều có các đặc điểm riêng cần lưu ý khi thực hiện nghiên cứu một vấn đề liên quan.

Khi đọc một bài ca dao, nghe một câu dân ca hay kể một câu chuyện cổ tích, chúng ta có thói quen sẽ suy nghĩ về các tác phẩm đó giống như đọc một bài thơ, một truyện ngắn hoặc nghe một bản nhạc nhằm mục đích giải trí. Kì thực, các tác phẩm văn học dân gian có những đặc điểm sáng tác, hoàn cảnh thể hiện và cách thưởng thức khác xa văn học viết. Do đó, khi nghiên cứu, tìm hiểu một vấn đề của văn học dân gian, bên cạnh việc trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về văn học, thể loại văn học nói chung, bạn còn phải tự trang bị thêm cho mình những kiến thức, kĩ năng phù hợp với việc nghiên cứu, tìm hiểu một vấn đề thuộc lĩnh vực này.

2. Vấn đề văn học dân gian

Văn học dân gian còn được đến ngày nay phần lớn là tồn tại trong các đơn vị tác phẩm, thuộc một thể loại nhất định. Bên cạnh việc phân tích tác phẩm truyện cổ dân gian như trong sách *Ngữ văn 10*¹ đã học, bạn còn nên biết cách nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. Vậy, thế nào là một vấn đề văn học dân gian?

Vấn đề là một điều gì đó (thường có mâu thuẫn hoặc chưa rõ ràng) cần được xem xét, nghiên cứu, giải quyết. Vấn đề văn học dân gian có thể là những sự kiện chưa rõ, những chi tiết có nhiều cách hiểu, những công thức mang nhiều ý nghĩa, những nhân vật gây nhiều tranh luận,... trong các tác phẩm hoặc các thể loại văn học dân gian cần được làm rõ. Có thể hệ thống hoá các vấn đề văn học dân gian thành một số loại như sau:

a) Loại vấn đề liên quan đến một tác phẩm cụ thể (một truyền thuyết, một truyện cổ tích, một bài ca dao,...) như: sự trùng khớp hay khác biệt giữa các dị bản của một bài ca dao, một truyện cổ tích, một truyền thuyết,... hiện tượng đối văn và đảo từ ngữ trong bài: *Trong đầm gì đẹp bằng sen...; Con mèo mà trèo cây cau...* là tự sự hay trữ tình, thông điệp gì?

¹ Nguyễn Thành Thi (chủ biên), *Ngữ văn 10*, tập một – Chân trời sáng tạo, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.23 – 28.

b) Loại vấn đề liên quan đến một hình tượng nhân vật, một chi tiết nghệ thuật như: hình tượng nhân vật chính diện, phản diện, nhân vật dũng sĩ, người mờ côi; hình tượng tiên bụt trong truyện/ nhóm truyện cổ tích thần kì; yếu tố phi lí, yếu tố thanh/ tục, lối nói ngược trong một bài ca dao,...

c) Loại vấn đề liên quan đến đặc điểm nội dung, hình thức của một hay một số thể loại như: cách gieo vần trong tục ngữ, sự gần gũi giữa tục ngữ và ngụ ngôn, khác biệt giữa tục ngữ với ca dao, cái kết cổ hủ trong truyện cổ tích, vai trò của đoạn kết trong văn bản truyền thuyết,...; hoặc việc phân loại, xác lập hệ thống thể loại của văn học dân gian,...

d) Loại vấn đề liên quan đến các đặc trưng của văn học dân gian như: diễn xướng, ảnh hưởng qua lại giữa văn học dân gian và văn học viết,...

II. TÌM HIỂU CÁCH THỨC NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Xác định đề tài, mục đích và lập kế hoạch nghiên cứu

a. Xác định đề tài nghiên cứu

Xác định đề tài nghĩa là khoanh vùng lấy một khía cạnh, một mảng hay một nhánh trong nhiều mặt của văn học để tìm hiểu. Trong lĩnh vực được chọn đó, đề tài nghiên cứu là những sự việc có chứa mâu thuẫn, còn chưa rõ, còn nhiều tranh luận, tức là có vấn đề. Để có sự khoanh vùng các lĩnh vực trong văn học dân gian, bạn có thể sử dụng mô hình cây mục tiêu hoặc sơ đồ tư duy để phân chia làm rõ các mảng/ nhánh vấn đề của một nền văn học:



Trong hai sơ đồ trên, sơ đồ bên trái gợi ý nghiên cứu một số yếu tố thuộc hình thức của ca dao. Từ những cụm từ quan trọng chỉ các yếu tố mà sơ đồ này gợi lên, có thể xác lập các đề tài nghiên cứu, chẳng hạn:

- Cách lựa chọn **từ ngữ** gọi tả hay biểu cảm qua một số bài ca dao
- Cách sử dụng **hình ảnh** và biểu tượng trong một hay một số bài ca dao
- **Biện pháp so sánh** trong các bài ca dao mở đầu bằng “Thân em...”
- Sự khác biệt về **văn, nhịp** trong ca dao so với **văn, nhịp** trong tục ngữ

Sơ đồ bên phải gọi ý nghiên cứu một số yếu tố thuộc nội dung của truyền thuyết. Từ những từ ngữ quan trọng chỉ các yếu tố mà sơ đồ này gọi lên, có thể xác lập các đề tài nghiên cứu, chẳng hạn:

- **Đặc điểm** của nhân vật truyền thuyết qua một số truyền thuyết Việt Nam thời đại Hùng Vương
- **Cảm hứng** ngợi ca lịch sử của cộng đồng trong truyền thuyết
- Bối cảnh **lịch sử – văn hoá** sản sinh tác phẩm truyền thuyết
- Chuỗi **sự kiện** và cách kết thúc trong truyền thuyết

Sau khi đã chọn được lĩnh vực, diễn đạt vấn đề đó thành một ý tưởng, bạn có “đề tài nghiên cứu”. Đề tài nghiên cứu thường là một câu từ hay một mệnh đề chứa đựng vấn đề cần nghiên cứu. Các ví dụ về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, văn, nhịp,... trong ca dao; về nhân vật, cảm hứng, lịch sử – văn hoá, sự kiện trong truyền thuyết vừa nêu trên đây chính là các ý tưởng được nêu dưới dạng đề tài nghiên cứu văn học dân gian.

Trong quá trình xác định đề tài, bạn nên lưu ý đến “tính vấn đề” trong đề tài. *Tính vấn đề* nghĩa là trong đối tượng nghiên cứu còn chứa đựng những mâu thuẫn, những điều chưa rõ hoặc chưa được giải quyết thấu đáo, cần phân tích, lí giải từ những góc nhìn mới. Đề tài có tính vấn đề giúp bạn có trọng tâm để thực hiện, giới hạn phạm vi nghiên cứu và tăng khả năng thành công. Còn đề tài chưa có tính vấn đề nghĩa là thiếu những yếu tố cần phải giải quyết, nó có phạm vi quá rộng hay quá hẹp, dễ gây lạc đề hoặc không đủ tâm để nghiên cứu. Bảng so sánh sau đây giúp bạn phân biệt đề tài nghiên cứu có tính vấn đề và đề tài nghiên cứu chưa có tính vấn đề:

Đề tài chưa xác định vấn đề nghiên cứu	Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu
1) Tục ngữ/ hình thức của tục ngữ	Về một đặc điểm hình thức của tục ngữ: cách gieo vần.
2) Những câu hát than thân	Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát dân gian than thân.
3) Thần thoại/ truyền thuyết	Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> .
4) Truyện cổ tích thần kì	Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.
5) <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>	Cách nói ngược trong bài ca dao/ đồng dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>

b. Xác định mục đích, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Công việc sau khi có đề tài nghiên cứu là bạn sẽ xác định “mục đích nghiên cứu”. Mục đích nghiên cứu là *trạng thái mong muốn có được* sau khi tiến hành tìm cách nghiên cứu, giải quyết vấn đề. Mục đích thường giải quyết, làm rõ những khuất tất, những điều chưa rõ hoặc những mâu thuẫn có trong “vấn đề”. Cũng có khi, mục đích là tìm ra cái mới, cái độc đáo trong những vấn đề rất quen thuộc. Chẳng hạn, mục đích của bài nghiên cứu về tục ngữ nêu trên là phát hiện ra đặc điểm về hình thức và nội dung của tục ngữ. Những đặc điểm này vốn dĩ một số người có thể hiểu sơ lược, nhưng lập luận và phân tích một cách có hệ thống như vậy thì phải qua công trình của Vũ Ngọc Phan.

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Mục đích nghiên cứu
1) Về một đặc điểm hình thức của tục ngữ: cách gieo vần.	Tìm hiểu hình thức của tục ngữ qua cách gieo vần.
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát dân gian than thân.	
3) Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> .	Giải thích nguyên nhân tạo hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trong truyền dân gian – qua trường hợp <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> .
4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.	
5) Cách nói ngược trong bài ca dao/ đồng dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>	Tìm hiểu tác dụng của hình thức nói ngược đối với nội dung trong bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>

Bạn hãy tiếp tục xác định mục tiêu nghiên cứu cho các đề tài còn thiếu trong bảng trên đây.

Từ mục tiêu nghiên cứu, bạn phải thiết lập một hệ thống các luận điểm lập thành đề cương nghiên cứu. Để các luận điểm không bị lạc đề và trùng lặp, bạn cần đặt câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu. Hai yếu tố này giúp cho bạn xây dựng các luận điểm nghiên cứu một cách chặt chẽ, có trọng tâm. Câu hỏi nghiên cứu là những hình dung của bạn về vấn đề cốt lõi cần giải quyết. Giả thuyết là một kết luận giả định về bản chất của vấn đề do bạn đưa ra để chứng minh (nếu nó đúng) hoặc bác bỏ (nếu nó sai). Với những đề tài có tính vấn đề, bạn dễ dàng đặt câu hỏi, và từ câu hỏi mà nêu giả thuyết nghiên cứu. Ví dụ:

Xác định vấn đề, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Câu hỏi nghiên cứu	Giả thuyết nghiên cứu
1) Về một đặc điểm hình thức của tục ngữ: cách gieo vần.	Cách gieo vần có ảnh hưởng đến ý nghĩa và cách sử dụng của tục ngữ hay không?	Cách gieo vần có ảnh hưởng đến ý nghĩa và cách sử dụng của tục ngữ.
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát dân gian than thân.		
3) Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá – trường hợp <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> .	Vì sao có hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá – trường hợp <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> ?	Diễn xướng lễ hội và việc ghi chép thần tích trong đến miếu là nguyên nhân của hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> .
4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.		
5) Cách nói ngược trong bài ca dao/ đồng dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>	Cách nói ngược có ảnh hưởng thế nào đến nội dung bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i> ?	Cách nói ngược vừa tạo hiệu ứng về hình thức vừa nhấn mạnh về nội dung của bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>

Tham khảo vấn đề, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu ở các ví dụ 1, 3, 5 trong bảng trên, bạn hãy xác định câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu cho các vấn đề 2, 4, 6.

c. Lập kế hoạch nghiên cứu

Để bài nghiên cứu thành công, đúng tiến độ và đạt mục tiêu, bạn cần phải định ra các công việc sẽ làm, xác lập các mốc thời gian, dự kiến những sản phẩm có được. Công việc đó chính là *lập kế hoạch nghiên cứu*.

Hình thức của kế hoạch có thể tùy vào người lập miễn sao đảm bảo yêu cầu rõ ràng, dễ đọc dễ hiểu, dễ thực hiện; khuyến khích sử dụng các biểu tượng để kích thích cảm xúc người xem, giúp người thực hiện dễ hình dung ra công việc.

Nội dung của kế hoạch, ngoài mục tiêu, đề cương cần có đủ thông tin. Ví dụ:

KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU

- **Đề tài:** Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- **Mục đích nghiên cứu:** Giải thích nguyên nhân tạo hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trong truyện dân gian – qua trường hợp Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- **Câu hỏi nghiên cứu:** Vì sao có hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp Sơn Tinh, Thủy Tinh?
- **Giả thuyết nghiên cứu:** Diễn xướng lễ hội và việc ghi chép thần tích trong đền miếu là nguyên nhân của hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp Sơn Tinh, Thủy Tinh.

 Thời gian	 Công việc	 Địa điểm	 Phụ trách	 Sản phẩm
3 ngày	Lập kế hoạch	Trường THPT ...	Trưởng nhóm	Bản kế hoạch
10 ngày	Sưu tầm tài liệu	Thư viện	Các cá nhân trong nhóm	Các phiếu ghi chép
	Phỏng vấn, điều tra	Khu dân cư	Các cá nhân trong nhóm	File video, bản ghi âm
7 ngày	Viết bản thảo báo cáo	Trường THPT	Các nhóm theo kế hoạch	Bản thảo báo cáo

Đề cương

1. Giới thiệu
2. Về thể loại truyền thuyết, thần thoại và trường hợp truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
3. Tình hình phân loại truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
 - a. Thần thoại hoá
 - b. Truyền thuyết hoá
4. Nguyên nhân của sự phân loại
 - a. Do ghi chép thần tích
 - b. Do diễn xướng lễ hội
5. Kết luận

(Trích một bản kế hoạch nghiên cứu)

2. Thu thập thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu

a. Thu thập thông tin từ các tài liệu

Có nhiều loại tài liệu trong nghiên cứu văn học dân gian và mỗi loại tài liệu có một cách sưu tầm.

- Tài liệu từ sách, báo, tạp chí,...
- Tài liệu từ internet

Tất cả các tài liệu đều phải được ghi rõ nguồn gốc và được tập hợp thành thư mục. Có nhiều cách để lập thư mục, nhưng phổ biến nhất là dùng *Phiếu thông tin* để thu thập và ghi chép khi đọc mỗi tài liệu. Trong phiếu này, có ba yếu tố quan trọng cần bạn ghi chép là: *Biết* (nội dung chính và thông điệp của tác giả); *Hiểu* (các thông tin có liên quan cần cho đề tài nghiên cứu); *Dùng* ("Trích nguyên văn các nội dung quan trọng phục vụ cho dẫn chứng khi viết báo cáo" – số trang).

PHIẾU THÔNG TIN

Tác giả (năm xuất bản), Tên tác phẩm, Nxb, nơi xuất bản

Biết:

Hiểu:

Dùng:

b. Thu thập thông tin qua tìm hiểu, phỏng vấn chuyên gia

Ngoài việc đọc sách báo, một trong những cách thu thập thông tin mà những người nghiên cứu văn học dân gian hay sử dụng là phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia. Do có nhiều sự kiện, nhân vật hoặc chi tiết mà tác phẩm phản ánh đã không còn hiện diện trong đời sống hiện đại nên việc tham khảo ý kiến chuyên gia (những người có hiểu biết trong lĩnh vực văn học dân gian) là rất cần thiết và tiết kiệm thời gian, công sức. Điều này vừa giúp cho bạn hiểu đúng vừa tránh những suy diễn và phân tích không cần thiết.

Chẳng hạn, nếu bạn thấy trong truyện *Tấm Cám*, chi tiết kết thúc có phần mâu thuẫn với truyền thống nhân đạo của người Việt Nam, bạn tìm hiểu nhiều nhưng không biết ý kiến trên tài liệu nào là đúng. Bạn hãy sử dụng cách thức hỏi chuyên gia. Hãy đọc văn bản sau để biết cách đặt câu hỏi và các thông tin nhận được từ chuyên gia.

Văn bản

PGS. CHU XUÂN DIỄN: VĂN HỌC DÂN GIAN KHÔNG CÓ BẢN CHÍNH THỨC DUY NHẤT¹

(Trích)

Thứ hai, 14 – 11 – 2011 10:21 (GMT+7)

Những ngày vừa qua, dư luận xôn xao về việc sách giáo khoa môn Ngữ văn lớp 10 đã thay đổi đoạn kết trong câu chuyện cổ tích quen thuộc Tấm Cám. Xung quanh vấn đề này, phóng viên đã có cuộc trao đổi với PGS. Chu Xuân Diên, nguyên Trưởng bộ môn Văn hoá dân gian, Trường Đại học Khoa học xã hội – Nhân văn, người có nhiều năm nghiên cứu văn học dân gian.

Pv: Ông nhận xét như thế nào xung quanh chuyện tranh cãi về đoạn kết truyện Tấm Cám trong sách giáo khoa lớp 10? **1**

1 Chú ý sự tương tác giữa câu hỏi của người phỏng vấn và câu trả lời của người được phỏng vấn.

PGS Chu Xuân Diên: Vào khoảng những năm 2002 – 2003, sinh viên khoa Ngữ văn – Báo chí khi ấy có tổ chức một chuyến sưu tầm thơ văn dân gian ở Bạc Liêu, tôi có đề nghị các em chú ý xem người dân ở đây kể truyện *Tấm Cám* như thế nào. Kết quả, các em đã ghi nhận 17 lời kể *Tấm Cám* khác nhau, trong đó riêng đoạn kết cũng có nhiều kiểu.

Nhắc đến điều đó để cho thấy, cần ghi nhớ, *Tấm Cám* là truyện dân gian, mang tính truyền khẩu. Mà đã truyền khẩu thì việc tồn tại những dị bản khác nhau là hết sức bình thường. Bản *Tấm Cám* dùng trong sách giáo khoa hiện nay chủ yếu dựa vào bản kể trong “Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt Nam” (1961) do nhà văn Vũ Ngọc Phan làm chủ biên. Mà bản này lại có phần giống bản của GS. Nguyễn Đồng Chi trong tập bốn bộ “Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam”.

Thực ra, so với các truyện cổ tích khác, *Tấm Cám* là một tác phẩm tương đối đặc biệt, vì trong số các dị bản có một số dị bản có cái kết “khác thường”, cho nhân vật chính có sự thay đổi về tính cách, điều hiếm xảy ra với các truyện cổ tích. Chính vì thế, không phải đến bây giờ mới nảy sinh các tranh cãi về đoạn kết *Tấm Cám* mà đã nhiều lần, giới khoa học đề cập đến vấn đề này trong các công trình nghiên cứu về văn học dân gian Việt Nam.

Pv: Vậy theo PGS, truyện *Tấm Cám* trong sách giáo khoa có nên thay đổi đoạn kết hay không và nếu thay đổi thì nên như thế nào mới hợp lí? **2**

2 Chú ý sự khác nhau về thông tin giữa hai câu hỏi của người phỏng vấn và sự khác nhau về thông tin giữa hai câu trả lời của người được phỏng vấn.

¹ Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, đăng ngày 14 – 11 – 2011, truy cập tại địa chỉ: (<https://dangcongсан.vn/tu-tuong-van-hoa/pgs-chu-xuan-dien-van-hoc-dan-gian-khong-co-ban-chinh-thuc-duy-nhat-98583.html> ngày 12 – 9 – 2021).

PGS. Chu Xuân Diên: Với trường hợp *Tấm Cám*, đây là một tác phẩm đặc thù nên khi giảng dạy ở trường học, chỉ cần lựa chọn một dị bản phù hợp với ý nghĩa của truyện là người tốt được hưởng hạnh phúc, kẻ xấu bị trừng phạt là đủ. Phần kết hiện nay nếu cảm thấy nhợt nhạt thì hoàn toàn có thể chọn một dị bản có phần kết nhẹ nhàng hơn, như một số dị bản cho vua hoặc ông trời là người trừng phạt.

Bên cạnh đó, sách nâng cao, sách dành cho giáo viên có thể mở rộng thêm bằng cách giới thiệu những dị bản, nhất là những dị bản có phần kết khác biệt hoàn toàn để học sinh có thể hiểu thêm.

Đừng hiểu nhầm là cứ đưa vào sách giáo khoa là trở thành tác phẩm chuẩn mực khó thay thế, cần phải chú ý rằng, trong văn học dân gian, không có cái gọi là bản chính thức duy nhất, có thể thay thế cho mọi dị bản, vì thế việc sửa chữa hay thay thế dị bản này bằng dị bản khác cũng không phải là chuyện không thể.

Tuy nhiên, không nhất thiết tác phẩm nào cũng vậy, do *Tấm Cám* có những dị bản khác nhau hoàn toàn về tính cách nhân vật nên mới cần bổ sung thêm. Còn nhiều truyện dân gian, cổ tích khác, các dị bản chỉ khác nhau một số chi tiết phụ, không quá quan trọng thì ở cấp trường học không cần bổ sung thêm các dị bản khác.

Trả lời câu hỏi:

1. Bài phóng vấn có mấy phần? Nội dung từng phần là gì?
2. Bài phóng vấn được thực hiện trong bối cảnh nào, nhằm mục đích gì?
3. Vì sao phóng viên chọn người trả lời phóng vấn là PGS. Chu Xuân Diên?
4. Nhận xét về cách đặt một câu hỏi và bố trí các câu hỏi của phóng viên.

Để tiến hành phóng vấn, bạn cần chuẩn bị trước các câu hỏi, ghi thành *Phiếu hỏi chuyên gia* để tránh thiếu thông tin hoặc lệch mục tiêu khi phóng vấn. Có thể phóng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại, email hoặc các phương tiện khác với sự đồng ý của chuyên gia.

Thực hành: Bạn hãy dùng mẫu phiếu hỏi sau và thực hiện phóng vấn về một đề tài mà bạn đã chọn nghiên cứu:

PHIẾU HỎI CHUYÊN GIA

Chuyên gia:; nơi làm việc:

Mục đích:

Cách thức:; thời gian:; địa điểm:

Nội dung	Câu hỏi	Câu trả lời

c. Ghi chép trải nghiệm thực tiễn

Một trong những phương pháp khác mang đặc trưng của văn học dân gian là *tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn*. Phương pháp này là một dạng đơn giản nhất của phương pháp điền dã dân tộc học (fieldwork) được vận dụng vào nghiên cứu văn học dân gian. Vì văn học dân gian mang tính tập thể cao, được truyền miệng rộng rãi, sức sống và sự hiện diện của nó vẫn còn trong đời sống hiện tại nên bạn cần phải tự mình đi vào cuộc sống, tham gia những sự kiện văn hoá và trải nghiệm những cảm xúc thật. Ngoài ra, việc tìm hiểu trong thực tiễn giúp bạn đánh giá được mức độ ảnh hưởng của vấn đề đang nghiên cứu trong đời sống.

Điểm quan trọng của việc trải nghiệm là ghi lại cảm xúc của chính bản thân khi bạn tham gia vào sự kiện muốn tìm hiểu, nhất là khi tham gia một buổi sinh hoạt văn hoá nhằm tìm ra nét đặc trưng của tác phẩm nghiên cứu. Bên cạnh việc theo dõi trình tự diễn ra của sự kiện, bạn cần ghi lại suy nghĩ, cảm xúc của bản thân ngay lúc đó. Điều này sẽ không có được nếu bạn chỉ đọc văn bản.

Phiếu ghi chép trải nghiệm thực tiễn một buổi kể chuyện của người Khmer

Tựa đề/ sự kiện:	Chuyện bốn anh tài và hoàng tử Pras Thôn ¹
Tên người tham gia:	Thạch Thuôi và một số người không ghi rõ tên (vì bối cảnh không tiện can thiệp)
Địa điểm ghi nhận:	Ấp Bưng Triết, xã Liêu Tú, huyện Trăn Đề, tỉnh Sóc Trăng
Ngày tháng ghi nhận:	12 – 3 – 2013, buổi sáng
Thể loại:	Cổ tích thể sự nhưng lại có chức năng giải thích lễ nghi

¹ Theo Huỳnh Vũ Lam (2019), *Nghiên cứu truyện dân gian Khmer Nam Bộ dưới góc nhìn bối cảnh*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, tr.364 – 369.

Trích phiếu ghi chép trải nghiệm buổi nghe kể *Chuyện bốn anh tài và hoàng tử Pras Thôn* của người Khmer.

Truyện cổ thể tóm tắt như sau: Có bốn người kết nghĩa cùng đi học phép thuật. Sau khi học xong, mỗi người có một tài năng riêng. Trên đường từ nơi học đạo trở về quê, anh có tài dự đoán biết trước và nói cho ba người còn lại rằng sẽ có một con chim đại bàng cắp công chúa bay tới. Sau khi chuẩn bị, anh thứ hai giương cung bắn trúng chim đại bàng lúc nó bay ngang. Chim bị thương và làm rơi công chúa xuống biển. Anh thứ ba có tài lặn cứu được công chúa từ biển lên nhưng nàng đã chết. Anh thứ tư có tài cải tử hoàn sinh đã cứu công chúa sống lại. Sau đó, bốn anh tài đều muốn làm chồng công chúa. Câu chuyện được đưa đến một vị quan phán xử. Vị này phán quyết: người cứu công chúa sống sẽ làm cha vì có công sinh ra công chúa lần thứ hai; vị có tài bắn cung làm anh công chúa vì bảo vệ được em; vị có tài dự đoán là mẹ vì lo lắng được cho con. Duy vị có tài lặn sẽ làm chồng vì đã dũng cảm cơ thể công chúa khi cứu từ biển. Trong lễ cưới, người Khmer dùng hoa cau để công chúa và chồng tạ ơn ba người còn lại vì đã có công cứu mình.

Cụ thể hơn về người tham gia:

1) Ông Thạch Thuột:

– 64 tuổi, làm ruộng (nguyên Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Liêu Tú, huyện Trấn Đất, tỉnh Sóc Trăng, 30 năm dạy học, đã nghỉ hưu).

– Đặc điểm (suy nghĩ, quan niệm): Suy nghĩ theo hướng hiện đại, cập nhật thông tin đất nước và địa phương qua báo đài. Đối với truyền thống, không cứng nhắc.

2) Những người tham gia: cũng giống ông Thuột và có nhiệm vụ tương tác với ông trong quá trình kể chuyện.

Tình huống:

Buổi sáng, khi mọi người ra khỏi nhà, các vị lớn tuổi thường ngồi tại một quán cà phê gần nhà uống nước và trò chuyện. Họ nói về mùa màng, bàn chuyện lúa thóc, tranh luận chuyện thời sự trong nước và quốc tế. Khi cô chủ quán bưng ra một đĩa bánh gừng, một loại bánh của người Khmer trong lễ cưới, mời mọi người ăn thì ông Thuột hỏi: “Đám cưới của ai?” Cô chủ quán: “Dạ, đám của đứa em ruột”. Ông Thuột quay sang hỏi tôi: “Thấy ăn bánh gừng chứ có biết sự tích lễ cưới người Khmer không?”. Tôi cười và thú nhận: “Dạ chưa ạ, xin bác cứ kể”.

Diễn biến của hoạt động kể – nghe kể

Văn bản qua lời kể

Ông Thạch Thuột nhấp một ngụm cà phê rồi bắt đầu kể bằng tiếng Việt, đôi khi pha lẫn vài tiếng Khmer. **1**

Theo dõi, cảm nhận

1 Giọng điệu người kể không hề đổi so với cách nói bình thường, lời kể không tỏ ra thiện chí vì câu cụt, nhưng có lẽ do phải kể bằng tiếng Việt nên mới có hiện tượng đó.

Bốn người không có nhà và nghèo khó đi học đạo, được ông thấy thấy thương nhận làm đệ tử để dạy. Ông thấy dặn vợ mình chăm sóc bốn đứa thật tốt để nó học hiệu quả. **1**

Một ông ngồi đối diện nói: “Dạ! cứu người... hông phải đầu, kêu là giống như bác sĩ vậy đó”. Ông Thạch Thuột nói: “À, gọi là thầy thuốc có phép cải tử hoàn sinh”. **2**

Theo dõi, cảm nhận

2 Sự tham gia trực tiếp của người nghe tạo một không khí giao tiếp kể – nghe – hỏi đáp thoải mái, bình đẳng, mang lại ý vị riêng cho câu chuyện và việc thưởng thức.

Sau khi thành tài, mỗi người có một đặc điểm: bán cung, xem bói, thợ lặn và cứu người chết cho nó sống lại. **2**

Ông Thạch Thuột vừa kể vừa dùng điệu bộ để diễn tả, lời nói có giọng điệu, nhấn mạnh ở cuối câu.

Một vị nói: “Tung” là sóng chứ không phải hổ. Ông Thạch Thuột đồng ý, là sóng ăn ra biển. **3**

Ông Thạch Thuột nói đến chim “đại hoàng” (?)

Theo dõi, cảm nhận

3 Việc kể tạm bị gián đoạn: người nghe định chính về nghĩa của từ “tung” (tiếng Khmer): sóng; người kể giải thích thêm: sóng ăn ra biển, không phải “hổ”.

– Thật ra là chim “đại bàng”, do ông không phát âm đúng tiếng Việt. Ba vị còn lại cũng không phản đối.

– Cách nói “8:00 giờ” bị hiện đại hoá.

Trên đường về, bốn người nằm nghỉ dưới gốc cây cạnh một hồ lớn. Bốn người thách nhau xem ai tài giỏi. Những người còn lại thách anh biết bơi nói thử chuyện của ngày mai xem có gì. Anh bơi lật sách vở ra xem nói là ngày mai đúng 8:00 giờ có con chim “đại hoàng” bắt một công chúa của nước nào đó bay qua đây. **3**

Ông Thạch Thuột tiếp tục vừa kể vừa dùng điệu bộ để diễn tả, lời nói có giọng điệu, nhấn mạnh ở cuối câu. **4**

Ông Thạch Thuột vừa kể vừa cười, giọng ra vẻ thú vị. Ba vị kia cũng tỏ vẻ biết, liên tục gật đầu và phụ họa. Ông Thạch Thuột có vẻ hào hứng nên nói bằng tiếng Việt luôn, không chêm vào tiếng Khmer nữa.

Theo dõi, cảm nhận

4 Ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật trong câu chuyện được bình dân hoá như cách nói hàng ngày của đám thanh niên nơi phum sóc. Cách diễn đạt hoa mỹ hay lời nói gián tiếp của những người có học sẽ hoàn toàn khác với phong cách dân dã của các vị này.

Hôm sau, đúng 8:00 giờ, sự thật có một con chim đại hoàng cắp công chúa bay qua. Nhìn thấy công chúa rất đẹp. Máy người kia nói anh chàng bắn giỏi thử bắn đi. Anh liền giương cung bắn, con chim rớt xuống sông sâu, kéo theo công chúa. Anh bơi lội mới nói: “Trách nhiệm của tao, tao phải vớt công chúa lên”. Nói xong liền vớt công chúa lên nhưng cô đã chết.

Anh biết cứu người mới giờ phép ra cứu công chúa sống dậy. Sau đó, cả bốn người đều muốn lấy công chúa làm vợ. Ai cũng tranh công. Người bắn giỏi nói: “Nếu không có tao thì chim đã mang công chúa đi rồi, lấy gì tội mày cứu”. Anh bơi lội nói: “Nếu không có tao đoán thì làm sao mày bắn được?”. Anh bơi lội nói: “Nếu tao không vớt lên thì làm sao bọn mày có được mà giành?”. Anh cuối cùng nói: “Nếu tao không cứu công chúa sống thì lấy đầu mà đòi cưới”. Không ai chịu bỏ hết. **4**

Ông Thạch Thuôi kể chuyện mỗi lúc một hào hứng hơn. Người nghe – những người đàn ông luống tuổi – đến lúc này cũng tỏ rõ sự chia sẻ, hài lòng với người xử kiện được nhà vua chọn. **5**

Theo dõi, cảm nhận

5 Tôi hiểu “ông ấy” tức là Phật Thích Ca.

Câu chuyện có diễn biến tương tự truyện “Bốn anh tài” của người Lào (bản khảo dị của Nguyễn Đồng Chi), nhưng vua chọn Phật Thích Ca là người xử kiện có ý vị riêng. Cách diễn đạt “vua đặt cho ông ấy làm toà án để xử kiện” làm đậm đặc thêm chất khẩu ngữ tự do trong sinh hoạt văn nghệ dân gian của người Khmer.

Lúc đó, Thích Ca chưa thành Phật, còn đầu thai ở kiếp người, làm con của ti phú giàu có, đang đi làm cho vua nước đó. Vua đặt cho ông ấy làm toà án để xử kiện. [...] **5**

Trả lời câu hỏi:

- Bản ghi chép trên ghi lại những loại nội dung gì? Theo bạn, các nội dung ghi chép ấy có thể giúp ích gì cho việc nghiên cứu tác phẩm *Chuyện bốn anh tài và hoàng tử Pras Thôn?*
- Loại nội dung được ghi trong *Diễn biến của hoạt động kể – nghe kể* (cột bên trái), cột *Văn bản qua lời kể* (cột bên phải) và các ô *Theo dõi, cảm nhận* (từ 1 đến 5) khác nhau như thế nào?
- Tìm đọc *Chuyện bốn anh tài và hoàng tử Pras Thôn* được in trong sách và trả lời các câu hỏi:
 - Thông tin thu được qua ghi chép trải nghiệm khác như thế nào so với một truyện kể in thông thường?
 - Bản ghi chép trải nghiệm này có thể mang đi in để cho độc giả thưởng thức hay không? Vì sao?
- Bạn rút ra lưu ý gì về yêu cầu trải nghiệm và cách ghi chép tư liệu trong nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian?

Bạn hãy dùng mẫu phiếu ghi chép trải nghiệm sau đây để ghi chép lại một sự kiện văn hoá mà bạn trực tiếp tham gia. Có thể dùng các phương tiện ghi âm hay ghi hình để sau đó chép lại thành văn bản, những suy nghĩ và cảm xúc bạn nên ghi tại chỗ xảy ra sự kiện.

PHIẾU GHI CHÉP TRẢI NGHIỆM THỰC TIỄN

Miêu tả bối cảnh:

- Thời gian, địa điểm:
- Mục đích trải nghiệm:
- Thành phần tham gia:; thông tin.....
- Tình huống tạo nên câu chuyện/ sự việc:

Kết cấu sự việc	Văn bản
Cảm nhận	
.....	
.....	

3. Xử lí, tổng hợp thông tin

a. Xử lí thông tin

- Ghi chú khi đọc tài liệu:

Sau khi có thư mục nghiên cứu, bạn cần phải đọc và xử lí các thông tin có được. Hãy sử dụng ngôn từ của riêng bạn để ghi lại các sự kiện quan trọng, ý tưởng, và các chi tiết khi đọc tài liệu. Điều này sẽ kích thích trí não, giúp bạn hiểu rõ nội dung, dễ dàng giữ lại thông tin và tránh tình trạng lầy vẩn của người khác làm vẩn của mình ("đạo văn") mà không hay biết. Một trong những cách thuận lợi là ghi chú trực tiếp trên tài liệu đang đọc bằng cách ghi bên lề những từ khóa và suy nghĩ của chính bạn. Nếu muốn bảo quản tài liệu nguyên vẹn, bạn có thể dùng giấy ghi chú nhỏ (sticky note) để dán vào góc tài liệu.

Thực hành: Bạn hãy đọc lại văn bản "Về đặc điểm tục ngữ Việt Nam" và ghi chú trực tiếp bên lề trong quá trình đọc. Sau đó trình bày và trao đổi với bạn học.

- Phân tích theo sơ đồ, bảng biểu:

Khi tổng hợp các tài liệu để hình thành các luận điểm, bạn có thể dùng sơ đồ, bảng biểu để ghi các ý chính, hệ thống hoá các ý từ những mẫu tư liệu rồi, sau đó nhìn vào sơ đồ để xâu chuỗi các ý lại. Các ý này giúp cho khả năng bao quát vấn đề của bạn tốt hơn, tránh bỏ sót ý.

Thực hành: Sử dụng sơ đồ tư duy sau để tóm tắt ý của bài nghiên cứu "Về đặc điểm tục ngữ Việt Nam"



Phương pháp Cornell là cách gọi tên theo người sáng lập ra cách thức ghi chú này. Người ta thực hiện bằng cách chia một tờ giấy thành ba phần: phần gợi ý có chiều ngang nhỏ nằm bên trái; phần ghi chú rộng hơn nằm bên phải; phần tóm tắt nằm ở cuối trang. Sau đó, ghi nội dung của bạn như sau: *Phần ghi chú*: dùng để viết những ý chính của bài giảng hoặc văn bản; *Phần gợi ý*: dùng để đặt câu hỏi của bạn nhằm làm rõ ý nghĩa, kết nối và tạo tính liên tục; *Phần tóm tắt*: sau khi bạn kết thúc việc ghi chú, dùng khoảng trống ở cuối trang để tóm tắt những gì đã viết trên trang trong 2 – 4 câu.

TÊN BÀI HỌC

CHUYÊN

TRƯỜNG

QUẬN/HUYỆN

QUÊ/HUY

NỘI DUNG BÀI

1. CHUYÊN

2. CHUYÊN

3. CHUYÊN

4. CHUYÊN

5. CHUYÊN

6. CHUYÊN

7. CHUYÊN

8. CHUYÊN

9. CHUYÊN

10. CHUYÊN

11. CHUYÊN

12. CHUYÊN

13. CHUYÊN

14. CHUYÊN

15. CHUYÊN

16. CHUYÊN

17. CHUYÊN

18. CHUYÊN

19. CHUYÊN

20. CHUYÊN

21. CHUYÊN

22. CHUYÊN

23. CHUYÊN

24. CHUYÊN

25. CHUYÊN

26. CHUYÊN

27. CHUYÊN

28. CHUYÊN

29. CHUYÊN

30. CHUYÊN

31. CHUYÊN

32. CHUYÊN

33. CHUYÊN

34. CHUYÊN

35. CHUYÊN

36. CHUYÊN

37. CHUYÊN

38. CHUYÊN

39. CHUYÊN

40. CHUYÊN

41. CHUYÊN

42. CHUYÊN

43. CHUYÊN

44. CHUYÊN

45. CHUYÊN

46. CHUYÊN

47. CHUYÊN

48. CHUYÊN

49. CHUYÊN

50. CHUYÊN

51. CHUYÊN

52. CHUYÊN

53. CHUYÊN

54. CHUYÊN

55. CHUYÊN

56. CHUYÊN

57. CHUYÊN

58. CHUYÊN

59. CHUYÊN

60. CHUYÊN

61. CHUYÊN

62. CHUYÊN

63. CHUYÊN

64. CHUYÊN

65. CHUYÊN

66. CHUYÊN

67. CHUYÊN

68. CHUYÊN

69. CHUYÊN

70. CHUYÊN

71. CHUYÊN

72. CHUYÊN

73. CHUYÊN

74. CHUYÊN

75. CHUYÊN

76. CHUYÊN

77. CHUYÊN

78. CHUYÊN

79. CHUYÊN

80. CHUYÊN

81. CHUYÊN

82. CHUYÊN

83. CHUYÊN

84. CHUYÊN

85. CHUYÊN

86. CHUYÊN

87. CHUYÊN

88. CHUYÊN

89. CHUYÊN

90. CHUYÊN

91. CHUYÊN

92. CHUYÊN

93. CHUYÊN

94. CHUYÊN

95. CHUYÊN

96. CHUYÊN

97. CHUYÊN

98. CHUYÊN

99. CHUYÊN

100. CHUYÊN

TÊN TÀI

b. Lập hồ sơ tài liệu

26

- Kế hoạch;
 - Đề cương;
 - Các hiện vật, tranh, ảnh, phim sưu tầm hoặc bạn tự ghi;
 - Các bản ghi chép khi bạn tham gia các sự kiện hay phỏng vấn;
 - Những giấy tờ hành chính (giấy giới thiệu, quyết định, bằng công nhận,...)
- bạn thu thập được trong quá trình thực hiện nghiên cứu;
- Danh mục tài liệu tham khảo;
 - Báo cáo kết quả nghiên cứu.

Trong các loại hồ sơ trên, tài liệu tham khảo cần được thực hiện cẩn thận, tỉ mỉ, đúng quy cách (xem hướng dẫn ở mục **Lập và sử dụng danh mục tài liệu tham khảo ở phần viết**). Trong hồ sơ nghiên cứu, bạn cần sưu tầm và tập hợp được một danh mục sơ bộ các tài liệu tham khảo, liên quan đến đề tài, làm cơ sở cho việc lập và hoàn tất danh mục này khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

Đối với phương pháp học dựa trên dự án, việc lập hồ sơ học tập là một yêu cầu bắt buộc và phải đúng quy chuẩn.

TÓM TẮT QUY TRÌNH, THAO TÁC NGHIÊN CỨU

1. Đề tài, vấn đề, mục đích và kế hoạch nghiên cứu

- Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu: tiến hành từng bước từ lĩnh vực, vấn đề nghiên cứu, tính vấn đề trong đề tài,...
- Xác định mục đích, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu: xác định trạng thái mong muốn của vấn đề, đặt câu hỏi chính và trả lời để thiết lập giả định.
- Lập kế hoạch nghiên cứu: phân công vai trò của từng bộ phận, thời gian, nơi chốn, công việc và sản phẩm dự kiến.

2. Thu thập thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu

- Sưu tầm và lập thư mục tài liệu: vận dụng các kĩ thuật thu thập thông tin có liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Tim hiểu, phỏng vấn chuyên gia: cần chọn vấn đề và chuyên gia có thể cho ý kiến hữu ích.
- Ghi chép trải nghiệm thực tiễn: thể hiện nội dung và cách kể theo cột và thể hiện cảm nhận cá nhân.

3. Xử lí, tổng hợp thông tin

- Xử lí thông tin: dùng các kĩ thuật để hệ thống, sắp xếp các thông tin đã có.
- Lập hồ sơ tài liệu: cần hệ thống, đúng và gọn.
- Lập tài liệu tham khảo: đảm bảo đúng quy định.

Bảng kiểm kĩ năng tập nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
1. Xác định đề tài, vấn đề, mục đích và lập kế hoạch nghiên cứu			
Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu	Đề tài có tính vấn đề		
Xác định mục đích, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết	Mục đích rõ, câu hỏi nêu bật trọng tâm		
Lập kế hoạch nghiên cứu	Kế hoạch đủ các thành phần		
2. Thu thập thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu			
Sưu tầm tài liệu	Thực hiện tốt các kĩ thuật sưu tầm		
Tìm hiểu, phỏng vấn chuyên gia	Chọn đúng chuyên gia, đặt câu hỏi hợp lí		
Ghi chép trải nghiệm thực tiễn	Chép đúng các sự kiện kể và câu chuyện, nhất là cảm xúc của cá nhân		
3. Xử lí, tổng hợp thông tin			
Xử lí thông tin	Thực hiện tốt các kĩ thuật xử lí		
Lập hồ sơ tài liệu	Có đủ các loại hồ sơ		

III. BÀI TẬP THỰC HÀNH

- Xác định vấn đề nghiên cứu: Sau đây là một số lĩnh vực/ mảng/ vấn đề thuộc văn học dân gian cho sẵn, bạn hãy viết nó thành đề tài nghiên cứu:

Đối tượng/ phạm vi nghiên cứu	Vấn đề nghiên cứu của tôi
Truyện thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu – Trọng Thủy	
Phép màu trong truyện cổ tích thần kì	
Hình tượng người phụ nữ	
Công thức "chiều chiều" trong ca dao	
Sức sống của dân tộc	

2. Chọn trong số các đề tài đã được thầy cô và các bạn góp ý để viết mục đích nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu vào bảng dưới đây:

Đề tài nghiên cứu	
Mục đích nghiên cứu	
Câu hỏi nghiên cứu	
Giả thuyết nghiên cứu	

3. Bạn hãy dùng biểu bảng để lập kế hoạch nghiên cứu.

KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU

Đề tài:

Mục đích nghiên cứu:

Câu hỏi nghiên cứu:

Giả thuyết nghiên cứu:

 Thời gian	 Công việc	 Địa điểm	 Phụ trách	 Sản phẩm

Đề cương

.....

.....

4. Sau khi lập kế hoạch, bạn sử dụng các kĩ thuật thu thập và xử lí thông tin để tiến hành nghiên cứu đề tài. Sau khi thu thập đủ tư liệu và thực hiện xong các bước, bạn tiến hành viết báo cáo và trình bày kết quả.

Phần thứ hai VIẾT BÁO CÁO VÀ THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Bạn vừa hoàn thành việc nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. Để mọi người biết đến kết quả nghiên cứu, bạn cần công bố bằng cách viết bài báo cáo và thuyết trình. Làm thế nào để bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian được rõ ràng, rành mạch? Thuyết trình kết quả nghiên cứu như thế nào cho hiệu quả, thuyết phục? Phần bài học này sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi trên.

I. VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Bạn đã được học kĩ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học trong bài *Những di sản văn hoá* (Bài 4, *Ngữ văn 10*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*). Việc nắm vững kiến thức về quy trình viết văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học sẽ giúp bạn tiếp thu, luyện tập ở phần này của chuyên đề tốt hơn.

1. Đọc ngữ liệu tham khảo, tìm hiểu cách viết báo cáo

TÌM HIỂU PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG CÂU ĐỐ VÀ HÁT ĐÓ DÂN GIAN VỆ TỰ NHIÊN CỦA CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC¹ (1)

Tóm tắt

Trong kho tàng văn học dân gian của các dân tộc miền núi phía Bắc, câu đố, hát đố về tự nhiên là một hiện tượng độc đáo, thể hiện cách nhìn nhận của người xưa về thế giới tự nhiên, đồng thời cũng thể hiện những vẻ đẹp văn hoá, phong tục trong hình thức diễn xướng câu đố. Vậy câu đố, hát đố dân gian vệ tự nhiên của các dân tộc miền núi phía Bắc có đặc điểm gì về phương thức biểu đạt? Bằng cách tổng hợp lí thuyết, phân tích, so sánh các câu đố, hình thức hát đố của một số dân tộc miền núi phía Bắc, bài viết này ghi nhận một số đặc trưng về phương thức biểu đạt của thể loại câu đố, hát đố, từ đó góp phần lí giải cách tác giả dân gian nhận thức về thế giới tự nhiên.(2)

1. Cơ sở lí luận (3)

Câu đố là "những sáng tác dân gian ngắn gọn, có vần nhịp, nội dung thiên về việc miêu tả sự vật qua nghệ thuật giấu tên – "nghệ thuật ẩn dụ đặc biệt"⁽⁴⁾, "một loại sáng tác (trong lĩnh vực văn học dân gian) phản ánh

(1) Nhan đề nêu được vấn đề nghiên cứu.

(2) Phần tóm tắt, nêu bối cảnh, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.

(3) Trình bày những khái niệm, lí thuyết làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu.

(4) Sử dụng cước chú để bổ sung thông tin.

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

² Theo Phạm Đặng Xuân Hương, *Giáo trình văn học dân gian*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014.

các sự vật hiện tượng của thế giới khách quan theo lối nói chệch, nói một đằng, hiểu một nẻo¹. Như vậy, câu đố là một thể loại thuộc nhóm lời ẩn tiếng nói dân gian, mô tả vật đồ bằng ẩn dụ hoặc những hình ảnh, hình tượng khác lạ để người nghe tìm lời giải, nhằm mục đích giải trí, rèn luyện tư duy và cung cấp những tri thức về đời sống. Một câu đố sẽ gồm hai yếu tố, thứ nhất là các hiện tượng khách quan của đời sống (vật đồ, tức lời giải) và thứ hai là vật được miêu tả (tức câu đố).

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Trung trong *Câu đố Việt Nam*, có nhiều tiêu chí phân loại câu đố. Căn cứ vào đề tài, có loại câu đố về tự nhiên và câu đố về văn hoá. Căn cứ vào hình thức, có câu đố trực tiếp (không có so sánh, ví, ẩn dụ) và câu đố gián tiếp (có so sánh, ví, ẩn dụ).

Hát đố là một hình thức diễn xướng câu đố bằng lời hát, thường là lời hát giao duyên. Như vậy, ngoài chức năng giải trí, tìm hiểu thế giới khách quan của cách nêu câu đố thông thường, hát đố còn có chức năng bày tỏ tình cảm một cách kín đáo, ước hẹn. Do vậy, hát đố vừa có chất trí tuệ, vừa có chất trữ tình, kết hợp giữa trò chơi trí tuệ và âm nhạc.

Phương thức biểu đạt là cách thức truyền đạt thông tin đến một đối tượng nào đó. Khi nghiên cứu phương thức biểu đạt của câu đố dân gian, cần chú ý đến các phương diện: cách thức liên tưởng để tạo ra câu đố (mối liên hệ đặc biệt giữa câu đố và lời giải); cách lựa chọn ngôn từ để tạo nên câu đố; cách thức diễn xướng câu đố bằng hình thức lời nói hoặc lời hát. Thông qua việc tìm hiểu phương thức biểu đạt của câu đố, ta sẽ hiểu thêm về trí tuệ dân gian, về cách người xưa nhận thức về thế giới, cũng như những vẻ đẹp trong văn hoá, phong tục.

Quá trình tiếp xúc với thiên nhiên và xã hội, người dân miền núi phía Bắc không ngừng quan sát các đặc tính của sự vật và hiện tượng, những quy luật tồn tại và phát triển của chúng trong đời sống. Bên cạnh bộ phận câu đố, hát đố về các vấn đề xã hội, là những câu đố, hát đố được rút ra trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên cũng được biểu đạt bằng hình thức độc đáo.

2. Câu đố – khám phá hiện thực bằng trực giác và liên tưởng (5)

Câu đố là một loại hình nghệ thuật dân gian mang màu sắc trí tuệ. Trước khi đố, người ta phải chọn sự vật đồ trong môi trường đồng với sự vật khác thành câu đố, nằm trong phương thức *chuyển nghĩa độc đáo*² linh hoạt nhất. Chất liệu đồ ấy lấy trong đời sống sinh hoạt, con người và thiên nhiên để đặt ra tình huống bắt người cần có lời giải đáp. (6a)

Chẳng hạn, câu đố của người Hmông:

(5) Trình bày kết quả nghiên cứu thứ nhất.

(6a), (6b) Lập luận, lí giải về các bằng chứng để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu thứ nhất.

¹ Theo Đinh Gia Khánh (CB), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010.

² Miêu tả một sự vật này để nói cái khác trong một mối liên hệ độc đáo, khác với hình dung thông thường, buộc người giải đố phải dùng trực giác, liên tưởng, suy luận để tìm ra đáp án của câu đố. Đây là một hình thức chuyển nghĩa đặc trưng của thể loại câu đố dân gian, còn gọi là ẩn dụ đặc biệt.

– *Ban ngày chồng vợ đôi nơi/ Tôi về cùng ngủ chẳng rời nhau ra* (Hai cánh cửa). Nói về đôi lứa để nói về hai sự vật song trùng là cách biểu đạt tinh tế của dân gian, cho phép người nghe mở rộng tưởng liên tưởng trong đời sống.

– *Một khuôn hộp nhỏ/ Đựng bốn mèo con* (Quả vừng). Từ sự vật này tưởng tượng ra tình huống ngẫu nhiên của sự vật khác cũng là lối cảm nhận hồn nhiên tinh tế của đồng bào.

– *Trông xa tựa tựa gốc rau/ Lại gần sờ mó, đốt đau tay mình* (Lá han). Dựa vào nét tâm lí trực cảm, vô tình, dựa vào cây lá miền rừng để tạo thành câu đố.

– *Mẹ kêu một tiếng/ Con chạy vụt ngay* (Nỏ và tên). Quan hệ chính phụ cũng là duyên cớ để tạo thành câu đố. (7a)

Chất liệu đố ở đây là những sự vật tồn tại trong sinh hoạt gia đình, xã hội và thiên nhiên miền núi. Mỗi câu đố thông thường gồm hai vế chỉ sự vật hoặc hiện tượng khác nhau về thời gian hoặc danh tính, nhưng có liên hệ với nhau trong một trường liên tưởng. Người nghe đố phải am hiểu thực tiễn phong phú của miền núi và có khả năng liên tưởng tốt, tìm ra đặc điểm chung của hai sự vật hiện tượng mới chỉ ra đúng sự vật đem đố. Đố liên quan mật thiết đến *trực giác* và *liên tưởng*. Về từ loại, đố thiên về các từ định danh hoặc danh từ kèm tính từ để xác định vị trí, đặc điểm, tính chất, chức năng của sự vật, hiện tượng. Các sự vật như: cánh cửa, tre, măng, quả vừng, lá han, nỏ, tên,... đều là sự vật trong thiên nhiên hay vật dụng được chế tác từ thiên nhiên, có mối quan hệ với sinh hoạt của con người miền núi. Tính chất và mức độ các sự vật đố trong quan hệ với con người cũng khác nhau. Cái độc đáo trong câu đố của các dân tộc miền núi là chất liệu đố và khả năng quan sát, liên tưởng có tính chất phức, hồn nhiên nhưng tinh tế. (6b)

Dân gian lấy chất liệu hiện thực ở quanh mình để sáng tạo câu đố. Chẳng hạn, câu đố của đồng bào Tây:

– *Bố mẹ mặc áo rách, con cái mặc áo the đen bóng* (Cây cọ). Mượn đặc điểm, mối quan hệ con người để liên tưởng tới sự vật cần khám phá là cách đố hay.

– *Trâu đen đẻ con trắng* (Cái chõ xôi). Mượn đặc điểm loài vật để nói đố vật là cách đố phổ biến của dân gian, gần với nếp sinh hoạt miền núi càng thêm thú vị.

– *Mỏ như mỏ quạ, chân như chân ếch, biết cần không biết kêu* (Cái kéo). Lấy đặc điểm loài vật liên tưởng với vật dụng gia đình cũng là lối biểu đạt hồn nhiên. (7b)

3. Hát đố – lối biểu đạt đồng hành lí trí và cảm xúc (8)

Hát đố là một phương thức biểu đạt vừa song hành, vừa nêu ra tình huống cần giải pháp, vừa bộc lộ yếu tố trữ tình, đó là một phương thức diễn ngôn độc đáo, tình cảm lồng trí tuệ trong sinh hoạt dân gian. Bài hát đố có thể dài ngắn khác nhau tùy theo hoàn cảnh diễn xướng.

(7a), (7b) Đưa ra bằng chứng để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu thứ nhất.

(8) Trình bày kết quả nghiên cứu thứ hai.

Loại hát đồ giao duyên có quy mô hơn trong các sinh hoạt lễ hội dân gian, chợ phiên, các nhóm thanh niên nam nữ vừa trò tài năng trí tuệ vừa tỏ tài năng hát ca ở nhiều dân tộc, tiêu biểu như: Tày, Thái, Cao Lan, Dao, Pu Kéo, ... Kết cấu của câu đồ và hát đồ căn bản là giống nhau về logic. Hát đồ được sáng tạo từ câu đồ, trong khi hát, người hát thêm danh xưng, từ luyến láy cho thêm sinh động, hoặc liên kết hàng loạt câu đồ gần gũi chủ đề thành chuỗi đồ. Cũng như câu đồ, hát đồ làm sống dậy không gian sinh thái dân gian miền núi với các loài thảo mộc phong phú trong thiên nhiên cần nhận biết. (9a)

Chẳng hạn như bài hát đồ của dân tộc Thái:

– Nam: *Dây gì vào tháng năm mượt mà xanh biếc/ Đi đồ đây gần quyền mới tình đầu/ Thành đôi bạn trăm năm hạnh phúc.*

– Nữ: *Dây trâu vào tháng năm mượt mà xanh biếc/ Đi đồ đây gần quyền mới tình đầu/ Thành đôi bạn trăm năm hạnh phúc.*

Bài hát đồ của dân tộc Pu Páo:

– Nữ: *Cái gì sống ăn được, chín ăn lành/ Hể buông tha nó chạy rất nhanh.*

– Nam: *Nước, sống ăn được, chín càng lành/ Hể thả ra nó chạy rất nhanh. Trên dòng nước xuôi lượn quanh núi rừng. (10)*



Hình thức đối đáp giao duyên của người Thái ở Mường Lò

(Nguồn: <https://vov.vn/di-san/duyen-dang-dieu-hat-giao-duyen-cua-nguoi-thai-muong-lo-870722.vov>) (11)

Diễn xướng hát đồ khác với hình thức nêu đồ hằng ngày, người hát đồ biểu đạt các câu đồ có tính chất liên hoàn về nhịp điệu để đối phương vừa phải nhanh trí hát đáp kịp thời, vừa đòi hỏi tính chính xác, vừa đáp ứng yêu cầu nghệ thuật của lời ca. Hát đồ không những nêu được tinh huống đồ mà còn phải thể hiện được nhịp điệu và cảm xúc trong lời hát. Hát đồ đi liền với nghệ thuật ngôn từ và cất vắn. Mỗi lời hát phải làm hiện lên các danh ngữ về vẻ đồ như: *Ài? Cái gì? Con gì? Trại gì? Hạt gì? Lá gì? Bông gì? Mùa gì? Ở đâu? Màu sắc gì? Âm thanh nào? Mùi vị gì? Xúc giác như thế nào? Về đáp dựa trên sự khai thông về vẻ đồ.*

(9a), (9b) Lập luận, lí giải cho bằng chứng để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu thứ hai.

(10) Đưa ra bằng chứng để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu.

(11) Kết hợp phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để bổ sung thông tin cho bài viết.

Do đó, đòi hỏi người tham gia hát đố phải am hiểu toàn diện và sâu sắc về sinh vật, phong tục, tập quán sinh hoạt, con người trong từng môi trường sống. Cuộc hát đố thông thuận khi giữa bên đố và bên đáp phối hợp nhịp nhàng, tạo không gian vui tươi sinh động; giữa lí trí và cảm xúc đồng hành trong lời hát. Trong quá trình hát đố, nhất là lời hát đố giao duyên, người hát cũng có thể sáng tạo thêm câu đố và lời hát đáp để tránh sự trùng lặp nhàm chán trong cuộc chơi, phù hợp với nếp cảm, nếp nghĩ của cộng đồng. Vì thế hát đố cũng tồn tại nhiều dị bản khác nhau. (9b)

4. Kết luận (12)

Tóm lại, câu đố, hát đố dân gian về tự nhiên của các dân tộc miền núi phía Bắc có phương thức biểu đạt độc đáo, thú vị. Về phương diện liên tưởng, các câu đố, hát đố được xây dựng trên những liên tưởng độc đáo, thú vị giữa câu đố và lời giải, để tạo nên những thử thách trí tuệ, giúp người xưa nhận thức, tìm hiểu về thế giới tự nhiên. Đặc biệt, mỗi liên tưởng ấy đều được dựa trên những sự vật, hiện tượng gần gũi với đời sống của người dân miền núi. Chất liệu đố đời thường được “lạ hoá” thông qua những liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ; có những câu đố, hát đố như một câu chuyện nhỏ, các đặc tính văn hoá, xã hội của con người được gán cho các đồ vật, làm tăng thêm tính sinh động cho các câu đố. Về phương diện ngôn từ, câu đố, hát đố đều sử dụng các từ ngữ nhằm mục đích định danh sự vật. Về phương diện diễn xướng, riêng với hình thức hát đố, yếu tố định danh đố phải hài hoà với lời hát, điệu nhạc, làm nên hình thức diễn xướng đặc trưng, kết hợp giữa tính trí tuệ và tính trữ tình. Phương thức biểu đạt ấy của câu đố, hát đố đã cho thấy tâm hồn, cuộc sống gần gũi, hài hoà với thiên nhiên, khả năng quan sát thiên nhiên tinh tế, các phong tục tập quán, văn hoá của con người không tách rời thế giới tự nhiên, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn giao hoà với thiên nhiên của con người miền núi phía Bắc.

(Theo Trần Mạnh Tiến, *Văn học dân gian miền núi phía Bắc từ góc nhìn phê bình sinh thái*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2020, tr.224 – 235)

TÀI LIỆU THAM KHẢO (13)

1. Nguyễn Thị Huệ, Trần Thị An (2007), *Câu đố Việt Nam chọn lọc*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
2. Đinh Gia Khánh (2010), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Trung (1986), *Câu đố Việt Nam*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
4. Vũ Anh Tuấn (2014), *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

(12) Trình bày khái quát kết quả nghiên cứu, trả lời cho câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra.

(13) Sắp xếp tài liệu tham khảo theo tên tác giả (trình tự an-phá-bê).

Trả lời câu hỏi:

1. Bài báo cáo nghiên cứu về vấn đề gì? Câu hỏi nghiên cứu là gì?
2. Tóm tắt ý chính của bài báo cáo. Từ đó, bạn hãy nhận xét về bố cục của bài báo cáo.
3. Nội dung chính của phần *Tóm tắt* và *Kết luận* là gì?
4. Bài báo cáo đã sử dụng hai thao tác nghiên cứu là thao tác tổng hợp lí thuyết; thao tác phân tích và tổng hợp. Hai thao tác này được thể hiện như thế nào trong bài báo cáo trên?
5. Bạn hãy nhận xét về cách sử dụng cước chú và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong bài báo cáo trên.
6. Từ bài báo cáo, bạn hãy nêu cú pháp trình bày và cách thức sắp xếp tài liệu tham khảo.

2. Thực hành viết báo cáo theo quy trình

Bước 1: Chuẩn bị viết báo cáo

Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc

Đề tài bài báo cáo chính là đề tài nghiên cứu văn học dân gian bạn đã lựa chọn để thực hiện ở phần trước. Mục đích của bài báo cáo là để công bố kết quả nghiên cứu mà bạn đã thực hiện, thuyết phục mọi người về tính đúng đắn của kết quả nghiên cứu ấy. Thông thường, một bài nghiên cứu có thể công bố bằng nhiều cách, với nhiều đối tượng độc giả khác nhau như: đăng trên tạp san của trường; chuyên đề học tập của lớp; đăng trên tạp chí chuyên ngành,... Mỗi phương thức công bố sẽ có những yêu cầu khác nhau đối với bài báo cáo, hướng đến những đối tượng độc giả khác nhau, vậy, bạn cần cân nhắc đến điều này để bài báo cáo đạt được hiệu quả giao tiếp.

Bạn đã tiến hành thu thập, xử lí tư liệu và lập hồ sơ trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

Công việc tiếp theo của bạn ở bước này là: hoàn tất việc lập danh mục tài liệu tham khảo theo quy cách và sử dụng trong văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu đúng quy cách và hiệu quả.

Lập danh mục tham khảo

Dựa vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ nghiên cứu, bạn lập một danh mục tài liệu tham khảo theo đúng quy cách. Ưu tiên chọn lọc những tài liệu liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu sẽ trình bày trong bài báo cáo.

Các mục tài liệu tham khảo sẽ được sắp xếp theo tên tác giả, trình tự an-pha-bê (alphabet) như sau:

– Với sách: tên tác giả (năm xuất bản), tên sách in nghiêng, đơn vị xuất bản, nơi xuất bản. Nếu sách có nhiều tác giả, ghi tên tác giả chủ biên.

– Với bài báo: tên tác giả (năm xuất bản), tên bài báo để trong ngoặc kép, tên tạp chí in nghiêng, số tạp chí, số trang. Ví dụ:

Nguyễn Xuân Lạc (1993), “Ngày xuân đọc lại *Tất nước đầu đình*”, *Văn hoá dân gian*, số 1, tr. 34 – 38.

– Với trang web: cần ghi tên chính thức của cơ quan phát hành, địa chỉ và ngày tháng truy cập. Ví dụ:

Lê Tiến Dũng (2020), “Thời gian nghệ thuật trong truyền cổ tích”, *Tạp chí Sông Hương*, bản điện tử, truy cập tại địa chỉ: <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p37/c51/n28757/Thoi-gian-nghe-thuat-trong-truyen-co-tich.html> lúc 20:00 ngày 16 – 9 – 2021. Truy cập: ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Danh mục tài liệu tham khảo trong văn bản báo cáo khoa học có nhiều chức năng và tác dụng như: bảo đảm tính nghiêm túc, quy củ trong nghiên cứu khoa học; thể hiện sự tôn trọng bản quyền và chống đạo văn; tạo sự tiện lợi cho việc trích dẫn và chú thích của văn bản báo cáo;...

Những gì bạn trích dẫn từ bất kì tài liệu nào trong danh mục tham khảo đều phải chuẩn xác và đúng quy cách. Bạn cần dành thời gian tìm hiểu quy cách ấy để thực hiện cho đúng.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Từ kết quả nghiên cứu đã thu nhận, bạn tiến hành tìm ý cho bài báo cáo bằng cách chọn ra những điểm quan trọng, mấu chốt, thể hiện sự đóng góp của đề tài; tinh đến những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ sẽ sử dụng và cách khai thác các yếu tố này cho hiệu quả; những phần cần sử dụng cuộc chú. Có thể dựa vào mẫu sau:

Tên đề tài:.....

Câu hỏi nghiên cứu	
Phương pháp nghiên cứu	
Kết quả nghiên cứu	
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	
Cước chú	

Lập dàn ý

Bạn sắp xếp các ý tìm được vào dàn ý của bài báo cáo, thường gồm các phần sau:

- Dẫn nhập: giới thiệu vấn đề nghiên cứu, sự đóng góp của đề tài nghiên cứu.
- Phương pháp nghiên cứu: những cách thức sử dụng để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu.
- Cơ sở lý thuyết: trình bày khái quát những thuật ngữ, lý thuyết khoa học là cơ sở để triển khai đề tài nghiên cứu.
- Kết quả nghiên cứu: trình bày cụ thể và lý giải kết quả nghiên cứu, có thể xây dựng các luận điểm thành các đề mục thích hợp.
- Kết luận: khái quát lại kết quả nghiên cứu, chỉ ra mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu, trình bày những đóng góp của đề tài, nếu có.

Lưu ý, khi xây dựng luận điểm/ đề mục trình bày kết quả nghiên cứu, bạn cần đảm bảo tính logic của các đề mục: đề mục diễn đạt dưới dạng các cụm từ chứ không phải câu hoàn chỉnh; các đề mục đồng cấp không được bao chứa, trùng lặp với nhau. Tham khảo ví dụ sau:

Vấn đề: Tìm hiểu yếu tố thần kì ở nhân vật Thánh Gióng

Luận điểm 1: Sự ra đời thần kì

Luận điểm 2: Sự lớn lên thần kì

Luận điểm 3: Sức mệnh thần kì

Luận điểm 4: Sự biến mất thần kì

Bước 3: Viết bài báo cáo

Từ dàn ý đã lập, bạn tiến hành viết bài báo cáo hoàn chỉnh. Cần đảm bảo:

- Ngôn ngữ khách quan, phù hợp với bài báo cáo khoa học. Sử dụng lớp từ ngữ chung, không dùng từ địa phương, biệt ngữ xã hội; sử dụng thuật ngữ một cách chính xác, thống nhất.
- Nhan đề ngắn gọn, súc tích, nêu vấn đề chung của bài báo cáo, có chứa từ khóa của đề tài.

– Phần **Tóm tắt** nên được viết sau khi đã hoàn tất bài báo cáo, trình bày ngắn gọn, khái quát bối cảnh nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp và kết quả nghiên cứu trong khoảng 150 đến 200 chữ. Để viết phần tóm tắt, bạn có thể đặt những câu hỏi sau:

- **Bối cảnh:** hiện tượng, vấn đề nào dẫn đến đề tài nghiên cứu này? Những hoàn cảnh nào tác động đến nghiên cứu? Đối với đề tài văn học dân gian, bối cảnh có thể là sự tồn tại của các hiện tượng văn học dân gian đáng lưu ý, môi trường diễn xướng dân gian liên quan đến văn bản cần nghiên cứu.
- **Mục đích:** bạn nghiên cứu đề tài này nhằm mục đích gì? Đề tài có thể mang đến điều gì mới?
- **Cách tiếp cận:** bạn đã sử dụng phương pháp nào để nghiên cứu?
- **Kết quả:** kết quả bạn nhận được là gì? Kết quả ấy cho thấy điều gì?

– Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để hỗ trợ cho bài báo cáo. Bạn cần lựa chọn phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp, kết nối với nội dung chính của bài báo cáo. Ví dụ: bảng thống kê sự lặp lại, sự khác biệt của các chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn học dân gian (nghiên cứu về tip và mô-tip); hình ảnh minh họa cho các hoạt động diễn xướng dân gian; các di tích gắn với tác phẩm văn học dân gian;...

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, bạn hãy đọc lại bài báo cáo của mình và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

Bảng kiểm bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian

Các phần của bài báo cáo	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Nhan đề	Nêu được đề tài nghiên cứu.		
	Có từ khóa của đề tài.		
Tóm tắt	Nêu ngắn gọn ý chính các phần của bài viết.		
Nội dung chính	Trình bày cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu theo một trình tự hợp lý.		
	Các nội dung có chia đề mục rõ ràng, hợp lý.		
	Sử dụng trích dẫn, cước chú hợp lý, đúng quy cách.		
	Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ một cách hợp lý, hiệu quả.		
Kết luận	Khái quát, lí giải kết quả nghiên cứu.		

Tài liệu tham khảo	Nêu được các tài liệu tham khảo có liên quan đến đề tài.		
	Trình bày tài liệu theo đúng quy cách: tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, tên nhà xuất bản, nơi xuất bản.		
	Sắp xếp các tài liệu theo tên tác giả (trình tự an-pha-bê).		

Sau khi chỉnh sửa, bạn có thể công bố bài báo cáo bằng cách đăng trên web học tập của lớp, gửi đăng tập san văn học của trường, gửi tham gia buổi tọa đàm về văn học dân gian dành cho học sinh,... Khi nhận phản hồi, góp ý về bài viết, bạn tiếp tục chỉnh sửa cho bài viết thêm hoàn thiện.

Rút kinh nghiệm

Từ bài viết của mình, bạn rút ra kinh nghiệm gì về việc viết một bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian?

Bài tập thực hành:

1. Bạn hãy tóm tắt quy trình viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian theo mẫu sau:

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Điều cần lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị		
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý		
Bước 3: Viết bài		
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm		

2. Từ kết quả nghiên cứu vấn đề văn học dân gian bạn đã thu nhận được, hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài báo cáo, chia sẻ với các thành viên trong lớp để cùng góp ý, chỉnh sửa. Khi chia sẻ, tập trung góp ý tính logic của các luận điểm/đề mục.
3. Viết phần *Tóm tắt* cho bài báo cáo, sau đó trao đổi với các thành viên khác trong lớp để cùng góp ý, chỉnh sửa.

II. THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIẢN

Có nhiều trường hợp, bạn cần chuyển bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian đã viết thành một bài thuyết trình, chẳng hạn: thuyết trình trước lớp cho một chuyên đề văn học dân gian; tham gia buổi tọa đàm nghiên cứu văn học dân gian; tham gia tuần lễ văn hoá dân gian, giao lưu với bạn bè quốc tế;... Phần bài học này sẽ giúp bạn chuẩn bị một bài thuyết trình hiệu quả.

1. Xác định đề tài/ vấn đề, không gian, thời gian nói

Mục đích của bài nói là trình bày kết quả nghiên cứu, sao cho người nghe nắm được và cảm thấy thuyết phục. Do đó, bạn cần tự hỏi: *Người nghe có thể là ai? Bạn sẽ nói ở đâu? Bài thuyết trình có thời gian bao lâu? Bạn sẽ dành bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe?*

2. Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Nội dung trình bày đã được bạn chuẩn bị trong bài báo cáo, do đó, bạn nên chuẩn bị thêm các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để phần thuyết trình thêm rõ ràng và thuyết phục. Bạn cũng cần dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi. Chẳng hạn, với bài thuyết trình một vấn đề nghiên cứu văn học dân gian, người nghe có thể sẽ muốn biết thêm về:

- Vấn đề dị bản của tác phẩm bạn đang nghiên cứu.
- Các hình thức diễn xướng, các không gian văn hoá dân gian gắn với hiện tượng văn học dân gian bạn đang nghiên cứu.
- Ý kiến, quan điểm của các chuyên gia về vấn đề văn học dân gian bạn đang nghiên cứu.
- Những hiện tượng văn học dân gian mang bản sắc riêng của địa phương.
- ...

Tuỳ vào mục đích của buổi thuyết trình và đối tượng người nghe, bạn hãy dự kiến và chuẩn bị nội dung trao đổi để luôn chủ động khi nói.

Lập dàn ý

Để dễ dàng làm chủ bài nói, cũng như giúp người nghe dễ theo dõi, bạn cần tóm tắt lại hệ thống ý dưới dạng dàn ý hoặc sơ đồ, trình bày trên giấy hoặc trên phần mềm trình chiếu.

Khi thuyết trình kết quả nghiên cứu, bạn có thể triển khai theo trình tự như sau:

- **Lí do chọn đề tài:** bối cảnh nghiên cứu, ý nghĩa, vai trò của đề tài nghiên cứu.
- **Câu hỏi nghiên cứu:** những câu hỏi, giả thuyết bạn đặt ra trước khi tiến hành nghiên cứu.
- **Phương pháp nghiên cứu:** nêu những phương pháp bạn lựa chọn và cách bạn áp dụng các phương pháp ấy vào nghiên cứu.
- **Kết quả nghiên cứu:** kết quả bạn thu được là gì? Kết quả ấy giúp khẳng định hay bác bỏ giả thuyết nghiên cứu?

- **Kết luận:** từ kết quả nghiên cứu, thông điệp của bạn là gì? Trên cơ sở đó, bạn có đề xuất giải pháp gì?

Tùy vào thời gian mà bạn lựa chọn nội dung nói cho phù hợp, nhưng cần chú ý nhấn mạnh vào kết quả nghiên cứu.

3. Luyện tập và trình bày

Khi luyện tập, bạn lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với bài thuyết trình kết quả nghiên cứu khoa học, sử dụng ngôn ngữ khách quan, sắc thái biểu cảm trung tính, hệ thống thuật ngữ cần chuẩn xác, thống nhất.

Khi trình bày, bạn nên dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước, trình bày từ khái quát đến cụ thể, kết nối nội dung bài nói với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ.

4. Trao đổi và đánh giá

Khi trao đổi, bạn nên có thái độ cầu thị, lắng nghe và trả lời những ý kiến quan trọng của người nghe.

Trong vai trò của người trình bày, bạn tự đánh giá bài nói của mình; trong vai trò người nghe, bạn nghe và đánh giá bài nói của người khác dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm thuyết trình kết quả nghiên cứu vấn đề văn học dân gian

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Bài trình bày nêu được lí do chọn đề tài, giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và kết luận.		
Người thuyết trình sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học, sử dụng chính xác, thống nhất các thuật ngữ.		
Người thuyết trình khai thác hiệu quả các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.		
Người thuyết trình nói rõ ràng, mạch lạc và đúng thời gian quy định.		
Người thuyết trình tự tin, giao tiếp bằng mắt với người nghe, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.		
Người thuyết trình ghi nhận và phản hồi thoả đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của người nghe.		

Chuyên đề
2

SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ trong văn bản sân khấu.



Một cảnh trong vở kịch *Lâu đài cát*
(nguồn: <https://nhandan.vn>)

Đời sống của tác phẩm văn học không chỉ tồn tại ngay trong bản thân ngôn từ, mà còn tồn tại trong mối quan hệ với các loại hình nghệ thuật khác như: hội họa, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh,... Mối quan hệ cộng hưởng đầy thú vị này đã tạo nên một đời sống hết sức phong phú, đa dạng cho tác phẩm văn học, mang chúng đến với nhiều đối tượng khán – thính giả và được tiếp nhận nhiều mặt, nhiều chiều hơn. Sân khấu hoá là một trong những cách tạo ra sự đa dạng như vậy cho đời sống của tác phẩm văn học.

Việc chuyển thể từ tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu (chèo, tuồng, cải lương,...) hoặc kịch bản phim có nhiều cách thức. Người ta có thể lấy đề tài/cảm hứng từ một hay nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, thậm chí từ một bài thơ để xây dựng nên kịch bản sân khấu.

Phần thứ nhất TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐẾN KỊCH BẢN SÂN KHẤU

Tác phẩm văn học là công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân nhà văn hoặc tập thể tác giả, nhằm thể hiện một bức tranh đời sống, gửi gắm một thông điệp. Tác phẩm văn học luôn thuộc về một loại, thể loại văn học nhất định (tự sự, trữ tình, kịch; truyện ngắn, tiểu thuyết, bi kịch, hài kịch;...); là một chỉnh thể nghệ thuật thống nhất hữu cơ giữa nội dung thẩm mỹ và hình thức nghệ thuật.

Kịch bản văn học cũng là một tác phẩm văn học với đầy đủ các đặc điểm và chức năng của một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật ngôn từ. Bên cạnh đó, kịch bản văn học "tuy cũng có cốt truyện và hệ thống nhân vật như tác phẩm tiểu thuyết, nhưng phải mang những đặc điểm khác, để có thể biểu diễn một cách liên mạch trên sân khấu phục vụ cùng lúc cho một tập thể công chúng"¹.

Kịch bản sân khấu và kịch bản văn học tuy rất gần gũi nhau, nhưng không hẳn là một. Để trở thành kịch bản sân khấu và sau đó thành vở diễn, kịch bản văn học cần trải qua một quá trình nỗ lực gia công sáng tạo của cá nhân hay tập thể (biên kịch, đạo diễn, diễn viên) – những người am hiểu sâu sắc cả hai lĩnh vực: văn học và nghệ thuật sân khấu.

Quá trình chuyển hoá từ tác phẩm văn học đến kịch bản sân khấu có thể hình dung qua mô hình sau:



– Nếu tác phẩm đã là một vở kịch (kịch bản văn học), nhà biên kịch, đạo diễn,... sẽ phải đọc, phân tích kịch bản, lên phương án chuyển ngôn ngữ “đọc” thành ngôn ngữ “trình diễn”, tức là chuyển kịch bản văn học thành kịch bản sân khấu. Nói cách khác kịch bản sân khấu chính là một phương án trình diễn cụ thể và thực tế dựa trên kịch bản văn học.

– Nếu tác phẩm văn học là tác phẩm tự sự (một truyện kể, một tiểu thuyết, một truyện ngắn, chùm truyện ngắn,...) hay tác phẩm trữ tình (có tiềm năng trở thành vở diễn sân khấu), trước hết, nhà biên kịch phải chuyển thể, cải biên tác phẩm tự sự ấy thành kịch bản văn học, rồi từ kịch bản văn học xây dựng thành kịch bản sân khấu.

Tuỳ vào từng trường hợp mà nhà biên kịch đầu tư mức độ, cách thức gia công khác nhau, nhằm mục đích truyền tải ý đồ nghệ thuật của mình.

¹ Trần Đình Sử, *Lí luận văn học*, tập hai, Nxb Giáo dục, 1987, tr. 244.

Bạn cũng cần lưu ý, không phải bất cứ kịch bản văn học nào cũng có điều kiện được dàn dựng trên sân khấu. Một số kịch bản văn học chỉ có thể tiếp nhận qua phương thức đọc mà không có điều kiện trở thành kịch bản sân khấu để dàn dựng biểu diễn, tiếp nhận bằng phương thức nghe – nhìn.

Đọc tóm tắt truyện dân gian *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và trích đoạn kịch bản cùng tên của nhà biên kịch Lưu Quang Vũ:

1. Tóm tắt truyện dân gian *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba rất giỏi đánh cờ tướng. Trong một lần tỉ thủ với vị khách đến từ phương xa, Trương Ba đang thắng thế, thốt ra lời thách thức với tất cả các kì tài địch thủ.

Đế Thích vốn là thần cờ trên thiên đình, nghe có lời thách, biến thành ông già xuống mạch nước cho người khách kia thắng, dạy cho Trương Ba bài học. Trương Ba nhận ra Đế Thích và có thái độ hối lỗi. Đế Thích, vì quý tài đánh cờ của Trương Ba, đã vui vẻ kết giao và ban cho Trương Ba mấy nén nhang, khi cần gọi chỉ đốt lên một cây là Đế Thích xuất hiện.

Một hôm, Trương Ba bỗng dưng lẫn ra chết. Sau khi chôn cất xong, vợ Trương Ba thấy nén nhang đặt trên mái nhà (vốn là của Đế Thích ban cho Trương Ba), chỉ bèn đốt thấp lên bàn thờ chồng. Đế Thích lập tức xuất hiện. Khi hiểu rõ sự tình, Đế Thích không thể cứu Trương Ba sống lại vì xác ông đã chôn được gần một tháng. Cùng lúc đó, bên hàng xóm có anh hàng thịt vừa qua đời, Đế Thích đã cho hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt. Anh hàng thịt sống lại và đi về nhà Trương Ba. Nhưng người đàn ông này thực sự là chồng của ai? Một cuộc tranh chấp đã diễn ra giữa vợ hàng thịt và vợ Trương Ba. Họ dần nhau lên quan phủ phản xử. Quan thấy người này đánh cờ giỏi, không biết làm thịt lợn bèn phán cho về nhà Trương Ba.

Vì thế mới có câu *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2015)

2. Kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích)

Vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* được nhà viết kịch Lưu Quang Vũ viết năm 1981, lấy cảm hứng từ truyện dân gian cùng tên. Kịch bản gồm có 7 màn và phần kết. Phần văn dưới đây thuộc màn 7.

VII

NHÀ TRƯƠNG BA

[...]

Hồn Trương Ba (*ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy*): – Không! Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! (*nhìn chân tay, thân thể*) Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi! Cái thân

Chú ý ngôn ngữ độc thoại và cách thể hiện ngôn ngữ độc thoại trong văn bản kịch.

thể kỉnh càng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhĩ, để nó tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát!

(Tôi đây, bắt đầu lớp kịch "Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác". Trên sân khấu, hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện lơ lửng trong dáng Trương Ba thật. Thân xác hàng thịt vẫn ngồi nguyên trên chông và lúc này chỉ còn là thân xác.)

Một dạng chỉ dẫn sân khấu trong văn bản kịch.

Xác hàng thịt (bắt đầu): – Vô ích, cái linh hồn mờ nhạt của ông Trương Ba khốn khổ kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu, dù tôi chỉ là thân xác...

Hồn Trương Ba: – A, mày cũng biết nói kia à? Vô lí, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u đui mù...

Xác hàng thịt: – Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, làm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!

Hồn Trương Ba: – Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc!

Chú ý ngôn ngữ đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác hàng thịt.

Xác hàng thịt: – Có thật thế không?

Hồn Trương Ba: – Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: thêm ăn ngon, thêm rượu thịt...

Xác hàng thịt: – Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp: Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... Đêm hôm đó, suốt nửa thì...

Hồn Trương Ba: – Im đi! Đây là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...

Xác hàng thịt: – Thì tôi có ghen đâu! Ai lại ghen với chính thân thể mình nhĩ! Tôi chỉ trách là sao đêm ấy ông lại tự dung bỏ chạy, hoai của!... Này, nhưng ta nên thành thật với nhau một chút: Chẳng lẽ ông không xao xuyến chút gì? Hà hà, cái món tiết canh, cổ hũ¹, khấu đuôi², và đủ các thứ thú vị khác không làm hồn ông lang lang cảm xúc sao? Để thoả mãn tôi, chẳng lẽ ông không tham dự vào chút đỉnh gì? Nào, hãy thành thật trả lời!

Hồn Trương Ba: – Ta... ta... đã bảo mày im đi!

Xác hàng thịt: – Rõ là ông không dám trả lời. Giấu ai chứ không thể giấu tôi được! Hai ta đã hoà với nhau làm một rồi!

Hồn Trương Ba: – Không! Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...

¹ Cổ hũ: phần trên của dạ dày lợn, nói với thực quản.

² Khẩu đuôi: phần đầu của đuôi lợn, có dính với xương cụt.

Xác hàng thịt: – Nực cười thật! Khi ông phải tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn!

Hồn Trương Ba (bị tai lại): – Ta không muốn nghe mày nữa!

Xác hàng thịt (lắc đầu): – Ông cứ việc bị tai lại! Chẳng có cách nào chối bỏ tôi được đâu! Mà đáng lẽ ông phải cảm ơn tôi. Tôi đã cho ông sức mạnh. Ông có nhớ hôm ông tát thẳng con ông toé máu mồm máu mũi không? Con giận của ông lại có thêm sức mạnh của tôi... Ha ha!

Hồn Trương Ba: – Ta cần gì đến cái sức mạnh làm ta trở thành tàn bạo.

Xác hàng thịt: – Nhưng tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục! Đâu phải lỗi tại tôi... *(buồn rầu)* Sao ông có vẻ khinh thường tôi thế nhỉ? Tôi cũng đáng được quý trọng chứ! Tôi là cái bình để chứa đựng linh hồn. Nhờ tôi mà ông có thể làm lung, cuộc xối. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người thân... Nhờ có đôi mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi... [...]

Hồn Trương Ba: – Nhưng... nhưng...

Xác hàng thịt: – Hãy công bằng hơn, ông Trương Ba ạ! Từ nãy tới giờ chỉ có ông nâng đỡ với tôi, chứ tôi thì vẫn nhả nhân với ông đấy chứ. *(thì thảm)* Tôi rất biết cách chiều chuộng linh hồn...

Hồn Trương Ba: – Chiều chuộng?

Xác hàng thịt: – Chứ sao? Tôi thông cảm với những “trò chơi tâm hồn của ông”. Nghĩa là: Những lúc một mình một bóng, ông cứ việc nghĩ rằng, ông có một tâm hồn bên trong cao khiết, chẳng qua vì hoàn cảnh, vì để sống mà ông phải nhân nhượng tôi. Làm xong điều xấu gì ông cứ việc đổ tội cho tôi, để ông được thanh thản. Tôi biết: Cần phải để cho tính tự ái của ông được ve vuốt. Tâm hồn là thứ lắm sĩ diện! Hà hà, miễn là... ông vẫn làm đủ mọi việc để thoả mãn những thèm khát của tôi!

Hồn Trương Ba: – Li lẽ của anh thật ti tiện!

Xác hàng thịt: – Ấy đấy, ông bắt đầu gọi tôi là anh rồi đấy! Có phải li lẽ của tôi đâu, tôi chỉ nhắc lại những điều ông vẫn tự nói với mình và với người khác đấy chứ! Đã bảo chúng ta tuy hai mà một!

Hồn Trương Ba (như tuyệt vọng): – Trời!

Xác hàng thịt (an ủi): – Ông đừng nên tự dằn vặt làm gì! Tôi đâu muốn làm khổ ông, bởi tôi cũng rất cần đến ông. Thôi, đừng cãi cọ nhau nữa! Chẳng còn cách nào khác đâu! Phải sống hoà thuận với nhau thôi! Cái hồn vía ương bướng của tôi ời, hãy về với tôi này!

(Hồn Trương Ba bần thần nhập lại vào xác hàng thịt. Trên sân khấu, nhân vật Trương Ba biến đi. Chỉ còn lại xác hàng thịt mang hồn Trương Ba ngồi lặng lẽ bên chông... Vợ Trương Ba vào.)

Chú ý cách chú thích về sự thay đổi của nhân vật trên sân khấu kịch.

[...]

Vợ Trương Ba (nghĩ ngợi): – Tôi nói thật đấy... ông Trương Ba ạ, tôi đã nghĩ kĩ: Có lẽ tôi phải đi...

Hồn Trương Ba: – Đi đâu?

Vợ Trương Ba: – Chưa biết! Đi cây thuê làm vườn ở đâu cũng được... đi biệt... (rưng rưng). Để ông được thanh thoi... với cô vợ người hàng thịt... Còn hơn là thế này... (khóc)

Hồn Trương Ba: – Bà! (sau một hồi lâu) Sao lại đến nông nỗi này?

Vợ Trương Ba: – Tôi biết, ông vốn là người hết lòng thương yêu vợ con... Chỉ tại bây giờ... (khóc) Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa, ông biết không: Thành Cả đã quyết định dứt khoát sẽ bán khu vườn để có tiền mở thêm vốn liếng của hàng thịt.

Hồn Trương Ba: – Thật sao? Không được!

Vợ Trương Ba: – Ông bảo không được nhưng tôi biết rồi sự thế sẽ cứ dẫn đến như vậy, ông sẽ đành ưng chịu như vậy... Thôi tuy ông, tôi chỉ muốn ông được thanh thoi sung sướng... Tôi không còn giúp gì ông được, tốt nhất là... là... không có tôi nữa, cũng như không có khu vườn nữa? (bỏ ra)

Hồn Trương Ba: Bà! (ngồi xuống, tay ôm đầu)

(Khi Hồn Trương Ba ngẩng lên thì đã thấy cái Gái đứng trước mặt với cái nhìn lạnh lẽ, soi mói.)

Hồn Trương Ba (như cầu cứu): – Gái, cháu...

Cái Gái (lùi lại): – Tôi không phải là cháu của ông!

Hồn Trương Ba (nhấn nhọc): – Gái, rồi lớn lên cháu sẽ hiểu... ông đúng là ông nội cháu...

Cái Gái: – Ông nội tôi chết rồi. Nếu ông nội tôi hiện về được, hẳn ông nội tôi sẽ bóp cổ ông! Ông dám nhận là ông nội, dám đục vào cây cối trong vườn của ông nội tôi.

Hồn Trương Ba: – Dù sao... Cháu... Sáng nào ông cũng ra cuốc xới chăm chút cây cối ngoài vườn, cháu không thấy sao? Chỉ có ông nội cháu mới biết quý cây như thế...

Cái Gái: – Quý cây! Hừ, tôi phải rình lúc này, cả nhà đi vắng hết để đến nói với ông: Từ nay ông không được đục vào cây cối trong vườn ông tôi nữa! Ông mà quý cây à? Sáng qua, tôi để ý lúc ông chiết cây cam, bàn tay giết lợn của ông làm gãy tiết cái chồi non, chân ông to bè như cái xéng, giẫm lên nát cả cây sâm quý mới uơm! Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy!

Hồn Trương Ba: – Ông không dè... Đây là... tại...

Cái Gái: – Còn cái điều của cu Tị nữa, chiều hôm kia nó mang điều sang đây chơi, ông cầm lấy đòi chữa cho nó, thế là ông làm gãy cả nan, rách cả giấy, hỏng mất cái điều đẹp mà cu Tị rất quý! Lúc này, trong con sốt mê man, cu Tị cứ khóc bắt đền cái điều, nó tiếc...

Hồn Trương Ba: – Thế ư? Khổ quá...

Cái Gái: – Đừng vội! Chính ông làm cu Tị thêm khổ thì có! Cu Tị nó cũng rất ghét ông! Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi! *(vừa khóc vừa chạy vụt đi)*

Chú ý cách dẫn dắt xung đột:
Hồn Trương Ba – Xác hàng thịt;
Hồn Trương Ba – vợ Trương Ba;
Hồn Trương Ba – cái Gái.

(Chỉ con dâu Trương Ba ở trong nhà ra, nghe thấy những lời cuối cùng của cái Gái.)

Chỉ con dâu *(gọi theo con):* – Gái, quay lại đây, Gái! *(nhìn thấy Hồn Trương Ba đang run rẩy, liền đi tới bên cạnh)* Thấy, thấy đừng giận con trẻ... Nó rất yêu thương ông nội. Đêm nào nó cũng khóc thương ông... Nó cất giữ, nâng niu từng chút kỉ niệm của ông: đôi guốc gỗ, bó dóm thuốc lã, nhất là những cây thuốc trong vườn... Chỉ tại nó nghĩ thầy không phải là ông nội của nó, con đồ dành thế nào nó cũng không nghe... *(rưng rưng)* Khổ thân thầy...

Hồn Trương Ba: – Đến lúc này, cả nhà chỉ còn mình con vẫn thương thầy như xưa.

Chỉ con dâu: – Hon xưa nữa, thưa thầy. Hon cả hôm thầy mới từ nhà hàng thịt trở về. Bối con biết giờ thầy khổ hơn xưa nhiều lắm... *(khẽ)* Mà u con cũng khổ hơn nhiều lắm. U đã định bỏ đi đâu thật xa, cho thầy được thanh thoi. Nhà ta như sắp tan hoang ra cả...

Hồn Trương Ba: – Thầy đã làm u khổ. Có lẽ cái ngày u chôn xác thầy xuống đất, tưởng thầy đã chết hẳn, u cũng không khổ bằng bây giờ.

Chỉ con dâu: – Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa... Con càng thương thầy, nhưng thầy ơi, làm sao, làm sao giữ được thầy ở lại, hiền hậu, vui vẻ, tốt lành như thầy của chúng con xưa kia? Làm thế nào, thầy ơi?

Hồn Trương Ba *(mặt lạnh ngắt như tảng đá):* – Giờ thì cả con cũng...

Chỉ con dâu: – Thầy đừng giận nếu con đã nói điều gì không phải.

Hồn Trương Ba: – Không, ta không giận. Cảm ơn con đã nói thật. Bây giờ thì... đi đi, cho ta được ngồi yên một lát. Đi đi!

(Chỉ con dâu từ từ lui ra.)

Hồn Trương Ba *(một mình):* – Mây đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ, mây đã tìm được đủ mọi cách để lấn át ta... *(sau một lát)* Nhưng lẽ nào ta lại

chịu thua mây, khuất phục mây và tự đánh mất mình? “Chẳng còn cách nào khác!” Mây nói như thế hả? Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Không cần đến cái đòi sống do mây mang lại! Không cần!

(Đứng dậy, lập cập nhưng quả quyết, đến bên cột nhà, lấy một nén hương châm lửa, thắp lên. Đế Thích xuất hiện.)

[Lược một đoạn: Hồn Trương Ba muốn trả thân xác lại cho anh hàng thịt. Đúng lúc ấy cu Tị, bạn thân của cái Gái, vừa mất. Đế Thích nảy ra ý định cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị nhưng hồn Trương Ba từ chối...]

Chú ý ngôn ngữ thể hiện thái độ, lập trường của Hồn Trương Ba, trong cuộc thoại với Đế Thích.

Liên hệ với cách giải quyết xung đột trong truyện dân gian cùng tên.

Hồn Trương Ba: – Ông hãy đưa hồn cu Tị về nhập lại vào xác nó, cho nó được sống lại!

Đế Thích: – Không được! Việc cu Tị... chắc chắn đã có lệnh của bà Tây Vương Mẫu¹.

Hồn Trương Ba: – Ông hãy cứu nó! Ông phải cứu nó! Ông có biết đứa con đối với người mẹ là thế nào không? Còn to lớn hơn cả ý muốn bà Tây Vương Mẫu nhà ông. Ông Đế Thích, vì con trẻ ông a, vì con trẻ! Ông hãy giúp tôi một lần cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ làm phiền ông nữa, không đòi ông điều gì nữa! (lấy bó hương ra) Đây! (bẻ gãy cả bó)

Đế Thích: – Ông Trương Ba... (dẫn đi rất lâu rồi quyết định) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Tị sống lại, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rồi cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai?

Hồn Trương Ba (sau một hồi lâu): – Tôi đã nghĩ kĩ... (nói chậm và khẽ) Tôi không nhập vào hình thù ai nữa! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn!

Đế Thích: – Không thể được! Việc ông phải chết chỉ là một lần lẩn của quan thiên đình. Cái sai ấy đã được sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.

Hồn Trương Ba: – Có những cái sai không thể sửa được. Chấp vạ gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa, hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác. Việc đúng còn làm kịp bây giờ là làm cho cu Tị sống lại. Còn tôi, cứ để tôi chết hẳn...

Đế Thích: – Không! Ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

Hồn Trương Ba: – Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế Thích a! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

(Theo *Kịch Việt Nam chọn lọc*, tập bốn, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2001)

¹ Tây Vương Mẫu: một vị nữ thần có nguồn gốc trong thần thoại Trung Hoa, vợ của Ngọc Hoàng.

Trả lời câu hỏi:

- Các câu được in nghiêng dưới đây là lời của ai dành cho ai? Chúng có vai trò, tác dụng thế nào trong văn bản kịch? Dựa vào vai trò, chức năng cùng vị trí xuất hiện của chúng, có thể phân loại chỉ dẫn sân khấu như thế nào?
 - (Tôi đây, bắt đầu lớp kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác”. Trên sân khấu, hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện lơ mờ trong dáng Trương Ba thật. Thân xác hàng thịt vẫn ngồi nguyên trên chông và lúc này chỉ còn là thân xác.)
 - (Hồn Trương Ba bản thân nhập lại vào Xác hàng thịt. Trên sân khấu, nhân vật Trương Ba biến mất. Chỉ còn lại Xác hàng thịt mang Hồn Trương Ba ngồi lặng lẽ bên chông... Vợ Trương Ba vào.)
 - (Chỉ con dâu từ từ lui ra.)
 - (Khi Hồn Trương Ba ngẩng lên thì đã thấy cái Gái đứng trước mặt với cái nhìn lạnh lẽ, soi mói.)
 - (Đứng dậy, lập cập nhưng quả quyết, đến bên cột nhà, lấy một nén hương châm lửa thắp lên. Để Thích xuất hiện.)
 - ...
- Dựa vào mẫu bảng dưới đây, liệt kê ít nhất 5 lời thoại và chỉ dẫn sân khấu tương ứng; nêu dấu hiệu nhận biết về chính tả và tác dụng của các chỉ dẫn ấy (làm vào vở):

Lời thoại của nhân vật	Chỉ dẫn sân khấu tương ứng	Hình thức chính tả; tác dụng của chỉ dẫn
Đề Thích: – Ông Trương Ba... (...) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Tị sống lại, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rất cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai?	(dần đo rất lâu rồi quyết định)	– Chỉ dẫn sân khấu đặt trong ngoặc đơn, in nghiêng. – Tác dụng: giúp phân biệt được lời thoại của nhân vật và chỉ dẫn sân khấu, gợi ý cách diễn xuất cho diễn viên.
...	...	...

3. Nêu một số ví dụ về đối thoại và độc thoại của nhân vật Hồn Trương Ba được sử dụng trong kịch bản. Dựa vào đâu để bạn nhận biết đó là đối thoại hay độc thoại?
4. Dựa vào tóm tắt truyện, trích đoạn kịch và những hiểu biết của bạn về tác phẩm, hãy chỉ ra những sự kiện, nhân vật mà tác giả Lưu Quang Vũ đã lược bớt hoặc thêm vào trong vở kịch của mình. Sự thay đổi đó giúp bạn hiểu thêm điều gì về công việc của người chuyển thể văn bản truyện thành kịch bản?
5. Xung đột và cách giải quyết xung đột trong màn VII, kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* có gì khác với xung đột và cách giải quyết xung đột trong phần cuối truyện dân gian? Cách tạo ra những khác biệt như thế có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, thông điệp của vở kịch?
6. Theo bạn, những điểm khác biệt trong tác phẩm của Lưu Quang Vũ so với tác phẩm dân gian là xuất phát từ ý đồ sáng tạo của tác giả hay từ đặc trưng của thể loại?

II. TRẢI NGHIỆM VỜ DIỄN

1. Tìm hiểu thông tin về vở diễn

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tướng, TS. Mai Văn Hà

Chỉ đạo sản xuất: Đại tá Nguyễn Anh Tuấn

Tổ chức sản xuất: Lê Nam, Trung Thành, Ngọc Lan, Quang Huy

Kịch bản: Lưu Quang Vũ

Đạo diễn: NSUT Phạm Lê Nam

Phó đạo diễn: Chu Thành, Bá Ton

Quay phim: Quang Minh, Thế Bảo, Hoàng Hà, Mạnh Linh

Dựng phim: Hoàng Nam

Chủ nhiệm: Hồng Hạnh

Và các diễn viên

Vở diễn do Điện ảnh Công an nhân dân thực hiện.

Bạn hãy cho biết vai trò của các bộ phận trong ê-kíp.

2. Xem vở diễn

[<https://vtv.vn/video/hon-truong-ba-da-hang-thit-474453.htm>]



Cảnh trong vở *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*
(Nguồn <https://vtv.vn>)

Trả lời câu hỏi:

1. Trong vở diễn *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* mà bạn vừa trải nghiệm, đạo diễn đã sử dụng những loại âm thanh, ánh sáng nào? Theo bạn, việc sử dụng các loại âm thanh, ánh sáng đó có tác dụng gì?
2. Cảm nhận của bạn về không gian, thời gian, nhân vật, câu chuyện,... khi xem vở diễn *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* có gì khác so với cảm nhận của bạn khi đọc kịch bản văn học của vở diễn này? Theo bạn, vì sao có sự khác biệt ấy?
3. Chọn một đoạn đối thoại (hoặc độc thoại) trong vở diễn, bạn hãy:
 - a. Chỉ ra sự kết hợp giữa ngôn ngữ cơ thể với lời nói và cho biết tác dụng của chúng.
 - b. So sánh và nhận xét về ngôn ngữ nhân vật trên sân khấu với ngôn ngữ nhân vật trong kịch bản.
4. Cách kết thúc của truyện dân gian và kịch bản (cũng như vở diễn trên sân khấu) là không giống nhau. Theo bạn, việc sáng tạo này có làm mất đi ý nghĩa của truyện dân gian không, hay mang đến những thông điệp mới mẻ nào khác? Thông điệp đó có còn phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay?
5. Theo bạn, điều khó nhất khi thể hiện cuộc đối thoại giữa Hồn (Trương Ba) và Xác (hàng thịt) là gì? Khó khăn ấy đã được diễn viên đóng vai này xử lý qua diễn xuất như thế nào?

III. ĐẶC ĐIỂM CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC VÀ KỊCH BẢN SÂN KHẤU

Tác phẩm văn học và kịch bản sân khấu đều lấy ngôn từ làm phương tiện thể hiện, phản ánh đời sống mà con người là trung tâm. Giữa tác phẩm văn học và kịch bản văn học, kịch bản sân khấu có những mối quan hệ tương đồng trong việc phản ánh cuộc sống. Tuy nhiên, để trở thành một kịch bản sân khấu, tác phẩm văn học phải trải qua một quá trình thay đổi quan trọng và nhiều mặt. Bảng so sánh dưới đây giúp bạn hình dung được những sự thay đổi ấy.

Bảng so sánh đặc điểm của tác phẩm văn học và kịch bản sân khấu

Nội dung	Tác phẩm văn học (tác phẩm truyện được chuyển thể)	Kịch bản sân khấu (kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học)
Ngôn ngữ	Là ngôn ngữ văn học thuần nhất mang tính tự sự (kể chuyện), được ghi lại bằng chữ viết trên trang giấy.	Là ngôn ngữ tổng hợp, sống động trong giao tiếp trên sân khấu, bao gồm: ngôn từ độc thoại, đối thoại, bàng thoại kết hợp với ngôn ngữ cơ thể như: cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt,...
	Ngôn ngữ kể chuyện, chủ yếu là lời của người kể chuyện; thiên về trần thuật, miêu tả, diễn giải, khơi gợi trí tưởng tượng, liên tưởng nơi người đọc.	Ngôn ngữ kịch, hoàn toàn là lời của nhân vật; mang sắc thái khẩu ngữ, đời thường; giàu tính hành động và được cá tính hoá cao bởi kịch bản và cách xử lý, diễn xuất của diễn viên.
Tính chất	Thế giới nghệ thuật (con người, đồ vật, cảnh sắc, không gian, thời gian,...) mang tính "phi vật thể", gián tiếp được gợi lên từ ngôn ngữ văn học.	Thế giới nghệ thuật (con người, đồ vật, cảnh sắc, không gian, thời gian,...) mang tính "vật thể", trực tiếp, trực quan; được gợi lên từ ngôn ngữ sân khấu với vai diễn, hình khối, ánh sáng, âm thanh,... của sân khấu.
Không gian/ thời gian	Bối cảnh, không gian, thời gian mở ra theo chủ ý của tác giả và trí tưởng tượng, liên tưởng, gắn với trải nghiệm riêng của mỗi độc giả.	Bối cảnh, không gian, thời gian vừa mang tính ước lệ của sân khấu vừa được làm mới theo sự sáng tạo của nhà biên kịch, đạo diễn và diễn viên; kết hợp phương tiện thể hiện của nhiều loại hình nghệ thuật,... mang đến sự hấp dẫn, bất ngờ cho người xem.

Phương thức tiếp nhận	Tiếp nhận, thường thức tác phẩm bằng hành động đọc. Độc giả giao tiếp với nhân vật và thế giới bằng hình dung tưởng tượng.	Tiếp nhận, thường thức tác phẩm bằng hành động xem. Độc giả giao tiếp với nhân vật và thế giới bằng trực quan những gì diễn ra trên sân khấu.
...	...	...

Do vậy, từ tác phẩm văn học để chuyển thể đến kịch bản sân khấu là một cuộc chuyển đổi quan trọng và sâu sắc qua sự nhào nặn, sáng tạo lại của nhà biên kịch, đạo diễn và diễn viên.

IV. YÊU CẦU CỦA VIỆC SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG

1. Các dạng sân khấu hoá tác phẩm văn học

Sân khấu hoá tác phẩm văn học là hoạt động chuyển thể từ tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu và dàn dựng, biểu diễn trên sân khấu với tư cách là một tác phẩm thuộc loại hình trình diễn. Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học cho phép bạn và nhóm thực hiện chuyển thể tác phẩm văn học thành nhiều loại hình khác nhau. Trong đó, hình thức phổ biến nhất là các hình thức sân khấu hoá thành vở diễn như: kịch nói, chèo, tuồng, cải lương, múa rối,...

Sân khấu hoá tác phẩm văn học là chuyển thể hay cải biên tác phẩm văn học thành một tác phẩm sân khấu. Để có một tác phẩm sân khấu hoá từ tác phẩm văn học, thông thường, bạn có hai lựa chọn:

– Sân khấu hoá (chuyển thể/ cải biên) dựa trên nhiều tác phẩm văn học khác nhau. Ở dạng này, bạn có thể sử dụng một hay nhiều tác phẩm/ nhân vật cổ đề tài gần nhau để thực hiện sân khấu hoá. Kịch bản *Lời nói dối cuối cùng* được nhà viết kịch Lưu Quang Vũ lấy cảm hứng từ nhiều chất liệu truyện và thơ ca dân gian như: *Nói dối như Cuội*, *Sự tích chú Cuội cung trăng* và bài ca dao *Thằng Bờm có cái quạt mo*,... là ví dụ.

– Sân khấu hoá (chuyển thể/ cải biên) chủ yếu dựa vào một tác phẩm văn học. Theo dạng thức này, bạn cùng nhóm thực hiện có thể dựa hẳn vào một tác phẩm văn học làm cơ sở cho việc sân khấu hoá. Kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* do Lưu Quang Vũ sáng tác dựa trên tích truyện dân gian cùng tên hay kịch bản *Người con gái Nam Xương* do nhóm tác giả chuyển thể từ tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ dưới đây là những ví dụ.

2. Yêu cầu của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường

Mỗi tác phẩm văn học có đời sống riêng và được tồn tại bằng nhiều dạng thức khác nhau. Khi thực hiện hoạt động sân khấu hoá, với sự hỗ trợ, cộng hưởng của âm nhạc, ánh sáng và diễn xuất của diễn viên..., tác phẩm văn học lúc này không chỉ tồn tại trên trang giấy, trong tâm trí người đọc mà còn được tái hiện sống động ở không gian và thời gian cụ thể. Để hoạt động sân khấu hoá trong nhà trường đảm bảo các mục tiêu và đạt được hiệu quả nhất định, bạn cần lưu ý một số yêu cầu sau:

– *Gắn với mục tiêu môn học/ hoạt động giáo dục:* Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông khác với hoạt động sân khấu kịch chuyên nghiệp ở mục đích và tính chất. Mục đích của việc sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường gắn với mục tiêu môn học và hoạt động giáo dục hơn là tính nghệ thuật biểu diễn. Đối tượng khán giả của hoạt động này chủ yếu là học sinh và thầy cô trong trường, khác với đối tượng khán giả của sân khấu kịch chuyên nghiệp. Vì vậy, bạn cần dựa vào mục tiêu môn học/ hoạt động giáo dục để xác định rõ mục tiêu của hoạt động sân khấu hoá là gì, từ đó lên kế hoạch và xây dựng kịch bản cho phù hợp; đảm bảo được các mục tiêu đã đề ra.

– *Tối ưu hoá được sự sáng tạo của cá nhân và tập thể:* Tiến hành hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường nghĩa là các bạn đang mở rộng dạng thức tồn tại của tác phẩm bằng chính sự sáng tạo và khả năng tiếp nhận văn học của mình. Do đó, các bạn cần huy động vốn sống, sự hiểu biết của mình; chuyển hoá sự sáng tạo của mỗi cá nhân và tập thể thành những triết lý, thông điệp về cuộc sống và thể hiện ý tưởng đó trên sân khấu. Điều này không chỉ có tác dụng đối với những người tham gia vào vở diễn mà còn nâng cao khả năng cảm thụ văn học và trải nghiệm về nghệ thuật sân khấu của người đọc, người xem. Một tác phẩm sân khấu hoá thành công là một tác phẩm vừa giữ được căn cốt của tác phẩm văn học đồng thời chuyển tải được những thông điệp mới mẻ, sáng tạo của tập thể biên kịch, diễn viên tham gia biểu diễn.

– *Cần dựa trên các điều kiện cụ thể của nhà trường:* Một hoạt động biểu diễn trên sân khấu có thể cần đến nhiều đạo cụ và các phương tiện kĩ thuật hiện đại; đòi hỏi nhiều không gian, thời gian và cả kinh phí dàn dựng, biểu diễn. Tuy vậy, với tính chất là hoạt động học tập, sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông không nhất thiết phải đầu tư quá nhiều phương tiện, thời gian và kinh phí. Bạn cần dựa vào các điều kiện cơ sở vật chất của trường mình để sử dụng sáng tạo và hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Đồng thời, cần nâng cao khả năng sáng tạo của tập thể trong việc chế tạo đạo cụ, sân khấu..., và sử dụng nguồn kinh phí có thể huy động được một cách tiết kiệm, hiệu quả nhất.

Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường là một hoạt động đòi hỏi tính sáng tạo từ cách tiếp nhận tác phẩm văn học, lên ý tưởng xây dựng kịch bản đến việc dàn dựng và biểu diễn; cần có sự nỗ lực hợp tác và biết cách làm việc

cùng nhau của các bạn học sinh. Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học được tổ chức thành công sẽ mở rộng khả năng tiếp nhận tác phẩm văn học của công chúng, giúp các bạn nâng cao sự cảm thụ văn học, trải nghiệm về nghệ thuật sân khấu. Đồng thời, các hoạt động chuẩn bị, viết kịch bản và diễn xuất sẽ bồi dưỡng năng lực viết; rèn luyện các kĩ năng làm việc nhóm, thực hành và phối hợp cùng nhau một cách sáng tạo; qua đó nâng cao khả năng tìm hiểu, bồi dưỡng tình yêu đối với văn học nói riêng và nghệ thuật nói chung.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC XÂY DỰNG KỊCH BẢN VÀ TẬP DIỄN XUẤT

I. SO SÁNH VĂN BẢN TRUYỆN *CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG* VÀ KỊCH BẢN CHUYỆN THỂ

1. Đọc truyện

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(trích)

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mien vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song, Trương Sinh có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con nhà hào phú nhưng không có học, nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu.

[...]

Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đầy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoát đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang, lễ bái Thần Phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trở lại với nàng rằng:

– Ngán dài cổ số, tuổi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà không gắng ăn miếng cháo đắng cùng vui sum họp. Song, lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuồng rên, số cùng khí kiệt. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con. Chồng con noi xa xôi chưa biết sống chết thế nào, không thể về đền ơn được. Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ.

Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.

Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trối, việc quân kết thúc. Trương Sinh về tới nhà, được biết mẹ đã qua đời, con vừa học nói. Chàng hỏi mẹ, rồi bế đứa con nhỏ đi thăm; đứa trẻ không chịu, ra đến đồng, nó quấy khóc. Sinh dỗ dành:

– Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con ngày thơ nói:

– Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.

Chàng ngạc nhiên gan hỏi. Đứa con nhỏ nói:

– Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe con nói vậy, đinh ninh là vợ hư, mỗi nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được.

Về đến nhà, chàng la um lên cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng:

– Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết¹. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra, thì lại giấu không kể lời con nói; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói:

– Thiếp số dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất². Nay đã bình roi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:

– Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục nhơ, thân sống có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang

¹ Một tiết: ý nói giữ trọn lòng chung thủy với chồng (tiết: danh dự và phẩm giá con người).

² Nghi gia nghi thất: nền của nền nhà, ý nói thành chồng thành vợ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc.

giữ tiết, trình bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc My Nuong¹, xuống đất xin làm có Ngu Mi. Nhuc bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

Nói xong nàng gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là nàng thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận cũng động lòng thương, tìm vớt thấy nàng, nhưng chẳng thấy tâm hơi đầu cả. Một đêm phòng không vắng vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng:

– Cha Đản lại đến kia kìa!

Chàng hỏi đầu. Nó chỉ bóng chàng ở trên vách:

– Đây này!

Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi!

[...]

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn² đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nuong nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

– Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

Lúc đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với họ Trương. Ban đầu Trương không tin. Nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói:

– Đây quả là vật đúng mà vợ tôi mang lúc ra đi.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nuong ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, vồng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:

– Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chớp lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.

(Nguyễn Dữ, *Truyện kì mạn lục*, bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện,
Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1962)

¹ Ngọc My Nuong: theo tích Ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết *Mị Châu - Trọng Thủy*, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.

² Xích Hồn: tên của sứ giả Linh Phi sai đưa Phan Lang ra khỏi thủy cung trở về cõi trần (xích: đỏ, hồn: một loại cá quả).

2. Đọc kịch bản chuyển thể

NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG¹

(Chuyển thể từ truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ)

MÀN I

BIỂN NAM HẢI

Vũ Nương, Phan Lang

Ở Nam Hải, tại yến tiệc của Linh Phi.

(Âm nhạc vui tươi, ánh sáng xanh huyền ảo.)

Vũ Nương (ngồi nhìn các cung nữ múa hát, ánh mắt xa xăm)

(Cung nữ múa hát, quần áo thướt tha xoay theo điệu nhạc. Yến tiệc kết thúc.)

Vũ Nương (tiến về phía Phan Lang): – Tôi với ông là người cùng làng, không gặp chẳng bao lâu mà đã quên mặt nhau rồi ư?

Phan Lang (ngạc nhiên): – Nương tử có phải người Nam Xương, một năm trước đã gieo mình xuống Hoàng Giang tự tử không?

Vũ Nương: – Chính là tôi!

Phan Lang: – Chẳng hay nương tử có nỗi lòng phiền muộn chi, sao lại chọn con đường tự tử? Chốn Nam Hải xa xôi cách trở, âu cũng đã tròn một năm, nàng há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư?

Vũ Nương (buồn rầu, ánh mắt đau khổ nhưng quả quyết): – Tôi nhất quyết rồi, nỗi oan này chẳng bao giờ được rửa sạch, tôi không thể trở về. Tôi thà gửi hình ảnh bóng ở chốn làng mây cung nước này, chứ chẳng còn mặt mũi mà trở lại quê hương. Không! Tôi sẽ không quay về nơi ấy nữa...!

Phan Lang (gạn hỏi): – Nương tử hãy kể cho tôi nghe nỗi oan của nàng được không?

Vũ Nương (cúi mặt, rồi lại ngược nhìn lên, hướng mắt về phía xa xăm, hồi tưởng lại quá khứ): – Tôi vốn không muốn nhớ về chuyện cũ đau lòng ấy, nhưng vì ông là chốn thần tình, tôi sẽ kể... (im lặng trầm tư) ... Nhiều năm về trước...

(Sân khấu phun ra làn khói trắng huyền ảo, âm nhạc da diết, ánh sáng yếu dần rồi tắt.)

MÀN II

CHIẾN TRẬN

Bóng người phụ nữ, binh lính, tướng quân...

Nhiều năm về trước...

(Hình bóng người phụ nữ ru con sau bức rèm trắng. Ánh sáng chiếu tập trung sau bức rèm. Âm nhạc hát ru.)

¹ Nam Xương: nay thuộc huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam.

Bóng người phụ nữ (đứng đưa ru con):

– À... oi... Nước non lận đận một... mình...

Thân cò lên thác... oi... à... oi... Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay...

À... oi... Ai làm cho bể kia đầy...

À... oi... cho ao kia cạn... À... oi... cho gầy cò con... Oi... à... oi... à... a... à...
oi... à... a... à... oi...

(*Ánh sáng đèn sau bức rèm tắt, đèn sân khấu đỏ. Âm thanh tiếng binh đao, chiến trống ở chiến trận.*)

Binh lính (hốt hái chạy vào): – Cấp báo tướng quân, giặc Chiêm thất thủ, quân ta đã triệt hạ được ba cánh quân của kẻ thù. Hiện quân ta đang vây hãm giặc ở chân núi phía bắc.

Tướng quân (mỉm cười): – Tốt! Tốt! Thế giặc e khó thoát được vòng vây của ta trong trận này. Đây là cơ hội để ta đánh đuổi giặc Chiêm ra khỏi bờ cõi. Hạ lệnh tấn công!

Binh lính: – Tuân lệnh!

(*Trận chiến bắt đầu. Âm nhạc hào hùng nổi lên.*)

Binh lính (đồng thanh hô hét): – Xông lên!!!!

(*Hai bên đánh nhau, giặc Chiêm thua trận.*)

Binh lính: (hò reo vui mừng)

(*Ánh đèn sân khấu tắt. Ánh đèn sau bức rèm dần sáng mạnh chiếu rọi vào bóng người, chuyển sang âm nhạc da diết.*)

Bóng người phụ nữ (bế con trước ngực mẹ, hát, giọng tha thiết): – Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng... Hàng cò bay trong bóng... ơ... phát phơ... Dấu chàng... theo lớp mây... a... đưa... Thiếp nhìn rặng núi... ngán ngơ... ơ... nỗi nhà... Nấm chua cay tẩm lòng mới tở... chua cay này... a... oi... há có... vì ai... Vì chàng lệ thiếp nhớ đôi... ơ... à... oi... Vì chàng... thân thiếp... lẻ loi... a... oi... một bề.
(*Trích Chinh phụ ngâm*)

(*Ánh sáng đèn sau rèm yếu dần cho đến khi bóng người biến mất.*)

MÀN III

ĐOÀN TỰ

Trương Sinh, Vũ Nương, Đản

Một năm sau, tại nhà Trương Sinh.

Trương Sinh (đi từ cổng vào, khuôn mặt dăm dĩa mờ mờ): – Nương tử! Nương tử! Ta đã về! Trương Sinh của nàng đã quay trở về rồi đây.

Vũ Nương (từ trong nhà bước ra, nhìn thấy Trương Sinh, chạy đến): – Ôi! Trương Sinh, cuối cùng thì chàng đã bình an trở về.

Trương Sinh: (ôm chặt lấy vợ, vui mừng)

Đản (từ trong nhà đi ra): – Mẹ ơi!

Trương Sinh (kính ngạc sững sờ): – Đây... Đây là ai?

Vũ Nương (quay lại nhìn đứa trẻ): – Thiếp đã định nói cho chàng. Những ngày tháng chàng đi chinh chiến nơi xa, đã có biết bao điều xảy đến với nhà ta... Xin chàng hãy lắng nghe, những điều thiếp nói... Đứa trẻ đó chính là con của chúng ta!

Trương Sinh (ngạc nhiên, đứng sững): – Nàng nói sao... Đó là con của ta?... Con của ta...? Vậy còn mẹ của ta? Sao mãi không thấy người ra đón ta trở về?

Vũ Nương (cúi mặt, nghẹn lời): – Xin chàng bình tĩnh mà nghe thiếp nói, mẹ của chúng ta... vì quá nhớ mong chàng sinh ra ốm nặng... mẹ đã mất từ một năm trước. (rơm rớm nước mắt, hướng mắt về nơi chôn mộ phần)... Mẹ đã không đợi được chàng về để chúng ta cùng sum họp...

Trương Sinh (mặt biến sắc, sững sờ): – Thế là gia đình chỉ còn ba chúng ta thôi ư? Đản, lại đây với ta... Lại đây con... chúng ta cùng ra thăm bà con... Bà đang đợi cha ở ngoài kia... (bước đến, bế Đản trên tay, đưa tay nài cho vợ rời ra mộ phần).

MÀN IV NGHI NGỜ

Trương Sinh, Đản

Tại mộ phần của mẹ Trương Sinh.

(Mộ được chăm sóc chu đáo, cỏ dại được dọn dẹp sạch sẽ, hương khói nghi ngút.)

Trương Sinh (đặt Đản xuống đất, quỳ trước mộ phần, khóc thương): – Con bất hiếu chưa kịp phụng dưỡng mẹ già, người đã vội bỏ con mà đi. Nay con bình an trở về như lời hứa trước lúc ra đi, mà âm dương lại cách biệt... (Đản quấy khóc).

Trương Sinh (dỗ dành): – Nín đi con! Con ngoan của cha! Cha về nghe tin bà mất... cha đau khổ lắm rồi... Con đừng quấy khóc nữa... Đau lòng cha lắm con ơi!

Đản (nín khóc): – Ông cũng là cha của Đản ư? Kì quá, sao không giống gì hết. Bình thường cha của Đản không nói, chỉ im thin thít, còn ông thì lại biết nói. Mà cha của Đản chỉ đến chơi với Đản vào buổi tối thôi... (lại quấy khóc)... Đản muốn về với mẹ cơ. Đản không thích ở đây nữa.

Trương Sinh (ngạc nhiên): – Con nói sao? Con bảo cha của con chỉ đến vào buổi tối thôi ư?

Đản (hồn nhiên đáp): – Đúng rồi! Cha hay đến thăm mẹ và Đản vào buổi tối. Cha thương mẹ Đản lắm. Mẹ đi đâu thì cha sẽ đi đó. Mẹ ngồi cha cũng ngồi, mẹ đứng cha cũng đứng. Cha cũng thương Đản nữa, cha hay chơi với Đản. Vui lắm! Đản chỉ hơi buồn vì cha không khi nào bế Đản.

Trương Sinh: (im lặng không nói, sa sầm nét mặt, mắt ánh lên sự giận dữ)

(Âm nhạc gấp gáp, kịch tính.)

MÀN V

CHIA LI

Trương Sinh, Vũ Nương

Tại nhà Trương Sinh.

(Trương Sinh bế con quay trở về.)

Trương Sinh (sầm mặt, giận dữ): – Bao năm trôi qua, ta ở chiến trường đối mặt với bao hiểm nguy, gian khổ, vâng theo lời mẹ dạy: bồng lộc vinh hoa đều nhường để tay người, chỉ mong giữ được thân này bình an trở về với gia đình... Còn nàng? Suốt bao năm dài vắng bóng ta, phải chăng nàng đã lừa dối ta điều gì? Tất cả mọi thứ phải chăng đều là sự giả dối mà nàng đã dựng lên để lừa gạt ta?

Vũ Nương: – Chàng nói gì, thiếp không hiểu... Sao chàng lại nghi oan cho thiếp như thế?

Trương Sinh (mặt hầm hăm, quả quyết): – Không! Ta không hề nghi oan cho nàng. Mà chính những điều ta nhìn thấy, nghe thấy khiến ta khẳng định chắc chắn là như thế. Nàng đã lừa dối ta, phụ bạc lời hẹn ước.

Vũ Nương (van nài nức nỏ): – Thiếp xin chàng, xin hãy tin thiếp! Thiếp không phải là kẻ gian dối, lừa lọc tình yêu của chàng. Suốt bao năm nay thiếp một mình vò vò nuôi con, chăm sóc mẹ già,... chưa một lần nào thiếp dám nghĩ đến việc phụ bạc lời hẹn ước của hai ta... Xin chàng... thiếp tha thiết xin chàng... xin đừng kết tội thiếp như thế! (nắm cánh tay Trương Sinh).

Trương Sinh (hất tay ra, quay mặt đi): – Thôi, không cần giải thích nữa! Vô ích! Vô ích cả thôi... Ta đã biết cả rồi... Giờ đây ta mới thấy được bộ mặt gian dối của nàng... Ôi, chính trái tim ta đây còn bị bóp nghẹt khi nhận ra sự phản bội... Nàng đi đi!... Đi cho khuất mắt ta... Ta không muốn nhìn thấy nàng thêm một lần nào nữa... Đi!...

Vũ Nương: – Chàng ơi! Xin hãy nghe thiếp...

Trương Sinh: – Đừng nói thêm lời nào nữa... Ta bảo nàng đi đi!

Vũ Nương: – Trời ơi! Ai thấu cho nỗi oan này... (đắm đĩa nước mắt)...

(Âm nhạc gấp gáp, kịch tính.)

(Vũ Nương đau khổ bước đi.)

**MÀN VI
GIẢI OAN**

Đàn, Trương Sinh, bóng người phụ nữ

Nhà Trương Sinh vào buổi tối.

(Ánh sáng sân khấu mờ. Ánh sáng sau bức rèm sáng rọi rõ bóng người – bóng Trương Sinh.)

Đàn (reo lên): – A! Cha của Đàn lại đến thăm Đàn kia!

Trương Sinh (ngạc nhiên): – Cha của con đâu?

Đàn (chỉ vào bóng của Trương Sinh): – Đây, cha của Đàn lại đến thăm Đàn này.
(Chiếc bóng của Trương Sinh lượn lơ hoá thành bóng người phụ nữ đang ru con.)

Bóng người phụ nữ: – À ời... con cò mà đi ăn đêm, đầu phải cảnh mềm lộn cổ
a... xuống ao. Ông ời ông vớt tôi nao, tôi có lòng nào ông hãy xáo a... măng, à... ời...

À ời... có xáo thì xáo nước trong, đừng xáo nước đục a... đau lòng cò con à... a...
à... ời... à... a... à... ời...

(Chiếc bóng lại lượn lơ, hoá thành bóng người phụ nữ đứng trước bến Hoàng Giang.)

Bóng người phụ nữ: À... ời... cánh cò... lặn dần... bao đêm...

Nuôi con tròn nghĩa... ời... à... ời... lênh đênh... muộn phiền...

À... ời... bể kia... thăm thẳm... cao dày...

Cúi xin chứng giám... ời... à... ời...

À... á... ời... lòng này... thấu... chàng...

Ngủ đi... oán hận... xót xa... à... ời...

Cho quên đi hết... ời... à... ời... đắng cay... muộn sầu...

À... a... à... ời... à... a... à... ời...

Trương Sinh (sững sờ nhìn vào chiếc bóng, sực tỉnh, ôm mặt đau khổ): – Trời ời! Ta
đã nghi oan cho nàng rồi!

(Bóng người nhẩy xuống nước.)

Trương Sinh (nhìn theo bóng người): – Không!... (khóc nức nở)...

(Âm nhạc nhỏ dần, đèn sân khấu mờ dần.)

**MÀN VII
TRỞ VỀ**

Vũ Nương, Phan Lang

Ở Nam Hải.

(Âm nhạc vui tươi, ánh sáng xanh huyền ảo.)

Vũ Nương (quay lại nhìn Phan Lang): – Tôi đã đến bến Hoàng Giang, dùng
cái chết để thần linh chứng giám cho tấm lòng trinh bạch của mình. May nhờ các
nàng tiên cõi nước, vì động lòng thương xót, đã rẽ nước giúp tôi thoát chết, nên ông
mới có thể nhìn thấy tôi ở nơi đây.

Phan Lang (lắng nghe, động lòng thương xót): – Tất cả âu cũng là một sự hiểu lầm. Nuong tử thực sự không có ý định trở về ư? Nhà của, mộ phần tiên nhân của nuong tử đã xanh cây um tùm. Dù không để tâm đi chăng nữa thì vẫn còn chồng, còn con đang ngày đêm ngóng đợi. Nuong tử có chắc không còn lưu luyến gì nữa ư?

Vũ Nuong (bỗng rơm rớm nước mắt): – Thú thật với ông, không lúc nào tôi nguôi nổi nhớ con. Đứa con bé bỏng của tôi... Suốt một thời gian dài, nó thiếu tình cảm của cha... nay lại chịu cảnh vắng sự chở che của mẹ. Đêm nào tôi cũng mơ lại được vỗ về hát ru cho con ngủ... (im lặng, thốn thức)... Nhưng... tôi nghĩ lại rồi ông à,... chắc có lẽ tôi sẽ tìm ngày trở về... Thân tôi cũng đã xong rồi, dù gì thì cũng đã sống trọn đạo của một kiếp người, chỉ là... tôi còn day dứt mãi, trước khi ra đi chưa kịp nhìn mặt con... (lấy trong áo một chiếc hoa vàng đưa cho Phan Lang)... Phiền ông nói hộ với chàng Trương rằng: nếu còn chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan bên cạnh bờ sông. Khi ấy tôi sẽ trở về.

Phan Lang: – Được! Tôi sẽ gửi tin vật này cho chàng Trương. Xin cáo biệt!

(Phan Lang cầm chiếc hoa vàng, từ biệt Vũ Nuong, rời biển Nam Hải.)

MÀN VIII ĐOẠN KẾT

Trương Sinh, Vũ Nuong

Tại bến Hoàng Giang.

(Trương Sinh dắt con đứng trước đàn giải oan, thấp ngọn đèn chiếu xuống nước.)

Trương Sinh: – Nuong tử! Nàng có nghe thấu được lời ta? Ta đã hiểu thấu được nỗi oan của nàng. Biết bao năm qua ta sống trong dằn vặt, con thiếu vắng tình thương của mẹ. Xin nàng... vì tình xưa nghĩa cũ... hãy quay trở về để gia đình đoàn tụ.

(Ánh sáng xanh chớp tắt, phum khói lên sân sân khấu, tiếng sóng nước. Vũ Nuong xuất hiện với đoàn người ăn mặc rực rỡ.)

Vũ Nuong: – Thiếp đa tạ nghĩa tình của chàng. Nhưng mà... giữa chúng ta đã hết duyên hết nợ, kiếp trần gian của thiếp cũng kết thúc lâu rồi... thiếp không thể trở về được nữa. Hơn nữa, ân nghĩa của đức Linh Phi thiếp phải báo đền, có hôn xiêu phách lạc cũng không thể dứt bỏ... (nhìn con rơm rớm lệ)... Nếu còn thương cho số kiếp của thiếp, chàng hãy ở lại đương thế thay thiếp chăm lo cho con của chúng ta...

(Ánh sáng xanh mờ dần rồi biến mất. Vũ Nuong cùng đoàn người biến mất trong làn khói.)

Trương Sinh (gọi với theo): – Kia! Nuong tử! Nuong tử!...

(Trương Sinh ôm con nhìn về hình bóng của Vũ Nuong, cho đến khi người khuất hẳn.)

(Âm nhạc tha thiết vang lên, tiếng sóng nước nhỏ dần.)

(Nhóm biên soạn)

Trả lời câu hỏi:

- So sánh truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* và kịch bản *Người con gái Nam Xương* qua các nội dung sau (làm theo mẫu):

Nội dung so sánh	Truyện	Kịch bản	Mức độ thay đổi
Số lượng nhân vật			
Xung đột			
Cách dẫn dắt và giải quyết xung đột			
Trình tự xuất hiện của các sự kiện			
Ngôn ngữ			
Kết thúc			
...			

Từ kết quả so sánh, hãy rút ra một số lưu ý về cách thức chuyển thể một tác phẩm văn học thành kịch bản.

- Cách biểu thị và các chỉ dẫn sân khấu trong văn bản kịch *Người con gái Nam Xương* có gì giống và khác so với màn VII, kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*? Sự so sánh trên mang lại cho bạn thu hoạch gì về quy cách trình bày một văn bản kịch?
- Trong kịch bản *Người con gái Nam Xương*, câu chuyện về nỗi oan của Vũ Thị Thiết được “kể lại” bằng cách nào? Theo bạn, đó có phải là một cải biên đáng ghi nhận của kịch bản này?
- Dựa vào đoạn kết văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* (từ câu “Lúc đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với họ Trương” đến hết truyện), bạn hãy viết một màn kết khác, sát hơn với kết thúc trong văn bản truyện so với đoạn kết trong kịch bản trên.

II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG KỊCH BẢN SÂN KHẤU VÀ TẬP DIỄN XUẤT

1. Hình thành ý tưởng

– Đây là bước đầu tiên vô cùng quan trọng. Bạn nên lựa chọn một tác phẩm văn học, nhân vật văn học hoặc một trích đoạn trong tác phẩm văn học mà mình yêu thích để chuyển thể sang kịch bản sân khấu. Điều này sẽ kích thích hứng thú sáng tạo và mang lại nguồn cảm hứng học tập. Tiếp theo, bạn phải xác định rõ mục đích, thông điệp muốn truyền tải đến khán, thính giả.

– Phác họa ý tưởng sân khấu để hiện thực hoá mục đích, thông điệp của mình: Bạn có thể phát huy tính sáng tạo bằng cách thêm/ bớt tuyến nhân vật; thay đổi kết thúc; đối thoại với nhân vật, hoặc tác giả; đảo trật tự kết cấu của tác phẩm; lồng ghép hai hay nhiều tác phẩm văn học cùng đề tài, tư tưởng,...

– Sau khi phác họa xong ý tưởng sân khấu, bạn cần lựa chọn hình thức biểu diễn trực tiếp (trình diễn trên sân khấu) hay gián tiếp (qua các phương tiện truyền thông: video clip,...). Việc lựa chọn hình thức nghệ thuật phụ thuộc vào hai tiêu chí: thứ nhất là đối tượng khán giả mà bạn muốn hướng đến (trẻ em, người lớn,...); thứ hai là thiết bị, phương tiện, đạo cụ,... mà bạn có để phục vụ cho vở diễn.

2. Lập dàn ý cho kịch bản

Để lập dàn ý cho kịch bản của mình, bạn hãy tự hỏi:

- Nhan đề kịch bản là gì?
- Kịch bản sân khấu sẽ bao gồm mấy màn/ cảnh/ hồi?
- Những sự kiện ở các màn/ cảnh/ hồi được sắp xếp theo trình tự nào?
- Màn/ cảnh/ hồi nào đảm nhiệm vai trò nút thắt mâu thuẫn, xung đột?
- Màn/ cảnh/ hồi nào đảm nhiệm vai trò gỡ nút thắt mâu thuẫn, xung đột?
- Thông điệp mà bạn muốn truyền tải đến người xem là gì?
- Dựng từ những đạo cụ nào, hình dung cách sắp xếp bố cục sân khấu như thế nào để làm nổi bật thông điệp?

3. Viết kịch bản sân khấu

Việc triển khai dàn ý trên thành kịch bản chi tiết phụ thuộc vào hình thức nghệ thuật mà bạn lựa chọn. Mỗi loại hình nghệ thuật sẽ có đặc trưng khác nhau trong quá trình biểu diễn. Tuy nhiên nhìn chung, kịch bản của các loại hình sân khấu thường phải ghi rõ:

– Nhan đề kịch bản; thể loại, tên tác giả và tác phẩm văn học mà bạn chuyển thể sang kịch bản sân khấu.

– Đề mục các màn/ cảnh/ hồi theo bố cục kịch bản.

– Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện/ sự việc; những chỉ dẫn ngắn gọn về hành động, cử chỉ, biểu cảm, ngữ điệu,... của các nhân vật; gọi ý âm thanh, hình ảnh (nếu có).

Đặc biệt, ngôn ngữ chính của kịch bản phải là các lời thoại. Lời thoại cần đáp ứng được các yêu cầu của kịch bản sân khấu như:

- Thể hiện rõ tính cách, tâm lí, trạng thái cảm xúc,... của nhân vật;
- Có tính hành động, tính khẩu ngữ;
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa độc thoại, đối thoại, bàng thoại;
- Phù hợp để trình diễn.

4. Tập diễn xuất và chỉnh sửa kịch bản

– Đây là giai đoạn hiện thực hoá kịch bản sân khấu. Bạn cần chú ý những phần gọi ý về hành vi, giọng nói, sắc thái biểu cảm với các lời thoại/ lượt thoại trong kịch bản; sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt,... để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật (buồn, vui, hạnh phúc, đau khổ, tuyệt vọng, ngạc nhiên,...).

– Bạn cần diễn lời thoại rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với diễn tiến tâm trạng của nhân vật.

– Quá trình tập duyệt này sinh ra những ý tưởng mới, bạn cần ghi chép lại để chỉnh sửa và hoàn thiện kịch bản.

III. THỰC HÀNH XÂY DỰNG KỊCH BẢN SÂN KHẤU VÀ TẬP DIỄN XUẤT

1. Bài tập thực hành viết kịch bản sân khấu

Bài tập 1

- Lập dàn ý cho kịch bản chuyển thể từ một trong những tác phẩm văn học sau:
- + *Sự tích Hồ Gươm*; *Bánh chưng, bánh giầy* (*Ngữ văn 6*, Tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2021): lưu ý hai sự kiện chính là mượn guom và trả guom trong *Sự tích Hồ Gươm* và chuỗi sự kiện các hoàng tử đua tranh dự thi làm mâm cỗ, Lang Liêu được thần báo mộng; sự hài lòng truyền ngôi cho Lang Liêu của Vua Hùng.
- + *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi; *Giăng – Bão Ninh*; *Buổi học cuối cùng* – An-phông-xơ Đô-đê, *Lời má năm xưa* – Trần Bảo Định,... (*Ngữ văn 10*, Tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2022).
- + Một tác phẩm văn học do bạn lựa chọn...
- Sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự kiểm tra kĩ năng lập dàn ý cho kịch bản văn học của bạn:

Bảng kiểm kĩ năng lập dàn ý cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học

Thông tin và ý tưởng	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Các thông tin về tác phẩm gốc	Nhan đề tác phẩm.		
	Thể loại của tác phẩm.		
	Tên tác giả/ thể loại gốc và các thông tin liên quan (nguồn/ xuất xứ,...).		

Ý tưởng chuyển thể và định hướng thực hiện trong kịch bản	Dự kiến số màn/ cảnh		
	Dự kiến số lượng nhân vật		
	Dự kiến cách bài trí sân khấu		
	Định hướng về chủ đề, thông điệp mà kịch bản sẽ thể hiện.		
	Dự kiến nhan đề cho kịch bản.		
	Dự kiến bố cục tổng thể (số màn/ cảnh; nhân vật; ...).		
	Định hướng dẫn dắt xung đột kịch, giải quyết mâu thuẫn, xung đột.		
	Dự kiến cách biểu đạt hành vi, giọng nói nhân vật cho một số cuộc thoại/ lời thoại quan trọng.		

Bài tập 2

– Hãy viết các lời chỉ dẫn sân khấu (hướng dẫn về diễn xuất cho diễn viên), chỉnh sửa các lời thoại trong trích đoạn dưới đây (nếu cần), đặt nhan đề, ghi các thông tin chỉ dẫn cần thiết,... để có một màn kịch phù hợp với yêu cầu trình diễn:

“Nhà Mtao Xây cột sân hiên đeo hình mặt trăng, đầu cầu thang đều đeo hình chim ngói. Ngồi nhà của lão tù trưởng nhà giàu này quả là đẹp thật. Cầu thang rộng một lá chiếu, người nối đuôi nhau lên xuống mà không một *ché dué* vẫn không sợ chật.

Đăm Săn: – *Ơ diêng, ơ diêng*, xuống đây! Ta thách người đo dao với ta đấy!

Mtao Xây: – Ta không xuống đâu *diêng* ơi! Tay ta đang còn bận ôm vợ (của) hai chúng ta ở trên nhà này cơ mà.

Đăm Săn: – Xuống, *diêng*! Xuống, *diêng*! Người không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sân hiên của nhà người ta bố dôi, ta sẽ lấy cái cầu thang của nhà người chẻ ra kéo lửa, ta hun cái nhà của người cho mà xem!

Mtao Xây: – Khoan, *diêng*, khoan! Để ta xuống. Người không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe!

Đăm Săn: – Sao ta lại đâm người khi đang đi xuống nhỉ? Người xem, đến cả con lợn nái của nhà người dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Mtao Xây: – Ta sợ người đâm ta khi ta đang đi lắm.

Đăm Săn: – Sao ta lại đâm người khi người đang đi nhỉ? Người xem, đến con trâu của nhà người trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Thế là Mtao Mxây phải đi ra. Bà con xem, khiến hần tròn như đầu củ. Guom hần óng ánh như cái cầu vồng. Trồng hần dừ tợn như một vị thần. Hần đóng một cái khố sọc gấp bốn múi, mặc một cái áo dây nút, đi từ nhà trong ra nhà ngoài, dáng tần ngần do dự, mỗi bước mỗi đắn đo, giữa một đám đông mật mù như trong sương sớm.

Đám Sân: – Người múa trước đi, *o diêng!*

Mtao Mxây: – Người mới là người múa trước, *o diêng!* Ta như gà làng mới mọc cựa *klê*, như là gà mới mọc cựa *êchâm*, chưa ai đâm phải mà đã gãy mất cánh.

Đám Sân: – Người cứ múa đi, *o diêng!*

Mtao Mxây rung khiến múa vậy. Khiến hần kêu lạch xạch như quả bưởi khô. Hần múa một mình, Đám Sân không nhúc nhích.

Đám Sân: – Người múa một mình, múa kêu lạch xạch như quả bưởi khô. Miếng múa ấy người học ai vậy? Người múa chơi đấy phải không, *diêng?*

Mtao Mxây: – Ta học ai à? Có cậu, ta học cậu. Có bác, ta học bác. Có thần Rồng, ta học thần Rồng.

Đám Sân: – Thế ư? Ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, người múa đi ta xem nào!

Mtao Mxây: – Thế người không biết ta đây là một người đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?

Đám Sân: – Vậy thì người hãy xem ta đây!

Đám Sân vung khiến múa. Một lần xóc tới, chàng vượt một đôi tranh. Một lần xóc tới nữa, chàng vượt một đôi lỗ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp, chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hần vung đao chém phập một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chảo cột trâu.

Đám Sân: – Sao người lại chém cái chảo cột trâu? Còn khoeo chân ta, người dành làm gì?

Đến lúc này, Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hần một miếng trâu, nhưng Đám Sân đã đón được miếng trâu. Chàng nhai trâu, sức chàng tăng lên gấp bội.

Đám Sân: – Bớ *diêng*, bây giờ người lại chạy, ta đuổi coi!

Thế là Đám Sân lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lăm đổ lán lốc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiến đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiến kênh. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. Cây giáo thần, cây giáo đình đầy những oan hồn của chàng, nhằm dúi Mtao Mxây phồng tới, nhưng không thủng. Chàng đâm vào người Mtao Mxây, cũng không thủng.

Đến lúc này, Đăm Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy Ông Trời.

Đăm Săn: – Ôi chào! Chết mất thôi, ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hần!

Ông Trời: – Thế ư, cháu? Vậy thì cháu lấy một cái chày mòn cháu ném vào vành tai hần là được.

Đăm Săn bừng tỉnh, chớp ngay một cái chày mòn, ném trúng vành tai kẻ địch. Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng. Mtao Mxây tháo chạy. Hần tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hần tránh quanh chuồng trâu, Đăm Săn phá tan chuồng trâu. Cuối cùng hần ngã lăn quay ra đất."

(*Ngữ văn 10*, Tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2022)

– Sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự kiểm tra kĩ năng viết lời thoại, chỉ dẫn sân khấu và hoàn tất kịch bản văn học của bạn:

**Bảng kiểm kĩ năng viết lời thoại và chỉ dẫn sân khấu
cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học**

Thông tin và ý tưởng	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Chỉ dẫn sân khấu về cách trình bày sân khấu và diễn xuất	Tên màn kịch (dự kiến).		
	Bối cảnh không gian, thời gian.		
	Nhân vật, nhóm nhân vật sẽ xuất hiện.		
	Gợi ý về hành vi, giọng nói, sắc thái biểu cảm với các lời thoại/ lượt thoại.		
Lời thoại của nhân vật	Sự rõ ràng, ngắn gọn, đích đáng.		
	Tính đối thoại và tác động (đối với nhân vật đồng quan điểm hoặc khác quan điểm).		
	Tính khẩu ngữ/ phù hợp để trình diễn.		
	Tính biểu cảm/ biểu đạt (thể hiện phù hợp với tính cách, tâm lí, trạng thái cảm xúc,... của nhân vật).		
	Kết hợp độc thoại, đối thoại, bàng thoại khi cần.		

Bài tập 3

– Bạn hãy thực hiện các công việc tương tự Bài tập 2 để chuyển một trong hai văn bản *Gặp Ka-ríp và Xi-la*, *Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời* (*Ngữ văn 10*, Tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2022) thành một kịch bản văn học.

– Sử dụng mẫu bảng kiểm ở Bài tập 2 để tự kiểm tra kĩ năng viết lời thoại, chỉ dẫn sân khấu và hoàn tất kịch bản văn học của bạn.

Bài tập 4

– Hãy viết và hoàn tất kịch bản văn học theo dàn ý đã có khi bạn thực hiện Bài tập 1.

– Sử dụng mẫu bảng kiểm ở Bài tập 2 để tự kiểm tra kĩ năng viết lời thoại, chỉ dẫn sân khấu và hoàn tất kịch bản văn học của bạn.

2. Bài tập thực hành diễn xuất

Bài tập 1. Phân biệt đọc diễn cảm và diễn xuất bằng giọng nói. Cho ví dụ bằng cách làm mẫu (có phân biệt đọc diễn cảm và diễn xuất bằng giọng nói) một vài câu thoại trong kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, hoặc trong màn kịch mà bạn tạo ra sau khi thực hiện bài tập thực hành viết số 2.

Bài tập 2. Phân biệt đối thoại và độc thoại trong diễn xuất ngôn ngữ kịch. Cho ví dụ bằng cách diễn thử (có phân biệt đối thoại và độc thoại) một vài câu thoại trong kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* hoặc trong màn kịch mà bạn tạo ra sau khi thực hiện bài tập thực hành viết số 2.

Bài tập 3. Nghiên cứu kịch bản, trải nghiệm vở diễn *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (tập trung lớp VII, có ghi chép và phân tích nhân vật, ngôn ngữ vai diễn). Kết hợp cặp đôi với một bạn trong lớp, lần lượt thay nhau tập diễn xuất các cặp vai trong màn kịch này:

- Hồn Trương Ba và xác hàng thịt
- Hồn Trương Ba và vợ Trương Ba
- Hồn Trương Ba và Đế Thích

Bài tập 4. Lập nhóm diễn viên, chọn người đạo diễn, phân vai và tập diễn xuất một màn kịch tự biên tự diễn hoặc màn kịch của tác giả chuyên nghiệp mà các bạn trong nhóm yêu thích và cho là khả thi.

Phần thứ ba QUY TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SÂN KHẤU HOÁ

Để tiến hành tổ chức sân khấu hoá một tác phẩm văn học, bạn cần:

– Nắm vững những đặc trưng của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường.

– Nắm vững quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá và điều kiện thực hiện cụ thể trong trường/ lớp của bạn.

Quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá gồm:

Bước 1: Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ

Bước 2: Triển khai thực hiện

Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

1. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1.1. Lập kế hoạch

Lập kế hoạch, phân công cụ thể những công việc cần làm để chuẩn bị cho buổi diễn. Bản kế hoạch có thể thực hiện như sau:

Bản kế hoạch

TÊN KẾ HOẠCH:

- Mục đích của kế hoạch:
- Hình thức sân khấu:
- Quy mô và đối tượng tham gia:
- Thời gian và địa điểm thực hiện:
- + Thời gian chuẩn bị:
- + Thời gian biểu diễn:
- + Địa điểm biểu diễn:
- Nội dung công việc:

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện
Lên ý tưởng và viết kịch bản sân khấu	(từ tuần... đến....)	(theo nhóm)
Phân vai diễn và tập duyệt theo kịch bản		
Thiết kế sân khấu và chuẩn bị đạo cụ		
Ghi hình, quay phim		
Điều phối âm thanh, ánh sáng		
Tổng duyệt chương trình		
Tổ chức công diễn		
Tổng kết và rút kinh nghiệm		

- Một số dự kiến:

Dự kiến đạo cụ phục vụ biểu diễn:

Dự kiến khách mời cố vấn:

2. Phân công nhiệm vụ

- Nhóm lên ý tưởng, viết kịch bản: Đảm nhận vai trò chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu.

- Nhóm diễn xuất, tập duyệt theo kịch bản: Đảm nhận việc phân vai tập duyệt và biểu diễn. Trong quá trình tập duyệt, các bạn cần sự hỗ trợ, cố vấn của giáo viên/chuyên gia chỉ đạo diễn xuất.

- Nhóm thiết kế sân khấu và chuẩn bị đạo cụ:
- + Chuẩn bị những đạo cụ cần thiết cho buổi diễn, thiết kế trang phục và hoá trang cho nhóm diễn xuất. Các bạn cần lưu ý, trang phục phải phù hợp với môi trường biểu diễn và bối cảnh của kịch bản.
- + Chuẩn bị những vật dụng cần thiết hỗ trợ cho các nhóm quay phim, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng,...
- + Thiết kế sân khấu phù hợp với từng cảnh diễn.
- Nhóm quay phim, ghi hình: chuẩn bị các thiết bị ghi hình và chịu trách nhiệm quay hình chính trong buổi diễn.
- Nhóm âm thanh, ánh sáng: chịu trách nhiệm chính về âm thanh, ánh sáng trong buổi diễn.
- Nhóm ban tổ chức: chịu trách nhiệm chính, xử lý những phát sinh trong quá trình chuẩn bị và biểu diễn.

II. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Sau khi có kế hoạch và phân công nhiệm vụ, các bộ phận được giao nhiệm vụ sẽ tiến hành thực hiện các công việc được liệt kê trong bản kế hoạch theo đúng thời gian quy định. Việc triển khai thực hiện sẽ theo các bước sau:

1. Tổ chức xây dựng kịch bản

Dựa vào mục đích thực hiện, các bạn sẽ lên ý tưởng cho kịch bản. Việc xây dựng kịch bản cần bám sát quy trình xây dựng kịch bản sân khấu (chú ý điều kiện sân khấu và quy mô của buổi diễn).

- Việc xây dựng kịch bản nên giao cho một nhóm gồm những người có năng khiếu sáng tác văn học, do một nhóm trưởng chủ trì, liên lạc mật thiết với thầy cô giáo phụ trách. Để kịch bản trở thành sản phẩm của tập thể, mang lại sự hào hứng chung cho mọi người, nhóm này nên thường xuyên trao đổi thông tin trong lớp về tiến độ công việc.

- Sau khi hoàn thành, các bạn nên gửi cho giáo viên/chuyên gia xem để kiểm tra chất lượng của kịch bản.

2. Tổ chức tập dượt theo kịch bản

- Phân vai: Các bạn cần chú ý đến tính cách, đặc điểm ngoại hình của nhân vật, dự kiến khả năng thành công của người được phân vai để có sự phân công phù hợp; sau đó, tiến hành triển khai tập dượt theo kịch bản sân khấu.

- Tập dượt: Việc tập luyện cần được tổ chức linh hoạt về thời gian để các bạn có thể tham gia đầy đủ. Trong quá trình tập dượt, các nhóm sẽ đề xuất những ý tưởng mới nhằm tạo ra hiệu ứng sân khấu tích cực, gây ấn tượng cho người xem. Đồng thời, bạn cần ghi chép những góp ý của giáo viên/chuyên gia cổ vấn để chỉnh sửa, hoàn thiện kịch bản.

3. Diễn thử và chuẩn bị biểu diễn chính thức

Đây là bước quan trọng trước khi tổ chức biểu diễn chính thức. Các nhóm sẽ ráp nối, tổng duyệt lại chương trình, rút kinh nghiệm những chỗ chưa hoàn thiện và sửa chữa.

4. Tổ chức biểu diễn

Các nhóm tiến hành thực hiện theo sự chuẩn bị. Chú ý:

- Thiết kế sân khấu phải có tính thẩm mỹ, thu hút và tạo cho người xem cảm giác tự nhiên, thích thú.
- Các bộ phận âm thanh, ánh sáng cần được sử dụng phù hợp với từng phân cảnh, lời cuốn được người xem và làm nổi bật được thông điệp của vở diễn.
- Diễn xuất chủ động, tự tin; sử dụng các ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt,... để biểu đạt cảm xúc, nội tâm,... của nhân vật; tương tác tốt với bạn diễn và khán giả.
- Quay phim, ghi hình cần lựa chọn góc đúng phù hợp để có thể tiếp cận người diễn xuất ở nhiều vị trí khác nhau.

III. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

Kết thúc biểu diễn, các nhóm tự đánh giá, rút kinh nghiệm theo các nội dung gợi ý sau:

Phiếu đánh giá hoạt động sân khấu hoá

Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
Hoàn thành mục đích của kế hoạch.		
Thời gian thực hiện đúng tiến độ yêu cầu.		
Hoàn thành nhiệm vụ được phân công.		
Hợp tác với các bộ phận khác trong quá trình chuẩn bị và biểu diễn.		
Tính tích cực, sáng tạo, hiệu quả.		
Tinh thần làm việc nhóm cởi mở, dân chủ.		
Đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường sau khi diễn.		
Phần rút kinh nghiệm:		
.....		
.....		
.....		

Chuyên đề

3

ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới.

(M. Gooki)

Các tập thơ, truyện ngắn hay tiểu thuyết đều thuộc loại sách văn học, thường được nhiều người yêu thích. Người đọc tìm đến sách với nhiều mục đích đọc khác nhau: đọc để giải trí, để tìm bạn tâm tình, tìm thông tin, hay học hỏi và mở mang trí tuệ,... Dù với mục đích nào thì ích lợi của sách và việc đọc sách nói chung đều rất lớn.

Nhưng, sách có nhiều loại, và mỗi loại sách lại đòi hỏi ở độc giả những kĩ năng đọc, thu hoạch riêng. Chuyên đề này sẽ giúp bạn rèn luyện kĩ năng đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

Phần thứ nhất

CÁCH ĐỌC MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

I. ĐỌC SÁCH: HÌNH THÀNH THÓI QUEN VÀ KĨ NĂNG

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:

THÓI QUEN VÀ KĨ NĂNG ĐỌC SÁCH¹

Mortimer J Adler (Mơ-tơ-mơ A-đơ-lơ);
Charles Van Doren (Cha-xơ Ven Đơ-rân)

Thói quen và kĩ năng

Không có cách nào để hình thành thói quen ngoài chính sự vận hành. Nói cách khác là “học” bằng cách “thực hành”. Sự khác biệt trong hành động của bạn trước và sau khi hình thành thói quen là sự khác biệt giữa khả năng và sự sẵn sàng. Sau khi luyện tập, vẫn công việc như trước, nhưng bạn có thể làm tốt hơn nhiều so với lần đầu. Đây chính là điều mà ta thường gọi là “có công mài sắt có ngày nên kim”.

¹ Nhan đề bài viết do nhóm biên soạn đặt.

Những gì ban đầu bạn làm còn rất lúng túng thì sau khi luyện tập, bạn có thể làm một cách tự động, hay làm theo bản năng, như thể bạn sinh ra để làm việc đó, tự nhiên như việc đi lại hay ăn uống. Vì thế, nhiều người cho rằng thói quen là khả năng thiên bẩm thứ hai.

Tuy nhiên, hình thành một thói quen khác với việc biết những quy tắc của một môn nghệ thuật. Khi nói, một người có kỹ năng làm một việc gì đó không có nghĩa là khẳng định anh ta biết các quy tắc, mà đơn giản là anh ta có thói quen làm việc đó. Dĩ nhiên, biết quy tắc dù ít dù nhiều là một điều kiện để đạt được kỹ năng. Bạn không thể làm theo các quy tắc mà bạn không biết. Bạn cũng không thể học được bất cứ một thói quen hay kỹ năng nào nếu bạn không làm theo các quy tắc.

Theo tác giả, thói quen khác quy tắc như thế nào?

Trên thực tế, không phải ai cũng hiểu rằng, để trở thành một nghệ sĩ, người ta phải thực hiện theo các quy tắc. Khi nói về một họa sĩ, hay một nhà điêu khắc tài ba, nhiều người cho rằng: “Ông ta chẳng theo quy tắc nào cả. Ông ta làm một việc rất độc đáo – việc trước đây chưa ai làm và cũng chẳng theo quy tắc nào.” Nhưng họ không thấy được những quy tắc mà họa sĩ đã thực hiện. Nhìn nhận một cách nghiêm túc, ta sẽ thấy không có quy tắc cuối cùng và cũng không có quy tắc không bị phá vỡ khi vẽ một bức tranh, hay sáng tạo một tác phẩm điêu khắc. Nhưng lại có những quy tắc về chuẩn bị giấy vẽ, pha màu và dùng màu, nặn đất sét và hàn thép,... Họa sĩ và nhà điêu khắc chắc hẳn phải tuân theo các quy tắc này, nếu không họ đã không thể sáng tác được. Dù sản phẩm cuối cùng của người nghệ sĩ có thể nào, dù chúng có vẻ như không tuân theo quy tắc nào, thì nghệ sĩ đó cũng phải rất khéo léo để làm ra sản phẩm ấy. Đây chính là nghệ thuật – kỹ năng hay kỹ xảo – mà chúng tôi nói đến.

Từ nhiều quy tắc đến một thói quen

Đọc sách cũng giống như trượt tuyết. Khi giới như một chuyên gia thì cả hai việc đều rất thú vị, hài hòa. Khi mới bắt đầu thường rất lúng túng, chậm chạp và dễ chán nản. Mọi người, nhất là người trưởng thành, thường xấu hổ khi học trượt tuyết. (Vì mặc dù đã biết đi từ lâu, biết chân mình, nhưng khi đi giày trượt tuyết vào, họ phải học đi lại từ đầu.) Họ bị trượt ngã nhiều lần, ngồi dậy một cách khó nhọc, giày bị lệch, họ có cảm giác mình là một thằng ngốc,...

Thậm chí, một huấn luyện viên giỏi cũng không giúp được gì nhiều cho người mới học trượt tuyết. Làm sao để nhớ mọi điều mà huấn luyện viên nói, và vừa nhớ vừa trượt tuyết? Điều quan trọng khi trượt tuyết là bạn không nên nghĩ về từng động tác riêng lẻ, mà phải phối hợp chúng với nhau, xoay trở khéo léo thì mới trượt được nhẹ nhàng. Nhưng để làm được điều đó, bạn lại phải học riêng rẽ từng động tác ngay từ lúc đầu. Chỉ có như vậy, bạn mới có thể phối hợp chúng nhuần nhuyễn để trở thành một người trượt tuyết giỏi.

Việc đọc sách cũng tương tự. Có thể bạn đã đọc sách lâu rồi, và việc phải học lại từ đầu khiến bạn thấy ngại. Nhưng cũng như việc trượt tuyết, khi đọc sách,

Việc đọc sách giống việc trượt tuyết ở điểm nào?

bạn không thể phối hợp nhiều hành động khác nhau thành một hành động phức tạp nhưng hài hoà nếu bạn chưa trở thành chuyên gia trong từng động tác riêng lẻ. Bạn không thể rút ngắn các phần khác nhau của công việc, khiến chúng chồng chéo lên nhau. Mỗi động tác đều đòi hỏi sự chú ý cao độ khi thực hiện. Sau khi đã luyện tập từng động tác một, bạn có thể làm dễ dàng từng động tác mà không cần tập trung nhiều, hơn nữa còn có thể thực hiện chúng cùng một lúc rất thành thạo.

Người có kinh nghiệm học một kỹ năng phức tạp biết rằng, họ không nên lo sợ khi thấy một loạt các quy tắc xuất hiện lúc họ bắt đầu học một điều gì đó. Họ biết phải học cách phối hợp các quy tắc với nhau thành thạo như thế nào.

Nếu có nhiều quy tắc, nghĩa là thói quen cần hình thành cũng phức tạp. Các phần được kết hợp và lồng ghép với nhau khi trình độ thực hiện đã lên đến mức tự động hoá. Khi đó, nghĩa là bạn đã tạo nên thói quen thực hiện toàn bộ thao tác. Lúc này, bạn có thể thực hiện một cú trượt thật thành thạo mà trước đây bạn chưa từng làm được, hay đọc một cuốn sách mà bạn từng cho là khó...

(Trích trong *Đọc sách như một nghệ thuật*, Hải Nhi dịch, alphabooks – Nxb Lao động – Xã hội, 2008)

Trả lời câu hỏi:

1. Mối quan hệ giữa thói quen, quy tắc và kỹ năng là gì?
2. Vì sao cần hình thành thói quen và kỹ năng đọc sách?
3. Qua văn bản trên, bạn rút ra được bài học gì về việc đọc sách?

II. CÁCH ĐỌC MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

1. Một số đặc trưng của thơ, tập thơ và cách đọc thơ, tập thơ

1.1. Đặc trưng của thơ, tập thơ

Thơ là tiếng nói trực tiếp từ trái tim nhà thơ, là sự bộc lộ một cách trực tiếp, chân thành cảm xúc của tác giả qua ngôn từ có tính nhạc điệu, tính biểu cảm cao.

Như vậy, *thơ là sự thổ lộ cảm xúc mãnh liệt, trực tiếp*. Đó là cái tôi tác giả được khúc xạ qua nhân vật trữ tình hay chủ thể trữ tình. Mỗi bài thơ, tập thơ đều xuyên suốt bởi mạch cảm xúc này.

Ngôn từ trong thơ có độ gọn, hàm súc bởi dung lượng hữu hạn mà cảm xúc thì vô hạn. Chính vì thế, nhà thơ đặc biệt chú ý lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, sử dụng các biện pháp tu từ (nhân hoá, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ,...) hay thủ pháp “lạ hoá”, nhằm gia tăng giá trị biểu cảm, tính hình tượng, gia tăng ý nghĩa cho bài thơ.

Tính nhạc cũng là đặc trưng quan trọng của thơ, thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ (điệp, lấy, tượng thanh,...) cách gieo vần, phối thanh, cách ngắt nhịp, ngắt dòng,... Điều này làm cho thơ gần với âm nhạc, có khả năng phổ nhạc.

Bài thơ là tác phẩm văn học hoàn chỉnh về hình thức, thống nhất về nội dung; được tạo nên bởi các dòng thơ, khổ thơ (hay đoạn thơ) và mang đầy đủ các đặc trưng của thơ.

Tập thơ bao gồm nhiều bài thơ được tuyển chọn, in thành sách theo các tiêu chí khác nhau như: theo tác giả, theo đề tài, chủ đề, thể loại, theo giai đoạn sáng tác, theo trào lưu, khuynh hướng sáng tác, theo các đặc điểm khác như ngôn ngữ,... do chính tác giả hoặc người khác thực hiện. Tập thơ có thể của một tác giả hoặc của nhiều tác giả.

Ví dụ:

- Tuyển chọn theo tiêu chí văn tự: *Quốc âm thi tập* (thơ chữ Nôm), *Uất Trai thi tập* (thơ chữ Hán) của tác giả Nguyễn Trãi.
- Tuyển chọn theo tiêu chí thời gian sáng tác: *Từ ấy* (tập thơ đầu tay, được sáng tác trong khoảng 10 năm, từ 1937 – 1946); *Việt Bắc* (gồm các bài thơ được sáng tác chủ yếu trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp 1947 – 1954); *Gió lộng* (gồm các bài thơ được sáng tác trong khoảng 1955 – 1961),... của nhà thơ Tố Hữu.
- Tuyển chọn theo tiêu chí sáng tác của một tác giả hướng đến một đối tượng độc giả: *Giấc mơ buổi sáng* (Nguyễn Lâm Thắng, Nxb Văn học) gồm các bài thơ viết cho thiếu nhi.
- Tuyển chọn theo tiêu chí sáng tác của nhiều tác giả theo một trào lưu, khuynh hướng sáng tác: *Thơ Mới 1932 – 1945* (Nxb Văn học, 2006).



Hình ảnh bìa một số tập thơ

1.2. Cách đọc thơ, tập thơ

Việc đọc hiểu tập thơ phải được bắt đầu từ việc đọc từng bài thơ trong tập thơ và phải được thực hiện qua từng bước.

Bước 1: Đọc lướt bìa và mục lục tập thơ

Bước đầu tiên trong quá trình đọc hiểu cả tập thơ là:

– Đọc lướt, quan sát các thông tin trên bìa tập thơ gồm: nhan đề, hình vẽ, tên tác giả/ các tác giả,... để có thể có những dự đoán ban đầu về nội dung chính của tập thơ. Tìm tên nhà xuất bản để dự đoán nội dung tập thơ, người đọc, mà các ấn phẩm của nhà xuất bản này thường hướng đến. Ví dụ: Nhà xuất bản Kim Đồng thường xuất bản các ấn phẩm dành cho lứa tuổi thiếu nhi.

– Đọc lướt *Lời giới thiệu* tập thơ, nhan đề của các bài thơ trong mục lục của tập thơ để tiếp tục dự đoán về nội dung chính của tập thơ.

Bước 2: Đọc kĩ từng bài thơ

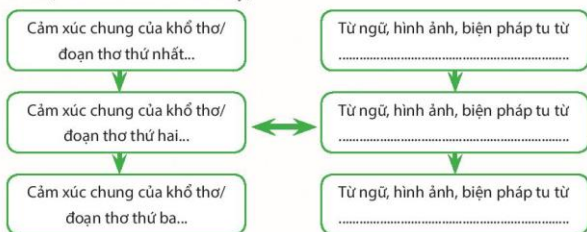
Để đọc hiểu một bài thơ, các bạn cần:

– Đọc lướt, quan sát nhan đề để dự đoán về nội dung, giọng điệu và thể loại của bài thơ dựa trên kiến thức nền (nếu có) về bối cảnh khi bài thơ ra đời, về phong cách sáng tác của nhà thơ bằng cách trả lời các câu hỏi: *Bài thơ này nói về điều gì? Tôi đã biết gì về tác giả này? Nhân vật trữ tình trong bài thơ này có thể là ai? Bài thơ này được sáng tác trong hoàn cảnh nào?*... Tuy nhiên, bạn cần lưu ý là ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, người đọc có thể đem đến cho bài thơ những ý nghĩa mới do bối cảnh văn hoá, xã hội đặc thù.

– Đọc cả bài thơ, đọc từng khổ thơ, đọc thầm, đọc diễn cảm để cảm nhận nhạc điệu, cảm xúc chung của cả bài thơ, tập thơ; xác định cách gieo vần, ngắt nhịp trong từng dòng thơ, khổ/đoạn thơ và cả bài thơ; đồng thời xác định thể loại của bài thơ.

– Xác định các từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu, mang tính chất biểu tượng trong từng khổ thơ và bài thơ vì đó là những từ có tính gợi cảm, hàm súc, chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa và thường được tạo ra bằng các biện pháp tu từ như: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ,... Sau đó, dựa vào ngữ cảnh của câu thơ, bài thơ, kết hợp với tri thức nền của bản thân suy luận ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh.

– Sau khi hiểu được các từ ngữ, hình ảnh của từng khổ thơ/đoạn thơ, bạn cần xác định sự vận động của mạch cảm xúc qua từng khổ thơ để có cái nhìn tổng thể về bài thơ (tham khảo sơ đồ dưới đây):



Sơ đồ mạch cảm xúc của bài thơ

– Tìm những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: cách dùng từ ngữ, hình ảnh, bố cục, biện pháp tu từ, cách gieo vần, ngắt nhịp, giọng điệu,...

– Từ đó, xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo, thông điệp của văn bản, đồng thời tìm ý nghĩa của văn bản đối với bản thân bằng cách trả lời các câu hỏi: *Chủ đề bài thơ là gì? Tác giả muốn nói gì với ta? Ta học được điều gì từ cách nhìn, cách cảm, cách lí giải về cuộc sống của tác giả?*

Lưu ý: Đọc văn bản văn học là quá trình trải nghiệm, suy ngẫm, vì thế, cần đọc chậm, đọc đi đọc lại, vừa đọc vừa ghi chép những suy ngẫm của mình về văn bản. Bạn dùng mẫu phiếu sau:

Phiếu ghi chép về bài thơ

Tên bài thơ:

Tên tác giả:

Nội dung các khổ thơ:

Khố/ đoạn	Từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu, biện pháp nghệ thuật	Nội dung chính
Khố/ đoạn 1		
Khố/ đoạn 2		
.....		

Mạch cảm xúc thể hiện qua các khổ thơ:

Cảm hứng chủ đạo:

Chủ đề bài thơ:

Thông điệp của bài thơ:

Bài thơ gợi những suy ngẫm về:

Bước 3: Đọc hiểu tập thơ

– Đọc từng bài thơ (như đã hướng dẫn ở bước một).

– Xác định các đề tài và chủ đề trọng tâm được thể hiện qua các bài thơ, sau đó dùng mẫu phiếu ghi chép dưới đây để phân loại các bài thơ có cùng đề tài, chủ đề:

Phiếu ghi chép về các bài thơ

Đề tài	Bài thơ	Nhóm chủ đề	Thông điệp
Nhóm đề tài về	Nhan đề	Nhóm chủ đề về	
	Nhan đề		
Nhóm đề tài về	Nhan đề	Nhóm chủ đề về	
	Nhan đề		

– Đọc lại các bài thơ cùng đề tài, chủ đề và các phiếu ghi chép về từng bài thơ, từ đó, rút ra những điểm tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng hình ảnh, thể thơ, biện pháp nghệ thuật,... giữa các bài.

– Sau đó, ghi lại suy ngẫm, cảm xúc về thiên nhiên, cuộc sống, con người,... mà tập thơ gợi lên cho bạn.

– Rút ra những nhận xét, đánh giá chung về tập thơ trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

2. Đặc trưng của truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết và cách đọc truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết

2.1. Đặc trưng của truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết

Truyện là khái niệm chỉ các thể loại tự sự hư cấu, bao gồm cả truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại. *Truyện ngắn* và *tiểu thuyết* đều mang những đặc điểm chung của các thể loại tự sự hư cấu hiện đại, nhưng truyện ngắn là tác phẩm “cỡ nhỏ”, tiểu thuyết là tác phẩm “cỡ lớn”.

Truyện ngắn có cốt truyện ngắn gọn, đơn giản nhưng hấp dẫn, nổi bật. Tác giả truyện ngắn thường dụng công xây dựng các chi tiết có sức mạnh như “bàn tay xiết lại thành nắm đấm” (Hemingway), như “nhân tự” ở trong thơ; hành văn mang ẩn ý.

Tập truyện ngắn: là một tập hợp các truyện ngắn được in chung. Các truyện ngắn cùng tập có thể được tuyển in theo một số tiêu chí nhất định. Chẳng hạn: tiêu chí gắn gũi về thời gian, đề tài, kiểu nhân vật, sự kiện, cùng tác giả, nhóm tác giả, nhóm giới tính của tác giả, đối tượng người đọc,...

Ví dụ:

– Tập truyện của một tác giả: các tập truyện ngắn của Thạch Lam như: *Gió lạnh đầu mùa* (1937), *Nắng trong vườn* (1938), *Sợi tóc* (1942); tập truyện ngắn của Nguyễn Tuân như: *Vang bóng một thời* (1940); tập truyện ngắn của Sơn Nam: *Hương rừng Cà Mau* (tái bản 2014).

– Tuyển chọn văn bản theo đối tượng người đọc: tuyển tập thơ thiếu nhi; tuyển chọn theo nội dung; tuyển tập truyện kinh dị,...

– Tuyển chọn theo giới tính: *Truyện ngắn nữ đặc sắc Việt Nam từ 1986 đến nay* (Nxb Phụ nữ, 2015).

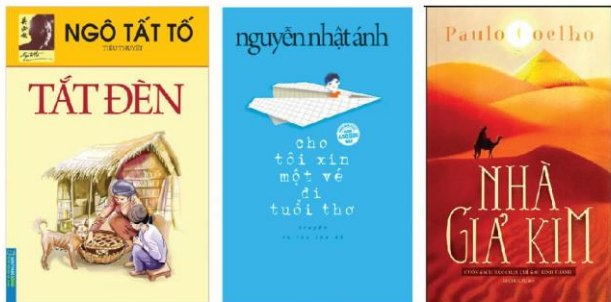
– Tuyển chọn lại những tác phẩm hay, tiêu biểu cho phong cách một nhà văn để xuất bản dưới dạng tuyển tập như: *Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao*, *Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*,...



Hình ảnh bìa một số tập truyện ngắn

Tiểu thuyết (một tập hay nhiều tập) khác với tập truyện ngắn ở chỗ nó là một tác phẩm độc lập và hoàn chỉnh, có dung lượng lớn, cấu trúc phức tạp. Với đặc điểm đó, tác phẩm tiểu thuyết có khả năng phản ánh đời sống hiện thực khách quan rộng lớn với nhiều chiều kích không gian, thời gian khác nhau; đan xen, đồng hiện; nhiều bức tranh phong tục, đạo đức, văn hoá xã hội,... tái hiện nhiều nhân vật, tính cách đa dạng.

Như vậy, khác biệt cơ bản của truyện ngắn và tiểu thuyết không chỉ là dung lượng, độ dài, mà chủ yếu là ở phạm vi phản ánh đời sống, ở tính đa dạng về chủ đề, nhân vật và độ phức tạp trong cách tổ chức tác phẩm.



Hình ảnh bìa một số tác phẩm truyện dài, tiểu thuyết

2.2. Cách đọc tập truyện ngắn và tiểu thuyết

a. Cách đọc tập truyện ngắn

Việc đọc hiểu tập truyện ngắn phải được bắt đầu từ việc đọc từng truyện trong tập truyện và phải được thực hiện qua từng bước.

Bước 1: Đọc lướt nhan đề, mục lục

Bước đầu tiên trong quá trình đọc hiểu cả tập truyện ngắn là:

– Đọc lướt, quan sát bìa tập truyện gồm: nhan đề, hình vẽ, tên tác giả/ các tác giả,... để có thể có những dự đoán ban đầu về nội dung chính của tập truyện. Tìm tên nhà xuất bản để dự đoán nội dung tập truyện, người đọc mà các ấn phẩm của nhà xuất bản này thường hướng đến. Ví dụ: Nhà xuất bản Văn học thường xuất bản các tác phẩm văn học dành cho mọi lứa tuổi.

– Đọc lướt *Lời giới thiệu*, nhan đề của từng truyện trong mục lục để tiếp tục dự đoán về nội dung chính của cả tập truyện ngắn.

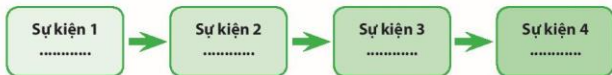
Bước 2: Đọc hiểu từng truyện ngắn

Để đọc hiểu một truyện ngắn, các bạn cần:

– Đọc lướt, quan sát nhan đề truyện để dự đoán về nội dung, giọng điệu và thể loại dựa trên kiến thức nền (nếu có) về bối cảnh khi câu chuyện ra đời, về phong cách sáng tác của nhà văn bằng cách trả lời các câu hỏi: *Câu chuyện này viết về cái gì? Tôi đã biết gì về tác giả này? Truyện được sáng tác trong hoàn cảnh nào?...* Tuy nhiên, bạn cần lưu ý là ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, người đọc có thể đem đến cho truyện những ý nghĩa mới do bối cảnh văn hoá, xã hội đặc thù.

– Đọc thầm, đọc diễn cảm để cảm nhận giọng điệu của các nhân vật trong truyện; giọng điệu, thái độ của người kể chuyện đối với các sự kiện được kể.

– Tìm các chi tiết, sự kiện tiêu biểu trong truyện (tham khảo sơ đồ sau):



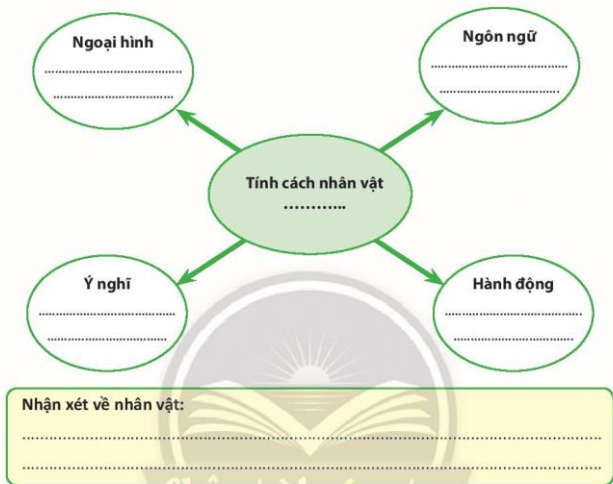
Sơ đồ cốt truyện

– Điền vào phiếu sau để hiểu nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

Phiếu ghi chép về câu chuyện

Tên tác phẩm:
Bối cảnh câu chuyện
Địa điểm xảy ra câu chuyện:
Thời gian xảy ra câu chuyện:
Nhân vật
Nhân vật/ các nhân vật chính:
Nhân vật/ các nhân vật phụ:
Xung đột/ Mâu thuẫn
Liệt kê các sự kiện dẫn đến xung đột:
1.....
2.....
3.....
Giải thích cách giải quyết mâu thuẫn/ xung đột trong truyện:
.....
.....

– Tìm hiểu tính cách của nhân vật chính trong câu chuyện biểu hiện qua ngoại hình, ngôn ngữ, ý nghĩ, hành động (tham khảo sơ đồ sau):



Sơ đồ đặc điểm, tính cách nhân vật qua các yếu tố

– Tìm những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện: cách dùng từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, cách kể chuyện, cách xây dựng tình huống, cách miêu tả nhân vật, giọng điệu,...

– Dựa trên những ghi chép về từ ngữ, nhân vật, cốt truyện, bối cảnh,... bạn hãy xác định chủ đề và thông điệp của văn bản mà tác giả muốn gửi đến người đọc bằng cách trả lời các câu hỏi: *Vấn đề chính mà tác giả muốn thể hiện thông qua câu chuyện này là gì? Tác giả muốn nói gì với người đọc, muốn gửi gắm điều gì về cách nhìn cuộc sống, con người?*

– Cuối cùng, bạn hãy ghi lại những suy ngẫm, cảm xúc về cuộc sống, con người mà câu chuyện đã gợi lên trong bạn, những bài học từ cách ứng xử mà bạn học được từ các nhân vật trong truyện.

Bước 3: Đọc hiểu tập truyện ngắn

- Sau khi đã đọc từng truyện (như hướng dẫn ở bước một).
- Tìm hiểu, so sánh các truyện ngắn trong tập về nội dung (*đề tài, chủ đề, câu chuyện,...*) và hình thức nghệ thuật (*cách xây dựng nhân vật, sử dụng người kể chuyện, vai kể, điểm nhìn, lời văn,...*) và lập phiếu ghi chép (tham khảo mẫu phiếu dưới đây):

PHIẾU GHI CHÉP TỔNG HỢP VỀ TẬP TRUYỆN NGẮN

TT	Tên truyện tác giả	Điểm mới, đáng lưu ý về nội dung	Nét đặc sắc về nghệ thuật	Chi tiết quan trọng, độc đáo
1				
2				
3				
...				

b. Cách đọc tiểu thuyết

Thể loại tiểu thuyết có những đặc điểm giống như truyện ngắn nên việc đọc tiểu thuyết có thể thực hiện một số nội dung và sử dụng một số phiếu ghi chép về nhân vật, tính cách, chi tiết, ngôn ngữ,... như khi đọc truyện ngắn/ tập truyện ngắn.

Các bước đọc tiểu thuyết có thể được thực hiện như sau:

- Đọc lướt và quan sát bìa cuốn tiểu thuyết gồm: nhan đề, hình vẽ, tên tác giả; tìm tên nhà xuất bản để dự đoán nội dung, người đọc mà các ấn phẩm của nhà xuất bản này thường hướng đến; quan sát màu bìa, ảnh bìa, cách sắp xếp, bố trí các phần/chương,...; đọc lướt mục lục để có cái nhìn tổng quan toàn bộ nội dung của tiểu thuyết, giúp bạn bước đầu hình dung mối quan hệ giữa các phần/chương của cuốn tiểu thuyết.

Bạn có thể tự nêu và trả lời các câu hỏi sau:

- + Nhan đề được đặt bởi tên gọi (nhân vật, địa danh,...) hay nội dung/ đề tài? Nhan đề gợi cho bạn những suy nghĩ/ cảm xúc gì? (về nội dung, về tác giả,...)
- + Màu bìa, ảnh bìa, cách sắp xếp, bố trí các phần/ chương,... có gì ấn tượng? Điều này tạo cảm xúc, ấn tượng ban đầu đối với bạn như thế nào?
- + Tiểu thuyết có bao nhiêu phần/ chương? Nhan đề mỗi phần/ chương có gì đặc biệt? Tên mỗi phần/ chương (nếu có) liên quan thế nào đến nhan đề của cuốn tiểu thuyết? Những phần/ chương (nếu có tên) nào ấn tượng?

– Đọc lướt *Lời giới thiệu* để nắm bắt nội dung chính của tiểu thuyết, ý kiến đánh giá của người viết lời giới thiệu về cuốn tiểu thuyết và tự trả lời các câu hỏi: *Lời giới thiệu cung cấp cho bạn những thông tin gì? Bên cạnh kỉ tự, Lời giới thiệu có kèm các yếu tố đa phương thức nào? Nếu có, ý nghĩa của các yếu tố đó?*

Trên cơ sở những thông tin chung về cuốn tiểu thuyết, người đọc huy động những hiểu biết và trải nghiệm của bản thân có liên quan để dự đoán về nội dung văn bản, cũng như xác định những cảm xúc, ấn tượng ban đầu và xác định mục đích đọc, định hướng cách đọc. Mục đích đọc nói chung có thể là giải trí, lấy thông tin hay để cảm thụ, thưởng thức,...; đọc để viết bài giới thiệu hay để thuyết trình trước lớp,...

Nội dung đọc hiểu trên có thể ghi chép vào phiếu như sau:

Thông tin về cuốn tiểu thuyết		Cảm nhận của tôi
Nhan đề:		
Màu bìa, hình bìa:		
Nhà xuất bản:		
Mục lục:		
Một số phần/ chương ấn tượng:		
Những điều tôi đã biết:		
Những điều tôi muốn biết:		
Tôi sẽ:		

– Đọc kĩ lần lượt từng phần/chương cuốn tiểu thuyết để tìm hiểu các tuyến nhân vật, nhân vật, sự kiện chính, diễn biến sự kiện trong mỗi phần/chương,... Khi tìm hiểu về nhân vật, các tuyến nhân vật, bạn cần trả lời các câu hỏi như: *Tiểu thuyết có những tuyến nhân vật nào? Mỗi tuyến nhân vật có những ai? Mối quan hệ giữa các tuyến nhân vật? Phạm vi đời sống được phản ánh trong từng chương/ phần và trong toàn bộ tiểu thuyết là gì? Bạn cũng có thể dùng sơ đồ để tóm tắt các mạch truyện, các tuyến nhân vật; đánh dấu và ghi những gì bạn đọc dựa vào một số mẫu ghi chép đã hướng dẫn trong phần cách đọc truyện ngắn.*

– So sánh, kết nối các chương/phần về nội dung (chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp,...) hình thức nghệ thuật (*khắc hoạ nhân vật, sử dụng người kể chuyện, điểm nhìn, chi tiết nghệ thuật,...*) và lập phiếu ghi chép tổng hợp (tham khảo mẫu phiếu ghi chép dưới đây):

PHIẾU GHI CHÉP TỔNG HỢP VỀ TIỂU THUYẾT... (ghi rõ tên tiểu thuyết)

Chương/ phần	Điểm đáng lưu ý về nội dung	Những nét đặc sắc về nghệ thuật	Chi tiết, bằng chứng quan trọng, độc đáo
1			
2			
3			
...			

Rút ra những nhận định khái quát về tiểu thuyết, liên hệ nội dung tiểu thuyết với bản thân, với đời sống. Bạn có thể nêu và trả lời các câu hỏi như sau:

- + Câu chuyện trong cuốn tiểu thuyết gợi cho bạn nhớ đến câu chuyện, sự việc nào đã từng tham gia hoặc chứng kiến? Cảm xúc của bạn lúc đó thế nào?
- + Nhân vật/ chi tiết trong tiểu thuyết giống nhân vật/ chi tiết nào bạn đã từng đọc? Nét riêng của mỗi nhân vật/ chi tiết?
- + Câu chuyện/ nhân vật có làm thay đổi suy nghĩ/ tình cảm của bạn?
- + Bạn đồng ý hay không đồng ý với tác giả ở điểm nào?

III. THỰC HÀNH ĐỌC

1. Thực hành đọc tập thơ

Lựa chọn một tập thơ mà bạn yêu thích và thực hành đọc theo một số phiếu đọc sách gợi ý ở phần trên; tổng hợp kết quả đọc theo phiếu sau:

TÊN TẬP THƠ		
Yếu tố trong thơ	Thể hiện trong văn bản	Cảm nhận của tôi
BÀI THƠ		
Hình ảnh, từ hay:		
Biện pháp tu từ:		
Tính nhạc: thể thơ, nhịp thơ, gieo vần, từ láy,...		
Chủ đề trữ tình trong bài thơ:		

Mạch cảm xúc của bài thơ:		
Thông điệp:		
BÀI THƠ		
Suy ngẫm và cảm nhận chung:		

2. Thực hành đọc tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết

Lựa chọn một tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết mà bạn yêu thích và thực hành đọc theo một số phiếu đọc sách gợi ý ở phần trên; tổng hợp kết quả đọc theo phiếu sau:

TÊN TẬP TRUYỆN NGẮN/ TIỂU THUYẾT		
Yếu tố trong văn bản	Thể hiện trong văn bản	Cảm nhận của tôi
TRUYỆN NGẮN/ CHƯƠNG		
Nhân vật/ tuyến nhân vật:		
Sự kiện chính:		
Chi tiết:		
Bối cảnh:		
Ngôi kể:		
Ngôn ngữ:		
Thông điệp:		
TRUYỆN NGẮN/ CHƯƠNG		
Suy ngẫm và cảm nhận chung:		

3. Gợi ý văn bản đọc

- **Tập thơ:** Quốc âm thi tập (Nguyễn Trãi), Mây đầu ô (Quang Dũng), Xuân Quỳnh – Thơ tình (Xuân Quỳnh), Bài thơ của một người yêu nước mình (Trần Vàng Sao),...
- **Tập truyện ngắn:** Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam), Tiếng gọi nơi hoang dã (Jack London), Khó mà tìm được một người tốt (Flannery O'Connor),...
- **Tiểu thuyết:** Cho tôi một vé đi tuổi thơ (Nguyễn Nhật Ánh), Biển xanh màu lá (Nguyễn Xuân Thuý), Nhà giả kim (Paulo Coelho), Harry Potter (J. K. Rowling),...

Phần thứ hai VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

I. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Mỗi ngày có rất nhiều cuốn sách mới được xuất bản và phát hành trên thị trường. Mỗi cuốn sách cần có lời giới thiệu để giúp cho những người đọc ở các lứa tuổi, thị hiếu và nhu cầu đọc khác nhau dễ dàng lựa chọn sách phù hợp với mình.

Bên cạnh đó, còn có những bài giới thiệu sách nhằm mục đích trình bày kết quả nghiên cứu của nhà nghiên cứu về nội dung, nghệ thuật và phong cách sáng tác của nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch,...

II. CẤU TRÚC BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Bạn hãy đọc hai văn bản giới thiệu sách dưới đây để hiểu được cấu trúc bài giới thiệu một tập thơ, một cuốn tiểu thuyết, qua đó học cách viết lời giới thiệu cuốn sách mà bạn yêu thích đến bạn bè và người thân của bạn.

Văn bản 1

GIEO TRONG BÓNG TỐI VÀ DỊCH CHUYỂN VỀ ÁNH SÁNG¹

Susan Blanshard (Su-sân Bờ-len-hát)

Với 14 cuốn sách đã được xuất bản, cho đến nay, tập thơ song ngữ mới nhất của Mai Văn Phan, *Những hạt giống của đêm và ngày*, mang tiếng nói của nhà thơ đến với bạn đọc quốc tế. Giờ đây, công chúng yêu thơ khắp thế giới có thêm góc nhìn hiếm hoi về đất nước và văn hoá Việt Nam. Quá khứ mờ sương, hiện tại không ngừng diễn tiến và tương lai bất khả đoán, tất cả được biểu hiện qua đôi mắt, trái tim và tâm hồn của nhà thơ, một trong những tác giả sáng tác nhiều và tạo được ấn tượng mạnh trong văn học Việt Nam đương đại.

Mai Văn Phan viết bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Tiếng Việt giàu biểu cảm, đa nghĩa, nhiều tượng trưng và mang tính ẩn dụ cao. Thơ ông đầy ắp những kỉ niệm, trải nghiệm, cảm xúc,... Trong tập thơ *Những hạt giống của đêm và ngày*, Mai Văn Phan đã đào sâu vào sự thật. Ngôn từ của ông biểu lộ giá trị văn hoá, tinh thần, những truyền thống và tập tục của dân tộc Việt. Ở đây, nhà thơ cất tiếng nói về những niềm vui và nỗi buồn mà dân tộc ông trải qua.

¹ Bản dịch tiếng Việt của Lê Đình Nhất-Lang.

Thơ ông soi sáng và khơi lộ những nghèo đói và bệnh tật, khổ đau và lạc hậu, đồng thời, nắm bắt được con tim và linh hồn, cũng như những cách diễn đạt của người Việt. Ngôn ngữ thơ ông luôn hướng về tương lai, như đất nước của ông đang chuyển động về phía trước. Nhà thơ trở thành một phần của sự chuyển biến trong xã hội. Người ta thường nói, một nhà thơ càng có ảnh hưởng lớn, khi quyển thơ càng độc đáo và lan toả... thì càng tạo ra nhiều ảnh hưởng tích cực tới xã hội. Nhà thơ kiến tạo xã hội và thiên nhiên theo cách riêng của mình. Điều đặc ngộ hiếm hoi và chân thành ấy được bộc lộ không chút dè dặt trong cuốn sách được trông đợi này.

Nhà thơ Mai Văn Phấn nói: "Chúng tôi luôn hi vọng vào tương lai sáng sủa hơn, như những hạt giống được gieo trong bóng tối và dịch chuyển về ánh sáng". Ông đã khám phá những bí ẩn, phức tạp của bản chất con người và thế giới tự nhiên. Một bình minh vừa rạng, con sâu trong nách lá, tiếng thở dài của thiếu phụ,... Mai Văn Phấn đã thấy thế giới ấy qua nhãn quan của một nhà thơ có khả năng nhìn vào một thế giới khác. Phiên bản song ngữ này, được dịch từ nguyên tác của nhà thơ, cho người đọc có được cái nhìn sâu hơn vào đất nước Việt Nam của Mai Văn Phấn.

(In trong Lời nói đầu tập thơ song ngữ Việt – Anh *Những hạt giống của đêm và ngày* (*Seeds of Night and Day*) của Mai Văn Phấn, Nxb Page Addie Press, Anh quốc, 2013; Nxb Hội Nhà văn, tái bản năm 2013)

Trả lời câu hỏi:

1. Văn bản trên gồm mấy phần?
2. Trong đoạn đầu, người giới thiệu tập thơ đã trình bày những gì?
3. Tác giả đã giới thiệu với người đọc những thông tin gì về tập thơ trong đoạn 2 và 3 của văn bản?
4. Xác định nội dung của đoạn cuối trong văn bản.
5. Qua bài viết này, bạn học được điều gì về cách viết *Lời giới thiệu sách* của tác giả?

Văn bản 2

LÁ CỜ THIÊU SÁU CHỮ VÀNG BI TRẮNG CHÂN DUNG NGƯỜI ANH HÙNG NHỎ TUỔI NƯỚC ĐẠI VIỆT¹

Hoàng Thảo

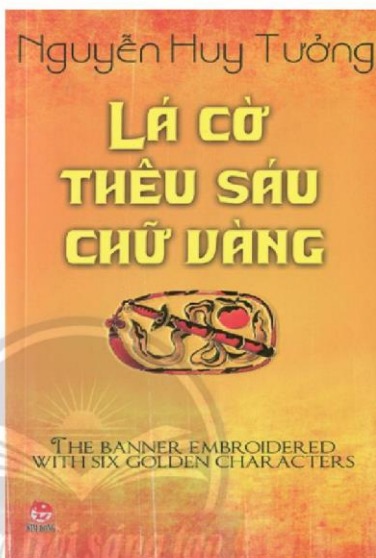
Lá cờ thiêu sáu chữ vàng của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng là tác phẩm gắn liền với nhiều thế hệ thiếu nhi. Tác phẩm xoay quanh nhân vật chính Trần Quốc Toản, người anh hùng nhỏ tuổi với khát khao mãnh liệt "Phá cường địch báo hoàng ân".

¹ Lời giới thiệu cho cuốn sách *Lá cờ thiêu sáu chữ vàng*, bản song ngữ, Nxb Kim Đồng, tái bản 2010.

Tác phẩm lấy bối cảnh cuộc chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai của nhà Trần, cuộc chiến gay go và khốc liệt nhất. Với mục đích hướng đến đối tượng độc giả trẻ tuổi, đặc biệt bao gồm cả thiếu nhi, Nguyễn Huy Tưởng đã trau chuốt kĩ lưỡng ngôn từ của mình. Nói về cách chấp bút của Nguyễn Huy Tưởng trong tác phẩm này, nhà văn Nguyễn Ngọc cho biết: “Ông viết kĩ từng câu, chọn từng từ, nung nhẹ như với những cánh hoa. Đồng thời, từ tốn và trang nghiêm, ông dẫn dắt các cháu đến với những khái niệm cơ bản về lịch sử, đất nước, dân tộc, con người”.

Tiểu thuyết này có rất nhiều nhân vật, cả ở bên ta cả ở bên Hán, tất cả đều được xây dựng để đặt vào mối quan hệ với nhân vật chính là người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản. Mới chỉ 15 tuổi nhưng Trần Quốc Toản đã không chịu được sự hống hách, ép bức cùng cực của vua tôi nhà Hán, đã một mực xin mẹ được ra đi để chiêu mộ binh lính đánh giặc. Tính cách quyết đoán, gan dạ và khí phách anh hùng, dòng dõi nhà Trần của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản đã được tác giả miêu tả rõ qua từng suy nghĩ, hành động, cử chỉ.

“Hoài Văn Hầu dẫn sáu trăm gã hào kiệt âm âm đi đuổi Toa Đô đang chạy tháo thân ra bể. Lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng căng phồng lên trong gió hè lồng lộng thổi. Dưới lá cờ bay cao, gương giáo tua tủa như hàng rào, nghiêng nghiêng trong bụi mù, nhòa dần trong bóng chiều đổ xuống. Qua rừng, qua núi, qua đèo, qua sông, lá cờ sáu chữ dẫn Hoài Văn và sáu trăm gã hào kiệt đi mãi, đi mãi tới những nơi nào còn có bóng quân Nguyên...” (trích từ tác phẩm).



Nguyễn Huy Tưởng là tác giả của những tiểu thuyết lịch sử hào hùng, oanh liệt. Ông được coi là cây bút hàng đầu về đề tài lịch sử với đa dạng các thể loại, và thành công nhất là kịch và tiểu thuyết. Nổi bật nhất trong hai thể loại đó lần lượt là vở kịch *Vũ Như Tô* và tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*. Không phải ngẫu nhiên mà ông được đánh giá vào hàng những cây bút xuất sắc trong mảng lịch sử. Yêu cầu quan trọng nhất khi viết về đề tài này là người viết phải cung cấp thông tin liên quan đến sự vật, sự việc một cách chính xác, có độ tin cậy cao, không chỉ là xoay quanh những cảm xúc, suy nghĩ, hành động của nhân vật chính, mà là cả những chi tiết, diễn biến nhỏ như: nhân vật phụ, thời gian, địa điểm,... Nguyễn Huy Tưởng đã làm được cái việc ấy một cách rất xuất sắc. Ông khéo léo dựa trên nền tảng vững chắc lịch sử hào hùng của nước nhà, chắp thêm cánh cho nó để biến thành một tiểu thuyết lịch sử vừa hấp dẫn, vừa cung cấp cho người đọc hiểu biết về những sự kiện đã xảy ra.

Như trong chính tác phẩm này, cái tài của Nguyễn Huy Tưởng nằm ở chỗ ông hình dung và xác lập ra những mốc thời gian, địa điểm của từng tình tiết nhỏ (hư cấu) một cách chi tiết, khoa học và logic. Ông đặt mình vào nội tâm từng nhân vật, để từ đó nêu bật được những suy nghĩ, cảm xúc của họ, kể cả tuyến nhân vật phụ như: mẹ của Trần Quốc Toản, Thế Lộc, Toa Đô,... rất hợp lý, hợp tình, để giúp cho người đọc có thể thấu tỏ, bao quát được bức tranh sự kiện và có cái nhìn rõ hơn về từng nhân vật lịch sử.

Lá cờ thêu sáu chữ vàng bản song ngữ là sự lựa chọn hoàn hảo cho độc giả vừa muốn tìm hiểu về lịch sử nước nhà, vừa muốn nâng cao trình độ tiếng Anh của mình. Tất cả các phần của quyển sách, từ lời giới thiệu đến phần truyện, đều được dịch sang tiếng Anh.

Phiên dịch tiếng Anh được biên soạn bởi dịch giả, nhà ngoại giao Hoàng Túy. Là một tiểu thuyết hướng đến độc giả trẻ, đặc biệt bao gồm cả thiếu nhi, nên phần dịch khá dễ hiểu, rõ ràng, mạch lạc. Hoàng Túy đã sử dụng từ ngữ rất hợp lý, không quá sơ sài mà cũng không quá học thuật, kết hợp cùng cách sử dụng ngữ pháp thông dụng và giọng kể lôi cuốn. Vì là về đề tài lịch sử nên cũng có nhiều từ vựng khá ít gặp, nếu bạn nào đọc phần tiếng Việt rồi thì đều có thể đoán ra nghĩa, hoặc có thể tra từ điển để hiểu ý nghĩa của từ đó trong ngữ cảnh. Đây là một cách rất hiệu quả để làm phong phú vốn từ vựng của bản thân, đồng thời cũng nắm bắt được cách sử dụng linh hoạt các thì trong văn kể chuyện.

Với *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, tác giả đã gặt hái được rất nhiều thành công, trong đó có những giải thưởng danh giá. Có thể khẳng định, đây là tác phẩm đưa tên tuổi Nguyễn Huy Tưởng vào hàng ngũ những cây bút hàng đầu cho thiếu nhi. *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* là một áng văn không nên bỏ lỡ với bất cứ ai yêu thích lịch sử Việt Nam.

(<https://hoahocro.tienphong.vn/la-co-theu-sau-chu-vang-bi-trang-chan-dung-nguoi-anh-hung-nho-tuoi-nuoc-dai-viet-post1236715.tpo>)

Từ bài viết trên, bạn hãy xác định đặc điểm của bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Xác định bố cục của bài viết.
2. Nhan đề của bài viết có hấp dẫn, tạo sự thu hút đối với người đọc hay không?
3. Trong đoạn thứ nhất, người viết đã nêu những thông tin chung nào về tác phẩm *Lá cờ thù sáu chữ vàng*?
4. Nội dung của đoạn thứ hai đến đoạn thứ năm là gì?
5. Tác giả đã thuyết phục người đọc nên đọc *Lá cờ thù sáu chữ vàng* bản song ngữ bằng những dẫn chứng nào?
6. Trong đoạn cuối, tác giả đã khuyến khích người đọc nên đọc tác phẩm *Lá cờ thù sáu chữ vàng* bằng cách nào?
7. Hãy chỉ ra những điểm giống và khác nhau về nội dung, cấu trúc của Văn bản 1 và 2.

III. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN BÀI VIẾT

1. Chuẩn bị

a. Xác định đề tài, mục đích viết, thu thập tư liệu

Để có thể thực hiện được bài viết của mình, bạn hãy:

- Xác định rõ yêu cầu của đề bài.
- Xác định mục đích, đối tượng người đọc của mình.
- Đọc kĩ cuốn sách mà bạn muốn giới thiệu.
- Tìm đọc một số thông tin về tác giả, những sáng tác của tác giả và những ý kiến đánh giá về cuốn sách của các nhà văn, nhà phê bình,... đăng trên các báo, các diễn đàn về cuốn sách (nếu có thể).

Lưu ý: Bạn có thể sử dụng những ghi chép trong phần *Thực hành đọc* để chuẩn bị cho bài viết.

b. Tìm ý, lập dàn ý

Từ những kết quả đọc và ghi chép, bạn có thể lập dàn ý cho bài giới thiệu một cuốn sách dựa trên những gợi ý sau:

- **Mở bài:** giới thiệu thông tin chung về cuốn sách, gồm hai ý:
 - Tên sách, thể loại, tên tác giả.
 - Nội dung chính của cuốn sách.

• **Thân bài:** tóm tắt nội dung sách, nêu một số nhận xét về nội dung và nghệ thuật của cuốn sách:

– Đối với tác phẩm thơ:

+ Nêu số lượng các bài thơ.

+ Trình bày mạch cảm xúc chung.

+ Nhận xét, đánh giá một vài điểm đặc biệt của tập thơ về cách cảm nhận, cách nhìn con người, cuộc đời, cách viết / phong cách sáng tác của tác giả, chỉ ra một vài điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và cách viết giữa các tác giả (nếu là tập thơ của nhiều tác giả).

– Đối với tập truyện:

+ Nêu số lượng các truyện.

+ Trình bày nội dung chung của cả tập.

+ Chỉ ra một vài điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và cách viết giữa các truyện và giữa các tác giả (nếu là tập truyện của nhiều tác giả).

+ Cảm nhận / đánh giá về một số nét đặc biệt trong phong cách sáng tác của tác giả / các tác giả.

– Đối với tiểu thuyết:

+ Bối cảnh (thời gian, địa điểm,...) xảy ra câu chuyện.

+ Các tuyến nhân vật, xung đột giữa các tuyến nhân vật / nhân vật.

+ Cảm nhận / đánh giá về một số nét đặc biệt trong phong cách sáng tác của tác giả.

• **Kết bài:**

– Khẳng định về giá trị của tập thơ / tập truyện ngắn / tiểu thuyết.

– Đề xuất mọi người nên đọc.

2. Viết bài

Dựa trên dàn ý đã lập, bạn hãy viết thành một bài giới thiệu sách hoàn chỉnh với độ dài từ 600 đến 800 chữ. Khi viết, bạn có thể đặt nhan đề cho bài viết sao cho vừa thể hiện được nội dung chính của bài viết, vừa thu hút người đọc.

3. Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Sau khi viết xong, bạn hãy dùng bảng kiểm dưới đây để tự chỉnh sửa bài viết của mình:

Bảng kiểm bài viết giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tên sách, thể loại, tên tác giả.		
	Giới thiệu nội dung chính của tập thơ/ tập truyện ngắn/ tiểu thuyết.		
	Trình bày trọn vẹn về ý trong một đoạn văn.		
Thân bài	Tóm tắt được nội dung chính của tập thơ/ tập truyện ngắn/ tiểu thuyết.		
	Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật của tập thơ/ tập truyện ngắn/ tiểu thuyết.		
	Trình bày nhận xét, đánh giá về tập thơ/ tập truyện ngắn/ tiểu thuyết.		
	Chỉ ra một vài điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và cách viết giữa các bài thơ/ các truyện và giữa các tác giả (nếu là tập thơ/ tập truyện của nhiều tác giả).		
	Có độ dài ít nhất hai đoạn văn.		
Kết bài	Khẳng định giá trị của tập thơ/ tập truyện ngắn/ tiểu thuyết.		
	Đề xuất mọi người nên đọc.		
	Trình bày trọn vẹn về ý trong một đoạn văn.		

Lưu ý: Khi giới thiệu sách cho bạn đọc, cần cung cấp thông tin rõ ràng về tên nhà xuất bản, năm xuất bản. Những thông tin này có thể để trong phần mở bài hoặc kết bài.

Phần thứ ba

**TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN
HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT**

I. NHỮNG YÊU CẦU CHUNG

Nếu bạn không có nội dung nào hấp dẫn và được chuẩn bị tốt, bạn không thể có một buổi thuyết trình thành công.

(Richard Hall)

Trình bày, giới thiệu về một tập thơ, truyện ngắn hay tiểu thuyết tức là trình bày bằng lời trước người nghe những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm, tóm tắt nội dung tác phẩm và thể hiện được cảm nhận / đánh giá về một số nét đặc sắc của nội dung, nghệ thuật, giúp người khác hiểu rõ nội dung mình truyền tải. Để việc trình bày, giới thiệu một tác phẩm văn học đạt được hiệu quả, bạn cần lưu ý các yêu cầu sau:

- Xác định đề tài, người nghe, thời gian, không gian và mục đích của việc trình bày bài giới thiệu.
- Giới thiệu các thông tin cơ bản về tập thơ, truyện ngắn hay tiểu thuyết: thể loại, tác giả, nhan đề, chủ đề chung, nhà xuất bản, năm xuất bản, lần xuất bản,...
- Trình bày về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, có điểm nhấn ở một vài điểm.
- Nêu cảm nhận / đánh giá về một số nét đặc biệt trong cách viết của tác giả.
- Thể hiện sự yêu thích tác phẩm, đề xuất mọi người nên đọc tác phẩm.
- Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ,...), điều khiển quá trình giao tiếp đạt được mục đích đã xác định.

II. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói

- Đề tài: giới thiệu về một tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết mà bạn yêu thích.
- Người nghe: bạn cần xác định người nghe có thể là ai.
- Mục đích: trước khi trình bày giới thiệu về một tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết, bạn cần xác định “mục đích nói là gì?”.
- Không gian, thời gian: địa điểm trong lớp học hoặc ở hội trường.

2. Chuẩn bị nội dung nói: tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

- Chọn một tập thơ, một tập truyện ngắn hay tiểu thuyết mà bạn yêu thích và muốn trình bày, giới thiệu, chia sẻ với người khác (bạn có thể chọn lại các tác phẩm đã được trình bày trong phần viết bài giới thiệu về một tập thơ, tập truyện ngắn, cuốn tiểu thuyết).

- Đọc kĩ tác phẩm và tìm kiếm các thông tin liên quan đến tác phẩm, tác giả.
- Xác định các ý chính trong bài giới thiệu, các nội dung cần phân tích, giải thích, các dẫn chứng tiêu biểu minh họa.

Lập dàn ý

Đọc lại bài đã viết, gạch chân các từ khóa, tìm các ý chính và lập dàn ý bài nói dưới dạng đề cương hoặc sơ đồ. Đề cương hoặc sơ đồ cần đảm bảo những ý sau:

• Mở bài

- Nêu ngắn gọn lí do vì sao chọn tập thơ, tập truyện hay tiểu thuyết này để giới thiệu.
- Giới thiệu thông tin chung về tập thơ, tập truyện hay tiểu thuyết: thể loại, tác giả, chủ đề chung,...

• Thân bài

- Tóm tắt được nội dung chính của cuốn sách.
- Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật của cuốn sách.
- Trình bày nhận xét, đánh giá về cuốn sách.
- Chỉ ra một vài điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và cách viết giữa các bài thơ/ các truyện và giữa các tác giả (nếu là tập thơ/ tập truyện của nhiều tác giả).

• Kết bài

- Tóm tắt ngắn gọn nội dung vừa giới thiệu, khẳng định một lần nữa giá trị về nội dung nghệ thuật của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.
- Thể hiện sự yêu thích tác phẩm, đề xuất mọi người nên đọc tác phẩm.

3. Luyện tập và trình bày

Dựa vào các nội dung đã phân thảo ở trên, bạn có thể luyện nói một mình hoặc với bạn bè. Khi luyện tập và trình bày, bạn cần chú ý:

- Phân thảo kịch bản cho phần trình bày: chuẩn bị một số câu dẫn, câu chuyển phù hợp với văn phong nói - giới thiệu; ghi chú cách trình bày, thời gian dành cho từng phần; dự kiến những câu hỏi mà người nghe có thể hỏi và chuẩn bị câu trả lời.
- Chuẩn bị phương tiện hỗ trợ: slide trình chiếu, hình ảnh hoặc clip minh họa, thiết bị âm thanh (nếu cần); phối hợp hiệu quả giữa bài giới thiệu (lời nói) và các phương tiện hỗ trợ (hình ảnh, âm thanh,...).
- Lựa chọn cách xưng hô phù hợp; chào hỏi, giới thiệu bản thân.
- Tương tác với người nghe, định hướng điều chỉnh để quá trình giao tiếp đạt được mục đích đã xác định.

– Dựa vào bảng kiểm dưới đây để định hướng cho trình bày, giới thiệu của mình.

**Bảng kiểm kĩ năng trình bày, giới thiệu một tập thơ,
một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết**

Nội dung		Đạt	Chưa đạt
Chào hỏi trước khi bắt đầu, giới thiệu tên mình và chào trước khi kết thúc, cảm ơn người nghe.			
Bài giới thiệu có đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.			
Mở đầu	Tạo được ấn tượng, sự chú ý từ phía người nghe.		
	Giới thiệu thông tin cơ bản về tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết: thể loại, tác giả, nhan đề, chủ đề chung, nhà xuất bản,...		
	Nhận xét, đánh giá khái quát về nội dung, nghệ thuật của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.		
Nội dung chính	Tóm tắt được nội dung của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.		
	Làm nổi bật được nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.		
	Chỉ ra một vài điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và cách viết giữa các bài thơ/ các truyện và giữa các tác giả (nếu là tập thơ / tập truyện của nhiều tác giả).		
	Thể hiện cảm nhận/ đánh giá về một số nét đặc biệt trong nội dung tác phẩm và cách viết của tác giả.		
Kết thúc	Nêu bình luận chung về tác phẩm, thể hiện sự yêu thích tác phẩm.		
	Đề xuất mọi người tìm đọc và lí do nên đọc tác phẩm.		
Sử dụng giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.			
Ngôn ngữ nói ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết, truyền cảm.			
Tự tin và tương tác với người nghe khi trình bày.			
Sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan để làm rõ nội dung giới thiệu.			

4. Trao đổi và đánh giá

Trong vai trò người nói và người nghe, bạn tiếp tục dùng bảng kiểm trên để rút kinh nghiệm về cách trình bày của bản thân và góp ý cho phần trình bày của bạn mình.

Lưu ý:

Với vai trò người nghe, bạn cần góp ý, chia sẻ những hiểu biết, cảm xúc của mình sau khi nghe lời giới thiệu; đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về văn bản tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.

Với vai trò của người nói, bạn cần lắng nghe những ý kiến góp ý, câu hỏi của người nghe một cách cẩn thận với thái độ lịch sự, cởi mở và trao đổi, trả lời những câu hỏi của người nghe.

III. TỔ CHỨC SỰ KIỆN CÂU LẠC BỘ ĐỌC, GIỚI THIỆU TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Yêu cầu

Đây là hình thức tổ chức hoạt động có tính chất câu lạc bộ. Hình thức tổ chức sự kiện câu lạc bộ đọc, giới thiệu tác phẩm văn học, yêu cầu các thành viên tham gia câu lạc bộ cần có sự hợp tác tích cực và lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Có thể tổ chức sự kiện dưới hình thức cuộc thi trình bày, giới thiệu về một tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết giữa các nhóm.

2. Cách thực hiện

Bước 1: Lập kế hoạch thực hiện

Để buổi giới thiệu sách thành công, bạn cần lập kế hoạch thực hiện một cách chi tiết. Đầu tiên là phân công mỗi nhóm đọc một cuốn sách, điều này sẽ giúp buổi thảo luận thú vị hơn và các thành viên trong câu lạc bộ học hỏi được nhiều hơn. Bạn có thể tham khảo bảng kế hoạch dưới đây:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CÂU LẠC BỘ ĐỌC SÁCH

Tên nhóm:

Tên sách: Tác giả:

Bước 1: Thành lập nhóm và phân công các nhóm đọc, giới thiệu một cuốn sách:

Nhóm	Nhiệm vụ	Trưởng nhóm
1	Đọc và giới thiệu cuốn sách.....	
2	Đọc và giới thiệu cuốn sách.....	
3	Đọc và giới thiệu cuốn sách.....	
...	Đọc và giới thiệu cuốn sách.....	

Lưu ý:

- Nên giới thiệu một danh mục những cuốn sách phù hợp với lứa tuổi, có độ dài và độ khó tương đương để các nhóm lựa chọn theo sở thích.
- Xác định rõ thời điểm tổ chức buổi giới thiệu sách để các nhóm thực hiện và có đủ thời gian để thực hiện nhiệm vụ (khoảng hai tuần đến một tháng).

Bước 2: Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
1		
2		
3		
4		

Thời gian đọc và chuẩn bị: từ ngày.... đến ngày....

Thời gian gửi kết quả thực hiện nhiệm vụ cho nhóm trưởng

Thời gian họp lại nhóm để thống nhất nội dung và cách trình bày bài giới thiệu.....

Bước 3: Họp mặt câu lạc bộ

1. Hình thức họp – thời gian – địa điểm

☐	Họp trực tuyến	Thời gian: Từ... đến...	Trên nền tảng:
☐	Họp trực tiếp	Thời gian: Từ... đến...	Tại địa điểm:

2. Trao đổi về cuốn sách đã đọc

Nhóm	Hoạt động	Người thực hiện	Thời gian
Nhóm 1	Các thành viên trong nhóm giới thiệu cuốn sách đã đọc.	Nhóm trưởng dẫn dắt hoạt động, mời các thành viên trình bày từng phần và trao đổi, trả lời câu hỏi của các nhóm khác.	Từ... đến...
Nhóm 2	Mời chuyên gia chia sẻ thêm về cuốn sách.	– Chuyên gia trình bày – Các thành viên lắng nghe, đặt câu hỏi	Từ... đến...
Nhóm 3			
...	Kết thúc buổi họp		Vào lúc:

Bước 2. Chuẩn bị buổi giới thiệu sách

- Xác định địa điểm, thời gian tổ chức sự kiện.
- Thành lập ban tổ chức và phân công nhiệm vụ:
 - Người viết kịch bản chương trình.
 - Người dẫn chương trình.
 - Bộ phận hậu cần: phụ trách trang trí sân khấu và kĩ thuật (máy chiếu, âm thanh).

Bước 3. Tổ chức thực hiện

- Người dẫn chương trình:
 - Giới thiệu khách mời, thành phần tham gia.
 - Nêu lý do, mục đích tổ chức buổi giới thiệu sách.
 - Dẫn dắt, giới thiệu phần trình bày của các nhóm.
- Các nhóm:
 - Thực hiện bài giới thiệu (một hoặc nhiều thành viên cùng tham gia trình bày).
 - Tương tác với người nghe (trao đổi và trả lời các câu hỏi).

Bước 4: Tổng kết, rút kinh nghiệm

- Ban tổ chức rút kinh nghiệm về khâu tổ chức.
- Từng nhóm rút kinh nghiệm về những gì đã trải nghiệm trong phần trình bày, giới thiệu về tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết:
 - Bài giới thiệu nào ấn tượng nhất? Vì sao?
 - Nhóm học được kĩ năng gì trong khi trình bày bài giới thiệu về tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết hoặc khi nghe bạn trình bày?
 - Nếu được trình bày lại, nhóm sẽ điều chỉnh, thay đổi những gì?

BẢNG THUẬT NGỮ

Khái niệm/ thuật ngữ	Nghĩa	Trang
Bàng thoại	Lời nói của nhân vật với khán giả. Thường được nhân vật sử dụng khi một mình trên sân khấu hoặc khi đang đối thoại với nhân vật khác quay sang hỏi/ nói với khán giả.	53, 66, 70
Chuyên gia	Người tinh thông một ngành chuyên môn khoa học, kĩ thuật.	40, 72, 73, 76, 77, 101
Không gian văn hoá dân gian	Không gian văn hoá dân gian thường được dùng để chỉ những khu vực, môi trường có các hoạt động văn hoá dân gian, hoặc gắn với một loại hình văn hoá dân gian nào đó của một cộng đồng cư dân nhất định (như không gian văn hoá cồng chiêng).	40
Lời giới thiệu (Lời nói đầu, Lời tựa...)	Là những lời viết ở đầu sách để trình bày trước một số ý kiến có liên quan đến nội dung cuốn sách.	79, 83, 87, 90, 91, 93, 100
Phiếu đọc sách	Là một dạng Phiếu học tập, do giáo viên hoặc học sinh thiết kế nhằm định hướng cách đọc, tổ chức hoạt động đọc và ghi lại kết quả đọc.	88, 89
Nghệ thuật sân khấu	Là loại hình nghệ thuật tổng hợp của nhiều hình thức nghệ thuật kịch bản văn học, công tác đạo diễn, biểu diễn, âm nhạc, ánh sáng,... với nhiều đối tượng tham gia như: tác giả kịch bản, đạo diễn, diễn viên, nhạc sĩ, họa sĩ,... Tác phẩm của nghệ thuật sân khấu gọi là vở diễn. Nghệ thuật sân khấu được chia thành nhiều hình thức: kịch nói, kịch hát, kịch múa, kịch câm,...	43, 55, 56
Truyện thuyết hoá	Một hiện tượng giao thoa thể loại giữa các thể tự sự dân gian, trong đó, các thể loại như thần thoại, cổ tích, giai thoại,... có xu hướng vận động để trở thành truyện thuyết nhằm đáp ứng nhu cầu phản ánh các vấn đề lịch sử, văn hoá tộc người trong bối cảnh mới.	14, 15, 16, 17

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: NGUYỄN DUY THANH

Sửa bản in: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ NGỮ VĂN 10 – Chân trời sáng tạo

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:.....

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 10, Tập một
2. Toán 10, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 10
4. Ngữ văn 10, Tập một
5. Ngữ văn 10, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
7. Tiếng Anh 10 Friends Global
8. Lịch sử 10
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
10. Địa lí 10
11. Chuyên đề học tập Địa lí 10
12. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
14. Vật lí 10
15. Chuyên đề học tập Vật lí 10
16. Hoá học 10
17. Chuyên đề học tập Hoá học 10
18. Sinh học 10
19. Chuyên đề học tập Sinh học 10
20. Âm nhạc 10
21. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
22. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 1)
23. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 2)

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mỗi phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
<http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào láp nhủ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



